

Số 253

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Hạt Mầm Ơi

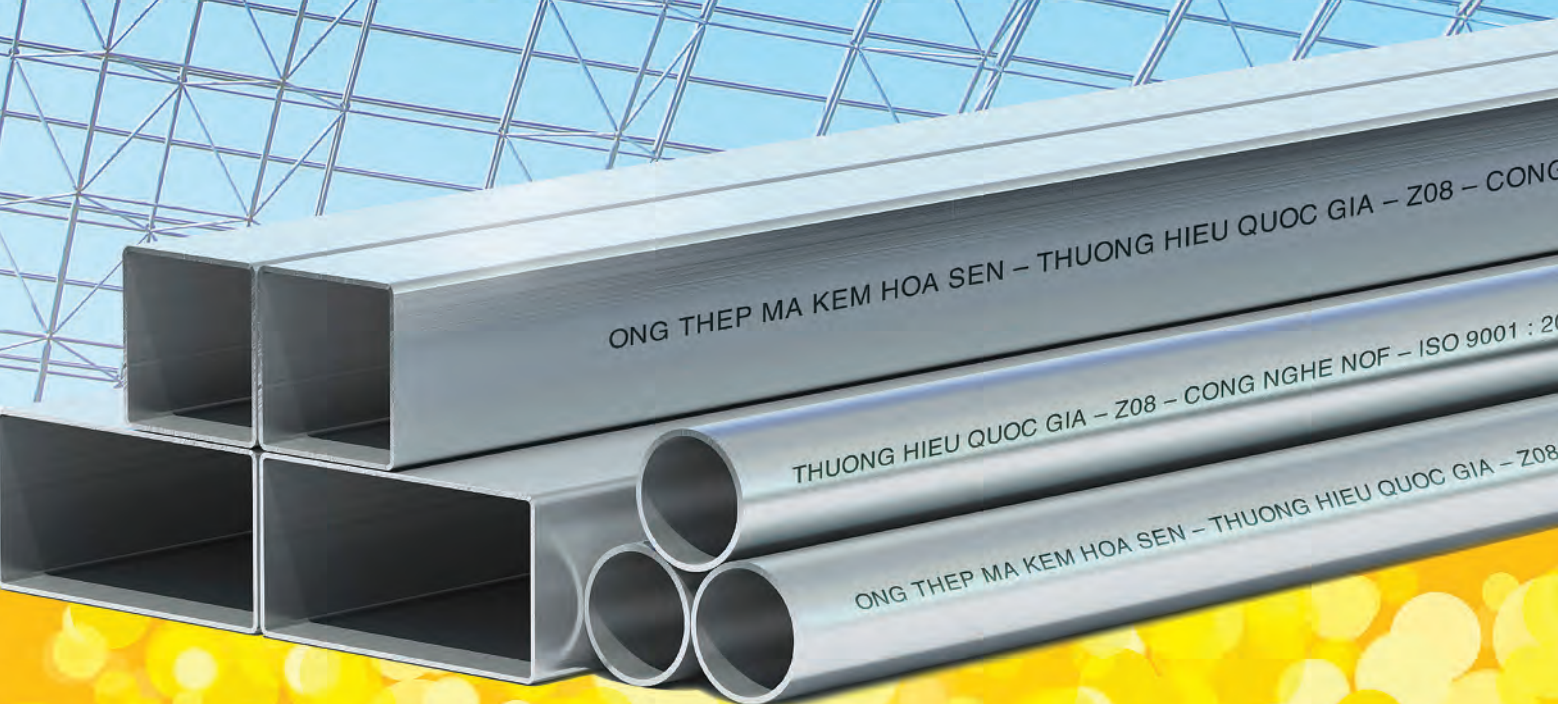
Tr. 57

Nhà sư
và khoa học

Tr. 36

Nhất
Thừa

Tr. 22



ỐNG KẼM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN



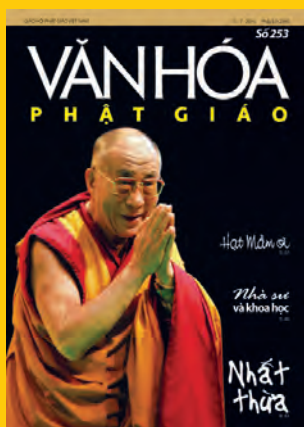
1800 1515

Miễn phí cuộc gọi



www.hoasengroup.vn

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiểm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Tình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhpg@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Làm sao thấp sáng tâm hồn? (Nguyễn Cẩn)	4
Định hướng kiến trúc Phật giáo Nam tông Việt Nam (Thích Viên Minh)	8
Nghĩa sĩ Cần Giuộc, mẫu hình người anh hùng mới trong văn học trung đại Việt Nam (Tư Hương)	11
Thêm một tấm bia gửi giỗ ở Tổ đình Chúc Thánh (Đinh Thị Toan)	14
Đặt xuống gánh nặng khổ đau (Nguyễn Đức)	18
Nhất thừa (Nguyễn Thế Đăng)	22
Mười hai cách tạo nghiệp tốt (Lillian Too; Thích Nguyên Tạng dịch)	24
Độc quyền "Tôn giáo học So sánh" của Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm (Thích Như Điển)	28
Tổng quan văn hóa Phật giáo Việt Nam trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam (Thích Gia Quang)	32
Nhà sư và khoa học (Cao Huy Hóa)	36
Vì sao con người sa vào kích thích ảo giác? (Nguyễn Hữu Đức)	39
Không giết thời gian cũng chết (Lê Hải Đăng)	42
Hồ Tịnh Tâm - thắng cảnh xưa và chứng tích lịch sử (Tôn Thất Thọ)	44
Lau sậy mùa xưa (Nguyễn Hoàng Nhân)	47
Thương con không đồng đều (Đặng Trung Thành)	48
Giấc ngủ vô thường (Hoàng Tá Thích)	50
Thơ (Trường Vân, Kai Hoàng, Hoàng Tá Thích, Trường Khánh, Tánh Thiện, Trà Kim Long, Tịnh Bình)	52
Ngọn đèn không tắt (Nguyễn Văn Đôn)	54
Hạt mầm ơi! (Tuệ Định)	57
Mười hai món thuốc Nam (Trương Hoàng Minh)	58

Bìa 1: Đức Đạt-lai Lạt-ma XIV.



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả

Lâu nay, thỉnh thoảng chúng tôi vẫn nhận được thư, điện thư, điện thoại... của một số độc giả, than phiền về việc tìm mua báo Văn Hóa Phật Giáo quá khó; nhất là các vị ở các địa phương xa Sài Gòn. Chúng tôi cũng xin thưa rằng hiện nay VHPG vẫn chưa thể có điều kiện để tổ chức việc phát hành báo một cách rộng rãi như một số tạp chí khác. Ngay đối với những độc giả đặt báo dài hạn, chúng tôi cũng chỉ có cách gửi báo qua bưu điện, hoặc trực tiếp tự tay chuyển báo đến độc giả nếu địa chỉ tại TP.HCM không quá xa tòa soạn; hoặc độc giả trực tiếp đến tòa soạn mua báo. Ngoài ra, phần lớn báo đều ký gởi tại các điểm phát hành trên toàn quốc mà địa chỉ thường được nêu trên trang bìa bốn của báo. Rất mong quý vị cần mua báo vui lòng tìm đến các điểm phát hành đó, hoặc trực tiếp liên lạc với tòa soạn để được hướng dẫn.

Mới đây, một nhóm đại diện của tạp chí VHPG có thực hiện một chuyến công tác nhằm tìm hiểu việc phát hành báo tại TP.Huế, đồng thời gặp gỡ một số tác giả, cộng tác viên và thân hữu. Chúng tôi rất vui mừng vì đã được đón tiếp thân tình và nồng hậu. Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Sư bà Thích nữ Minh Tánh và Ni sư Thích nữ Như Huy, chùa Long Ẩn; Thượng tọa Thích Tâm An, Chủ nhiệm Tập san Liễu Quán; cùng quý cư sĩ Lê Văn Lợi, Cao Huy Hóa, Nguyễn Tư Triệt, Nguyễn Đình Niêm, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Phúc Vĩnh Ba, Trần Văn Đường, Lê Kim Chi.

Chỉ còn một tháng nữa là VHPG sẽ phát hành số báo đặc biệt kỷ niệm mùa Vu-lan Phật lịch 2560. Chúng tôi kính mong quý vị cộng tác viên sẽ đóng góp thêm bài vở để số báo mừng Vu-lan thêm phong phú.

Nguyễn cầu Tam bảo gia hộ quý độc giả luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo

Với rất nhiều pháp môn, Ta nói về địa ngục, nhưng thật khó nói cho đầy đủ, vì đau khổ ở địa ngục quá nhiều.

(Trung Bộ kinh, Kinh Hiền ngu, số 129)





Làm sao thắp sáng tâm hồn?

NGUYỄN CÂN

Bạo lực mọi nơi mọi lúc

Đã có không biết bao nhiêu bài phân tích xã hội-tâm lý, bao nhiêu cuộc hội thảo để bàn bạc-đề xuất những giải pháp cho tình trạng sử dụng bạo lực trong quan hệ con người từ học đường ra ngoài xã hội, nhưng tình hình xem ra không hề thuyên giảm mà ngày càng có chiều hướng gia tăng đáng ngại.

Người ta viện dẫn rằng không chỉ ở Việt Nam mà tiếng súng hay tội ác có thể vẫn xuất hiện ở nhiều nơi khác trên thế giới; như vụ thảm sát tại Orlando bang Florida (Hoa

Kỳ) ngày 12-6 đã gây rúng động toàn thế giới, cướp đi sinh mạng của 50 người và khiến 53 người khác bị thương; hay như vụ khủng bố kinh hoàng ngày 29-6 tại Phi trường Atatürk ở Istanbul khiến 36 người thiệt mạng...

Dù chúng ta không có những vụ thảm sát với số lượng nạn nhân nhiều như thế nhưng tần số xảy ra hành vi bạo lực và tội ác thì rất "đều", ngày nào tuần nào cũng có vài vụ, cũng lên đến con số chục nếu tổng hợp lại. Cụ thể vào thử trang báo mạng *Tin Mới* ngày 2 tháng 7 năm 2016, chúng tôi đếm được 15 tin liên



quan đến án mạng; như nghi án mẹ sát hại con trai rồi dựng hiện trường giả; hay khi đánh nhau chạy vào ngõ cụt thì một thanh niên bị côn đồ đâm tử vong; vụ sát hại nữ sinh lớp 12; vụ sơn nữ giết người trả thù cho bạn; chuyện công nhân nhậu say giết nhau...

Không gian trải dài từ Bắc chí Nam, từ Lạng Sơn đến Cà Mau, nơi nào cũng có.

Vì đâu nên nổi?

Tình trạng bạo lực hay cái ác hoành hành bất kể thời gian, không gian nào nhưng tại sao có những nước tình trạng này ít hơn những nước khác? Về nguyên nhân chung gây nên cái ác mọi nơi mọi thời thì có nhiều.

Người ta đã liệt kê bốn nguyên nhân chính. Đầu tiên là do *lòng tham*, muốn chiếm hữu nhiều hơn, dùng mọi thủ đoạn để lấy tài sản của người khác, từ lừa đảo cho đến tước đoạt bằng vũ lực hay quyền lực. Kể cả trên bình diện quốc tế, một quốc gia giàu mạnh nhưng

vì tham lam tuyên bố biển nọ trời kia là của mình, xác định lãnh hải rộng ra đến hàng nghìn hải lý cách bờ biển nước mình, bất chấp đạo lý và luật pháp quốc tế, sử dụng vũ lực với ngư dân của nước khác, cướp đoạt trắng trợn tài sản của họ...

Một biến thể của lòng tham là *thối ịch* kỷ chỉ biết có mình và gia đình mình, còn ngoài ra bất chấp quyền lợi và thậm chí cả hoàn cảnh của kẻ khác. Họ đâm ra lạnh lùng vô cảm. Cái ác ngự trị trong tim nhưng khó nhận ra vì khéo che đậy dưới những mỹ từ nguy hiểm như "vì quyền lợi của giai cấp mình" hay "vì tổ chức, đoàn thể" mà mình đang sinh hoạt. Cái ác có thể đến từ *sự thiếu tỉnh táo của tâm hồn* do nhất thời say rượu hay trong cơn nghiện thuốc... Người ta đã thống kê nhiều trường hợp do say rượu mà cha con, anh em đoạt mạng nhau; hay con cái giết cả gia đình trong cơn "ngáo" đá; có kẻ giết vợ con vì thiếu tiền do cờ bạc mà xin vợ không được.

Nhưng trên tất cả, cái ác đều khởi đi từ *tâm sân hận*. Nó chực chờ như một con quỷ trong lòng mỗi con người; một khi thiếu tỉnh táo hay suy xét, nó sẽ trở dậy bất ngờ và vô cùng mãnh liệt. Có những kẻ giết người vì một chuyện hờn giận vu vơ rồi hối lỗi ân hận suốt đời. Và nguy hiểm thay, cái ác có thể phát tác trong một môi trường thích hợp cho nó nếu ở đấy người ta nuôi dưỡng lòng căm thù tập thể.

Ví dụ như vụ thảm sát ở Orlando tiêu biểu cho phong cách điển hình của những kẻ khủng bố. Trong các vụ tấn công kiểu này, mối liên hệ giữa kẻ khủng bố với tổ chức, có thể là IS chẳng hạn, đôi khi chỉ "tồn tại" trong đầu kẻ thủ ác, những con "sói đơn độc" được "truyền cảm hứng", nhưng kẻ thủ ác hoàn toàn không có mối liên hệ thật sự với tổ chức. Nhưng nguy hiểm hơn nữa là trường hợp bạo lực tiềm ẩn trong những con người rất bình thường, bỗng nhiên được sử dụng như một phương tiện giải quyết những mâu thuẫn giữa người và người như đang diễn ra trong xã hội Việt Nam hiện nay khi người ta rất dễ manh động; từ việc ra đường va chạm xe cộ, vào quán nhàn "đểu", giành chỗ đậu xe ôm, đi nhầm dép trong phòng hát karaoke... cũng khiến người trong cuộc sẵn sàng giết nhau.

Có người nhận xét: "*Cả xã hội như trong một vạc dầu sôi của tham lam và tham vọng. Ai cũng căng thẳng, ai cũng "nhấn mạnh chân ga", chỉ cần một trở ngại là có vấn đề, có thù hằn, có án mạng*" (Trích *Tội ác và hình phạt, Thể thao Văn hóa* cuối tuần, 17-7-2015).

Cái ác có tính lây lan như một bệnh dịch khi mà kẻ thủ ác có thể không hề có tiền án tiền sự gì, là người bình thường bỗng dưng gây tội ác với những suy nghĩ sai lệch hay không suy nghĩ gì về tính hợp lý cho hành động tàn ác của mình. Những nhà tâm lý học phương Tây cho rằng có những kẻ có khuynh hướng tìm niềm vui từ việc gây tổn thương cho người khác (Sadism). Các nhà xã hội học, đặc biệt ở Việt Nam, lại cho rằng

do trò chơi trực tuyến và internet, hay thậm chí là phim ảnh bạo lực, đã kích thích các hành động bạo lực.

Nhưng tại sao ở những nước công nghiệp phát triển, nơi tuổi trẻ tiếp xúc internet rất sớm như Nhật Bản hoặc Tây Âu, tình trạng bạo lực lại thấp, rất thấp so với nước ta? Một nhà tội phạm học, ông Roy F. Baumeister trong tác phẩm *"Evil: Inside Human Cruelty and Violence"* đã dành thời gian nghiên cứu cách những thủ phạm suy nghĩ đã thiết kế một nghiên cứu để xem mọi người sẽ nói như thế nào về một điều gì đó mà họ đã làm mà người khác nghĩ rằng họ đã làm sai. Tác giả nhận định: *"Nhiều thủ phạm thú nhận họ đã làm một việc gì đó sai phần nào, nhưng họ cũng nghĩ rằng không thể đổ lỗi hoàn toàn cho họ và hành vi đó không xấu như nạn nhân khẳng định. Khẩu hiệu đầu tiên của thủ phạm là "Nó không quá xấu", khẩu hiệu thứ hai là "Tôi không thể kiểm soát được".*

Từ quan điểm của thủ phạm, những nhân tố ngoại cảnh vượt quá sự kiểm soát của họ và đóng một phần rất lớn. Những nguyên nhân ngoại cảnh đó làm giảm trách nhiệm của họ. Ví dụ, những tên lính của Hitler nói: *"Tôi chỉ tuân theo mệnh lệnh cấp trên".*

Một phát hiện quan trọng đó là xu hướng của thủ phạm xem hành vi của người khác như là tấn công họ. *"Những kẻ bắt nạt, những kẻ đánh vợ và những người bạo lực khác có xu hướng nghĩ rằng người khác đang tấn công hoặc xúc phạm họ ngay cả khi người khác không diễn giải theo cách như vậy... Những người quá nhạy cảm thường nghĩ rằng lòng tự trọng của họ bị tấn công và họ có thể trở nên nguy hiểm... Nhiều người bạo lực tin rằng những hành động của họ là chính đáng".*

Câu chuyện ở Hoa Kỳ dẫn đến những quan điểm giải quyết đưa ra khác nhau sau vụ khủng bố ví dụ như ông Trump đề nghị ngăn cản dòng người nhập cư từ các nước vốn "có tiền sử" về khủng bố, trong khi bà Clinton cho rằng cần phải tập trung vào các *biện pháp kiểm soát súng đạn* an toàn chặt chẽ hơn. Nhưng xem ra chuyện của nước Mỹ dễ thực hiện hơn vì dù sao quản lý từ bên ngoài vẫn dễ thực hiện hơn vì kẻ khủng bố không phải là số đông, còn chúng ta lại phải kiểm soát từ bên trong những con người bình thường dễ manh động.

Làm sao diệt được khẩu súng trong tâm?

Nhà Phật quan niệm phải hiểu được nguồn gốc của cái ác thì ta sẽ diệt được cái ác. Trước hết, ta phải diệt được cái ác nơi chính tâm hồn mình, ngay trong môi trường sống quanh mình khi cái ác đang ngự trị như ở Việt Nam.

Trong một bài viết cách đây vài tháng, chúng tôi đã nhận định: "... trong một xã hội mà các giá trị vật chất được suy tôn, kẻ giàu bắt kể nguồn gốc của tài sản từ đâu đều được trọng vọng, ngưỡng mộ. Nói một cách khác khi mà sự dối trá được đời sống bảo hộ thì văn hóa giáo dục không có cơ hội để thể hiện sức mạnh kiểm soát của mình đối với động cơ hay hành động của cá nhân con người đang trong khủng hoảng tiêu cực. Ý thức bạo lực lúc đó dễ dàng cấu thành tội ác.

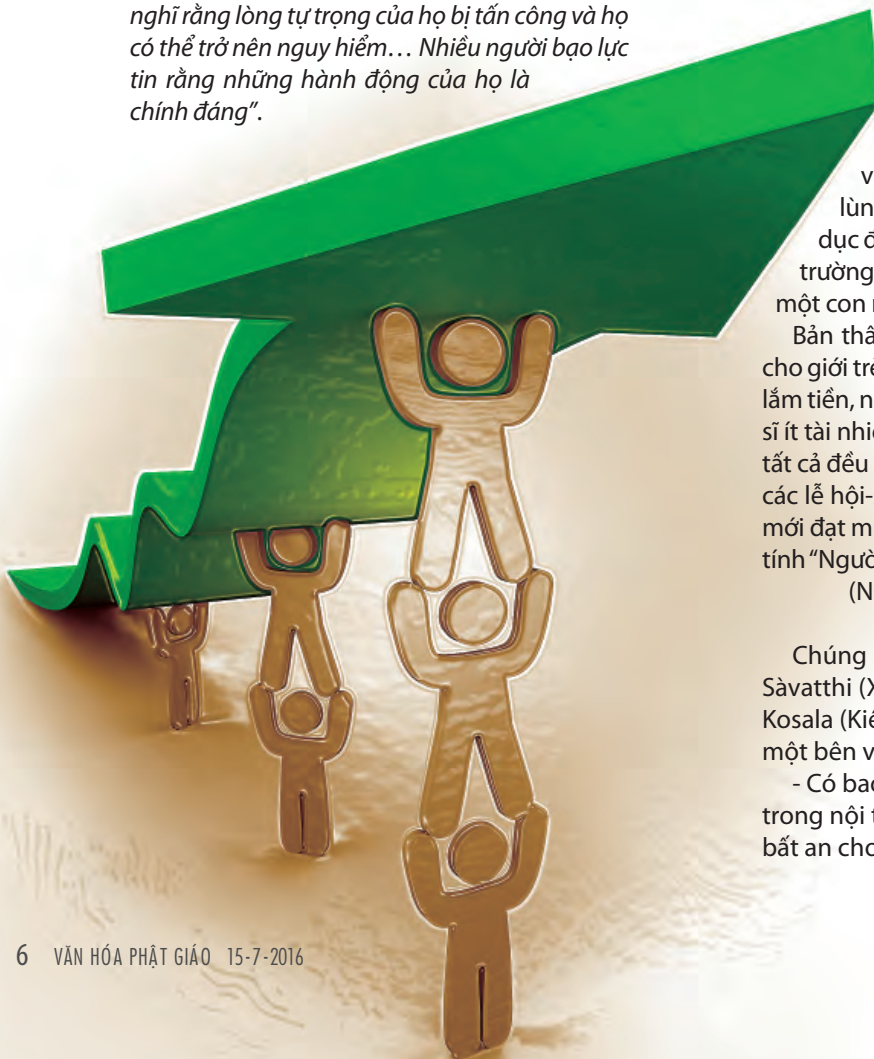
Ở đây chúng ta thấy toát lên nguyên lý nhân-quả như một chân lý. Chúng ta đang gặt hái những gì mình gieo trồng trong những năm qua. Một xã hội và một nền giáo dục thiếu vắng lòng từ bi. Học sinh đến trường chỉ biết làm "gà nhồi chữ" đóng tiền, trả công cho thầy cô và xem mọi quan hệ ở mức độ cho-nhận lạnh lùng. Thầy cô và kể cả cha mẹ cũng xem nhẹ giáo dục đạo đức, chỉ mong con mình đạt điểm cao, vào trường chuyên lớp chọn mà không hề hướng đến một con người có đức hạnh.

Bản thân người lớn không đủ mẫu mực làm gương cho giới trẻ. Nhìn quanh, thần tượng các em là những kẻ lấm tiền, những ông tỷ phú, những cô hay những anh ca sĩ ít tài nhiều tật, thậm chí cả những quan chức tha hóa, tất cả đều rao giảng đạo đức một cách long trọng trong các lễ hội-sự kiện nhưng con người thực của họ còn xa mới đạt mức tối thiểu. Muốn có những con người mang tính "Người" thực sự thì chúng ta phải gieo hạt lại thôi!"

(NC - Gieo lại hạt từ tâm - Giác Ngộ nguyệt san)

Chúng ta nhớ câu chuyện khi Đức Thế Tôn trú ở Sāvattthi (Xá-vệ). Khi đó vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala (Kiều-tát-la) đi đến, sau khi đánh lễ, ngồi xuống một bên và bạch Thế Tôn:

- Có bao nhiêu loại pháp, bạch Thế Tôn, khi khởi lên trong nội tâm một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy?



- Nay Đại vương, có ba loại pháp, khi khởi lên trong nội tâm một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy.

Thế nào là ba?

1. Tham dục pháp;

2. Sân hận pháp;

3. Si mê pháp. Ba pháp này khi khởi lên trong nội tâm một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy.

(Tương Ưng Bộ kinh, chương III, Tương ưng Kosala)

Phật cũng dạy: "... Nay các Tỳ-kheo, có ba nguyên nhân khác bắt nguồn của hành động. Ba nguyên nhân này là ba nguyên nhân gì? Đó là: lòng không tham lam, lòng không thù hận, và sự không si mê...

Một khi lòng tham, sân, si biến mất thì những hành động lúc đó không còn nữa, đã bị cắt bỏ tận gốc rễ, giống như gốc cây cọ trụi không còn ra hoa trái nữa, bởi vì lòng tham, sân, si đã hoàn toàn bị xóa sạch, nên chúng không thể nào phát sinh ra trong tương lai".

(Tăng Chi Bộ kinh, chương Ba pháp, phẩm Các nguyên nhân)

Tất nhiên những giải pháp ngăn hạn tức thời như hạn chế hay kiểm soát việc sử dụng súng, đao kiếm hay những vũ khí khác là cần thiết và cấp bách, nhưng chúng không phải là giải pháp căn cơ, triệt để. Bên cạnh đó là những giải pháp chính trị, kinh tế, xã hội cũng có thể giải quyết phần nào những nguyên nhân gây ra sự chênh lệch giàu nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội, không phân biệt đối xử vì con người và xã hội vốn bất khả ly. Ngoài ra là vấn đề giáo dục lòng từ bi ngay từ tấm bé ở gia đình, trong nhà trường, ngoài đường, và trong toàn xã hội. Chỉ lo trị bệnh thể xác mà không lo trị bệnh tâm hồn là một sai lầm to lớn vì như Phật dạy con người mắc cả các chứng bệnh vừa thể xác vừa tinh thần. Các bệnh thể xác chỉ thỉnh thoảng tấn công, nhưng không một giây phút nào con người có thể cho rằng mình hoàn toàn lành mạnh về tinh thần nếu chưa thực sự giải thoát.

Chúng ta hãy nhớ con người từ nghìn xưa đến hôm nay dù hoàn cảnh xã hội kinh tế có khác nhau thế nào đi nữa thì bản chất vẫn vậy. Họ vẫn phải đương đầu với những nỗi đau khổ như nhau - sinh, lão, bệnh, tử cùng với tất cả thất tình lục dục của cõi nhân sinh. Thế nên giáo lý nhà Phật luôn có thể ứng dụng vào thực tại và các giáo lý căn bản của nhà Phật còn nguyên giá trị, không hề mâu thuẫn với khoa học hiện đại từ giáo lý Duyên khởi, Vô ngã hay Vô thường, vẫn là nền tảng để ta hiểu thêm con người trong mối tương quan với vũ trụ. Dù phần khoa học tự nhiên có những điều kinh điển ngày xưa chưa thể giải thích rõ vào thời ấy nhưng con đường diệt khổ hay giải thoát khỏi cái ác hay tam độc - tham sân si - vẫn luôn có giá trị bền vững.

Nghĩa là phải giải quyết tận nguồn những ác nghiệp sinh ra từ ý, khẩu và thân. Muốn dập tắt cái ác từ ý hay tâm thức, phải xây dựng lại nền móng chương trình và phương pháp giáo dục từ gia đình đến học đường. Hành động khởi đi từ suy nghĩ có tác ý; do đó nghiệp là tư tưởng, lời nói, sau đó mới là hành động, nếu không có ý muốn sẽ không có nghiệp. Cái mà ta nhận lại là "báo". Một nghiệp tốt mang lại kết quả tốt, có thể ở kiếp hiện tại hay ở tương lai. Cũng vậy, một nghiệp xấu mang lại kết quả xấu, ở ngay kiếp này chưa nói đến kiếp sau.

Đạo Phật đã mang lại cho con người những nguyên lý sống đúng đắn. Hòa thượng Thiện Châu nhận định "... Tóm lại, đạo Phật là con đường đem lại hy vọng và an lạc, ngay cả cho những chúng sinh đau khổ nhất. Nó cung cấp cho con người ngày nay một hướng đi, đồng thời là giải pháp cho các cơn khủng hoảng hiện nay bằng cách làm trong sạch, tư tưởng, lời nói việc làm. Nó không đòi hỏi sự tin tưởng mù quáng, không đòi hỏi sự cầu nguyện hay lễ nghi. Nó soi sáng, làm chúng ta hiểu biết đúng đắn (chánh kiến) và như thế nó là một phương pháp khoa học. Nó không đòi hỏi những người theo nó phải tin mà phải mở mắt ra để thấy và hiểu. Nó không cần đến bạo lực vì bạo lực chỉ làm cho nó thất bại. Đây là cuộc đổi thay thực hiện bằng nhân từ, nhằm đem lại hạnh phúc vật chất cũng như tinh thần cho con người. Lúc đó sẽ hình thành một cộng đồng người rất người, nơi từng cá nhân thì giác ngộ và giải thoát, và trong xã hội sẽ có một quan hệ mới mẻ từng cá nhân với bản thân mình, với người khác, với xã hội và thiên nhiên trong thanh tịnh, hòa đồng, an lạc".

(Thích Thiện Châu - Tìm Đạo - Bài giảng tại Centre Culturel San Fidenne, Milan - Italy ngày 20/3/1974 - bản dịch Tâm Nghiêm)

Chúng ta hiểu mình chính là nguyên nhân và kết quả của chính mình. Chính ta tạo ra tương lai của ta, chính ta tạo thiên đường cho ta, và cũng chính ta tạo địa ngục cho ta, như quan điểm giáo lý nhà Phật.

Thế giới hôm nay đang cần "frames of orientation and devotion" như Erich Fromm từng đặt tên cho nhu cầu hướng dẫn tâm linh tìm đến con đường đúng đắn để đi và tiến bước. Con đường đó đòi hỏi phải thấp sáng tâm hồn, khơi gợi yêu thương vì:

Vui cười làm sao được

Khi biết mình đang cháy

Bị bóng tối phủ vây

Sao không tìm ánh sáng?

(Pháp cú 144)

Ánh sáng ấy đến khi chúng ta giải thoát chính mình khỏi bóng tối tham, sân, si đang bao trùm lương tri và suy nghĩ của mình, và suy rộng ra toàn xã hội. Ánh sáng ấy soi rõ con đường chúng ta phải đi.

Còn ngần ngại chi, hãy mạnh mẽ bước lên con đường ấy! ■

Định hướng kiến trúc Phật giáo Nam tông Việt Nam

THÍCH VIÊN MINH

Lời tòa soạn: Tiếp theo bài **Nghệ thuật kiến trúc chùa Khmer của Hòa thượng Danh Lung**, chúng tôi xin giới thiệu về ý nghĩa của kiến trúc Phật giáo Nam tông Việt Nam nói chung, qua bài viết dưới đây của Thượng tọa Thích Viên Minh.

Kiến trúc là một trong những đặc trưng của một nền văn hóa. Nói cụ thể hơn, nhìn vào kiến trúc của một dân tộc, chúng ta có thể biết được đặc tính văn hóa của dân tộc đó. Sâu hơn nữa, nó phản ánh tư tưởng, tâm hồn, trí tuệ... mà qua đó, chúng ta có thể đoán được sự hưng vong của khuynh hướng hay trường phái phát sinh ra nó.

Đông phương có hai nền văn hóa ảnh hưởng sâu đậm và lâu dài đến toàn vùng, đó là văn hóa Trung Hoa và văn hóa Ấn Độ. Chỉ riêng về phương diện đạo học, văn hóa Trung Hoa nghiêng về *tính hiện thực nhập thế*, đại biểu là Khổng giáo; Ấn Độ nghiêng về *tính siêu hình xuất thế*, điển hình là Ấn giáo.

Kiến trúc mái có độ dốc tương đối ngang bằng là biểu hiện tính hiện thực nhập thế, và đầu mái hơi cong nói lên ý hướng thăng hoa giữa cuộc đời. Ngược lại, kiến trúc mái có độ dốc gần như thẳng đứng biểu hiện tính siêu hình xuất thế và đầu mái vút thẳng lên tượng trưng cho ý hướng thoát ly trần tục.

Thực ra, giải thoát trong giáo pháp Nguyên thủy của Đức Phật không rơi vào hai thái cực nhập thế hay xuất thế. Bậc Giác ngộ (Thánh nhân) tuy ở trong đời mà không ô nhiễm, tuy giải thoát mà không xa lánh cuộc đời. Đức Phật dạy các bậc Thánh nhân đi khắp nơi để khai ngộ cho chúng sanh. Điển hình là ngài Puṇṇa, dù có phải tan xương nát thịt vẫn tình nguyện vào xứ Sunāparanta để hóa độ dân bản xứ.

Giải thoát mà Đức Phật dạy là:

“Phutthassa lokadhammehi cittaṃ yassa na kampati, asokaṃ virayaṃ khemaṃ etaṃ mangalam uttamaṃ”.

(Trong tương giao với pháp thế gian, tâm không động, không sầu, tự tại và vô nhiễm là hạnh phúc tối thượng).

Hạnh phúc tối thượng chính là thanh tịnh giải thoát, là cực lạc tịnh độ ngay giữa thế gian. Vậy chỉ có giải thoát từ thế gian và ở giữa thế gian. Từ thế gian nên gọi là xuất thế, và ở giữa thế gian nên gọi là nhập thế. Cả hai chỉ là một, chứ không phải *xuất là ra, nhập là vào* theo ý niệm thường tục.

Về sau, Phật giáo phát triển thành hai khuynh hướng, một bên nghiêng về nhập thế, một bên nghiêng về xuất thế; vô tình tính chất bất nhị của đạo Phật bị người sau

đẩy vào quỹ đạo nhị nguyên của hai khuynh hướng văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ như đã nói trên. Dĩ nhiên, ở đây, chúng ta chỉ nói một cách khái quát và tương đối chứ không có ý phân định rạch ròi tuyệt đối.

Như vậy, từ khi chia ra nhiều tông phái để đáp ứng căn cơ trình độ của chúng sanh thì *đạo Phật hậu nguyên thủy* đã phân hóa ra nhiều khuynh hướng khác nhau, nảy sinh ra nhiều đặc trưng văn hóa khác nhau mà chúng có thể biểu hiện qua đường nét kiến trúc.

Một ngôi chùa Tịnh Độ tông có tính *tôn - nghiêm - cao - khiết* để biểu hiện lòng tín thành quy ngưỡng. Chùa Mật tông mang vẻ *huyền - bí - thâm - u* cho ứng hợp với oai âm mật lực. Chùa Thiền tông phẳng phất nét *hồn - nhiên - dung - dị* để thể hiện chân tính bản nguyên...

Dĩ nhiên cũng có nhiều kiến trúc pha tạp không thể hiện được bản sắc của tông phái mình. Hoặc, trong thực tế, nhiều tông phái đã kết hợp, hòa nhập với nhau nên không còn mang tính đặc thù mà hiển nhiên trở thành một hợp thể. Trong kiến trúc hợp thể này, nếu được xử lý tài tình thì thể hiện được một cách hài hòa nhất tính, bằng không thì trở thành vá vấu, đa tạp. Một thực tế khác nữa là Phật giáo Việt Nam ít nhiều chịu ảnh hưởng thuyết “*Tam giáo đồng nguyên*” của Trung Hoa nên không khỏi vay mượn một số biểu tượng Nho giáo và Lão giáo trong thể hiện kiến trúc.

Vậy, đâu là truyền thống đích thực của kiến trúc Phật giáo Việt Nam? Khi nêu ra câu hỏi đó, chúng ta lại phải đối đầu với một số vấn đề nan giải: *Tính dân tộc trong kiến trúc Phật giáo Việt Nam là gì?*

Nhiều người cho rằng đạo Phật vượt khỏi giới hạn quốc gia dân tộc nên không cần nói đến dân tộc tính trong kiến trúc Phật giáo. Trên lý tính rất ráo mà nói thì tất nhiên điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng khi nói đến kiến trúc là nói đến tướng dụng; mà đã tướng dụng thì phải thích ứng với không gian, thời gian và tâm lý con người. Hơn nữa, tính dân tộc ở đây không phải là chủ nghĩa tự hào dân tộc cực đoan, mà là tính cách khách quan hình thành từ điều kiện đặc thù của từng địa dư, khí hậu, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, tình cảm, trình độ nhận thức... của mỗi dân tộc. Vì vậy, tính dân tộc là điều kiện duyên khởi tất nhiên cần được tôn trọng, bảo trì và phát huy.



Huyền Không Sơn Thượng, Huế. Nguồn: tintuchue.net

Về mặt hiệu quả tâm lý, chúng ta chỉ chú ý đến *tính Phật giáo* mà bỏ quên tính cách riêng biệt của một dân tộc thì đạo Phật khó có thể thâm nhập vào cộng đồng dân tộc đó.

Mặt khác, *tính dân tộc* cũng thay đổi qua nhiều thời đại. Kiến trúc đời Lý, đời Trần khác với kiến trúc đời Lê, đời Nguyễn. Vậy, tại sao chúng ta cứ lặp lại những chuẩn mực kiến trúc xưa cổ mà không “*nhật nhật tân*” để theo kịp đà tiến hóa của thời hiện đại?

Ngay từ khi Pháp xâm nhập vào Việt Nam thì kiến trúc thời hậu Nguyễn cũng đã chịu ảnh hưởng văn hóa Tây phương. Nhiều ngôi chùa đã trùng tu với nhiều đường nét đổi mới. Từ đó đến nay, ảnh hưởng Âu, Mỹ ngày càng nhiều cùng với phương tiện, vật liệu xây dựng càng ngày càng phong phú. Vậy, *tính thời đại* cũng rất cần cho sự thích nghi, sáng tạo và tiến hóa trong kiến trúc Phật giáo.

Đến đây chúng ta có thể nói kiến trúc chùa chiền cần hội đủ ba yếu tố: *Tính Phật giáo, tính dân tộc, và tính thời đại*.

Riêng chùa chiền Phật giáo Nguyên thủy ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ hơn Trung Hoa. Vì thế ở giữa một dân tộc vốn chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, đòi hỏi Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam phải có một trình độ nhận thức sâu sắc mới có đủ bản lĩnh để kết hợp và dung hóa được cả hai nền văn hóa Ấn - Hoa một cách nhuần nhuyễn.

Có một số người nghĩ một cách đơn giản, rằng muốn xây dựng một ngôi chùa Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam thì cứ việc lấy mẫu Ấn Độ, Tích Lan, Thái Lan hoặc Miến Điện là hoàn hảo, nếu không thì sẽ trở thành chùa Bắc tông, ảnh hưởng Trung Hoa, Nhật Bản mà thôi. Những người này không biết rằng, thực ra kiến trúc chùa tháp các nước Phật giáo phương Nam vẫn có bản sắc dân tộc riêng của họ. Mặc dù cùng ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ nhưng nhìn kỹ chúng ta thấy kiến trúc các nước Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan... đều có những nét đặc trưng độc đáo và riêng biệt của dân tộc mình.

Như thế, kiến trúc chùa tháp Phật giáo các nước phương Nam đã kết hợp tài tình giữa tính Phật giáo Nguyên thủy và tính dân tộc đặc thù của họ. Vậy tại sao chúng ta không học hỏi cách dung hợp nhuần nhuyễn và vận dụng khéo léo của họ để tìm ra phương hướng cho kiến trúc chùa chiền Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam mà lại sao y nguyên bản?

Ngay ở Thái Lan, cùng với đà phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật, nhiều ngôi chùa mới xây dựng cũng đã khéo dung hợp tính cổ truyền dân tộc với tính mới mẻ hiện đại. Nếu không theo kịp đà chuyển hóa này, việc sao chép mẫu chùa Thái của chúng ta sẽ lỗi thời. Hơn nữa, muốn sao chép, chúng ta phải am tường kiến trúc của họ, bằng không, chỉ vá vúi, chắp nối “*đầu Ngô mình Sở*” làm trò cười cho thiên hạ.

Vậy để có một hướng đi cho kiến trúc chùa chiền Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam, chúng ta cần học hỏi, tham cứu nghiêm túc ba yếu tính:

- *Tính đặc thù của Phật giáo Nguyên thủy.*
- *Tính dân tộc Việt Nam.*
- *Tính hiện đại.*

Ở đây, chúng tôi chỉ xin mạo muội đưa ra một vài nhận xét đại cương để gợi ý hơn là cung cấp một tài liệu đầy đủ chứng cứ.

1. Tính đặc thù của Phật giáo Nguyên thủy

Chúng ta không nói đến Phật giáo Nguyên thủy như là tông phái mà là yếu tính nguyên nguyên của đạo Phật khi chưa phân phái.

Sau khi phân phái, đạo Phật đã vận dụng cho phù hợp với quảng đại quần chúng nên phải chuyển những nguyên lý Đức Phật dạy một cách trực tiếp thành những hệ thống pháp môn gián tiếp. Mỗi hệ thống pháp môn phương tiện trở thành một tông phái. Như vậy, Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo phân phái tuy có mẫu số chung nhưng chắc chắn có nhiều tử số sai biệt.

Chúng ta thử nêu lên một vài nét đặc thù của tinh thần Phật giáo Nguyên thủy như sau:

- Y cứ vào trí tuệ (paññā) hơn là đức tin.
- Tin vào tự tánh (sabhāva) hơn là tha lực.
- Giác ngộ chân lý ngay nơi thực tại hiện tiền (sanditṭhiko) hơn là hướng đến những cõi Phật lý tưởng bên ngoài.
- Chỉ thẳng sự thật như thị (tathāgatā, yathābhūta) hơn là thông qua biểu tượng, ẩn ngữ hay pháp môn phương tiện.
- Tu hành có nghĩa là sống thuận pháp (dhammānudhamma paṭipanno vihāraṭi) hay tùy pháp

hành (anudhammacari) hơn là cầu nguyện hay áp dụng một chủ trương, quan niệm hoặc hệ thống tư tưởng nào.

- Không nghiêng về nhập thế hay xuất thế kiểu nhị nguyên cực đoan.

Chúng ta cần phải chuyển hóa những đặc tính trên của Phật giáo Nguyên thủy thành đường nét kiến trúc, bằng cách phổ quát hóa chúng thành những ý tưởng cô đọng như: *giản dị, thực tế, trong sáng, trầm ổn và thanh thoát*; hay cụ thể hơn là *sáng sủa, thông thoáng, cao nhã, thanh nhu và mạnh mẽ*.

Muốn được như vậy cần tránh sử dụng biểu tượng, nhất là biểu tượng vay mượn từ tôn giáo khác hoặc biểu tượng riêng của các tông phái. Tránh đường nét cầu kỳ và hoa mỹ, màu sắc lòe loẹt, rườm rà hoặc tạo ra không khí thâm u, thần bí.

Nhất là bảo tồn tôn trí kim thân Phật cần tôn nghiêm, đơn giản, không nên dùng đèn dây chớp nháy, sơn phết hoa hòe; và chỉ nên thờ một tượng Bồ Tát duy nhất mà thôi.

Nếu có điều kiện, chùa cần phải hòa nhập với cảnh trí thiên nhiên. Vườn cảnh quanh chùa nếu khéo phối trí có thể làm tăng vẻ u nhàn, thanh thoát, trang nghiêm và thiển vị. Ngoài ra, chùa Phật giáo Nguyên thủy còn phải đáp ứng được những sinh hoạt nghi lễ như dâng y, tăng sự, sám hối, tọa thiền, kinh hành...

2. Tính dân tộc Việt Nam

Phải thành thật mà nói rằng khó có thể xác định đâu là kiến trúc riêng biệt của Việt Nam, vì Việt Nam tiếp thu nhiều nguồn văn hóa khác nhau, đặc biệt là ảnh hưởng Trung Hoa trong kiến trúc chùa chiền.

Kiến trúc chùa đời Lý - Trần có đường nét độc đáo và giàu tính sáng tạo, đã hơn một lần thoát khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa và Nho giáo so với đời Lê - Nguyễn. Khi nhà Nguyễn dời đô về Thuận Hóa (Huế) tiếp thu thêm văn hóa phương Nam của dân tộc Chăm; kiến trúc chùa và cung đình cũng có phần thay đổi để tạo chỗ đứng cho riêng mình; tuy vậy, vẫn chưa thể nào thoát được ảnh hưởng Trung Hoa quá sâu nặng và lâu đời.

Sự sáng tạo của kiến trúc đời Lý đáng cho chúng ta nghiên cứu học hỏi, tiếc rằng, kiến trúc đó còn không nhiều và chỉ thấy ở miền Bắc mà thôi.

Chùa Một Cột, chùa Thầy, chùa Tây Phương... có thể xem là tiêu biểu cho kiến trúc chùa Phật giáo Việt Nam, đáng cho chúng ta hãnh diện và noi gương để phát huy tính dân tộc và tính sáng tạo độc đáo này.

Nếu so sánh thì nói chung, chùa Trung Hoa giàu chi tiết, chùa Nhật Bản đáng nhẹ nhàng, chùa Cao Ly màu sắc phong phú, chùa Tây Tạng thâm u với nhiều biểu tượng huyền bí, còn chùa Việt Nam đời Lý giản dị, trầm hùng và bố cục chặt chẽ.

Chùa Việt Nam không vĩ đại, kiêu sa như chùa Trung Hoa, Tây Tạng, cũng không nguy nga đồ sộ như chùa Nhật Bản, Thái Lan. Chùa Việt Nam khiêm tốn, khoan thai, u nhã và hòa hợp với cảnh trí thiên nhiên.

Chùa Việt Nam *không chi li* như Trung Hoa mà *ưa đơn giản; không nhẹ nhàng* như Nhật Bản vì *mộ trầm hùng; không màu mè* như Cao Ly mà *thích thanh nhã; không u mật* như Tây Tạng mà *chuộng quang minh; không nguy nga* như Thái Lan mà *yêu bình dị*.

Phân biệt như vậy không phải là chủ nghĩa tự hào dân tộc, mà chỉ muốn tìm ra cái hay, cái đẹp và vẻ độc đáo của dân tộc mình để bảo tồn và phát huy; đồng thời, để thấy cái hay, cái đẹp của người trước hầu học hỏi, tiếp thu và dung hóa một cách hài hòa và sáng tạo với tính dân tộc mình cho ngày thêm phong phú.

Thực ra, không thể tìm được một mẫu mực kiến trúc Việt Nam nào nhất định, mà chính yếu là biết dung hóa và sáng tạo sao cho phù hợp với bản tính dân tộc; vì vậy, cần tìm ra *tinh thần kiến trúc* Việt Nam hơn là *xác định mô hình kiến trúc* Việt Nam.

Nếu mỗi chùa mỗi vẻ mà vẫn biểu hiện được tính dân tộc mới chứng tỏ được khả năng kế thừa và sáng tạo văn hóa đạo Phật của chúng ta.

3. Tính hiện đại

Một kiến trúc mà không phản ánh được tính thời đại là kiến trúc lỗi thời. Vẻ đẹp không bao giờ lặp lại, nếu chúng ta cứ y khuôn chùa Một Cột hay chùa Tây Phương mà xây dựng lại thì quả là vô phúc cho văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Chúng ta có quyền hãnh diện với những chuẩn mực hoàn hảo của tiền nhân, nhưng phải biết rằng sở dĩ nó hoàn hảo là vì phản ánh được tính thời đại và tính sáng tạo độc đáo của nó. Nếu nó chỉ là bản sao của một ngôi chùa nổi tiếng nào đó thì không còn giá trị gì nữa.

Nếu kiến trúc đời Lý khác với đời Lê, đời Nguyễn thì tại sao không có kiến trúc chùa hiện đại làm chứng tích cho lịch sử văn hóa Phật giáo Việt Nam hiện đại?

Khoảng 100 năm lại đây, Việt Nam không còn bế quan tỏa cảng nữa mà bắt đầu mở cửa nhìn ra thế giới xung quanh; biết tiếp thu văn hóa Đông Tây kim cổ, biết tiếp cận với văn minh Âu, Mỹ; thì sứ mạng người làm văn hóa Phật giáo Việt Nam phải biết vừa gìn giữ cổ truyền vừa thích nghi với thời đại mới. Phải tìm ra cho mình một thể đứng độc lập không lệ thuộc vào Trung Hoa, như Phật giáo đời Lý - Trần đã đạt được.

Thời hiện đại với phát triển khoa học kỹ thuật, với phương tiện, vật liệu xây dựng tối tân giúp chúng ta dễ dàng tạo được phong cách mới mẻ của kiến trúc Phật giáo Việt Nam.

Vậy vấn đề chỉ còn là khả năng sáng tạo của chúng ta nữa mà thôi!

Khi nói đến một hướng đi cho kiến trúc chùa Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam, chúng ta chỉ ước mong sao có thể biểu hiện được tính cách độc đáo của mình để không bị nhầm lẫn với các nước Phật giáo Nguyên thủy khác, và không bị đồng hóa với các tông phái đã hiện diện lâu đời trên đất nước Việt Nam. Có như thế chúng ta mới thật sự đóng góp được bản sắc riêng của mình cho nền văn hóa dân tộc. ■

Nghĩa sĩ Cần Giuộc,

mẫu hình người anh hùng mới trong văn học trung đại Việt Nam

TƯ HƯƠNG

1 Trước Nguyễn Đình Chiểu, nhân vật người nông dân đã xuất hiện trong văn học trung đại ở nước ta. Nhưng phải đến Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt là *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, lần đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc, người nông dân trở thành nhân vật trung tâm của văn học. Không những thế, họ còn đi vào văn chương với tư thế trang trọng, đẹp đẽ chưa từng thấy bao giờ: Những tượng đài bất tử, những người anh hùng mới của thời đại.

Có thể nói, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là tác phẩm kết tinh, điển hình cho chủ nghĩa anh hùng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu và người nghĩa sĩ Cần Giuộc là những hình mẫu người anh hùng mới, tiến bộ của thời đại. Xây dựng thành công hình tượng người nông dân đánh giặc trong tác phẩm, Nguyễn Đình Chiểu đã đóng góp xuất sắc vào dòng chảy của chủ nghĩa yêu nước trong văn học trung đại Việt Nam những mẫu hình người anh hùng của thời đại mới cùng một quan niệm tiến bộ về chủ nghĩa anh hùng.

Dưới góc độ văn hóa giới, văn học trung đại phương Đông nói chung, văn học Việt Nam nói riêng, vẫn là văn học nam quyền. Lực lượng sáng tác là nam giới giữ vai trò chủ đạo trong việc làm nên diện mạo của mỗi giai đoạn văn học. Nhân vật trung tâm của văn học trung đại nước ta cũng là nam giới. Nhà văn nữ và tác phẩm viết về người phụ nữ có số lượng không nhiều. Do đó, từ rất sớm, hình tượng người nam nhi - quân tử - anh hùng đã có mặt trong văn học. Nhiều hình tượng người anh hùng trở nên quen thuộc, để lại dấu ấn nhất định trong đời sống văn chương như Từ Hải, Lục Vân Tiên... Tuy nhiên, hầu hết đó chỉ là những anh hùng cá nhân, hữu danh và có xuất thân từ tầng lớp trên. Phải đợi đến nửa cuối thế kỷ XIX, với *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu, lần đầu tiên trong mười thế kỷ văn học trung đại có một hình tượng người anh hùng tập thể, vô danh và có xuất thân nông dân, tầng lớp dưới chưa bao giờ được xem là đối tượng thẩm mỹ (ngoại trừ bộ tứ ngư, tiểu, canh, mục với bút pháp ước lệ, sáo mòn) cũng như đối tượng tiếp nhận của văn học trung đại.

2 Có thể khẳng định, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* đã mang đến cho văn học trung đại những nhân vật anh hùng hết sức mới mẻ, chưa từng có trong văn chương trước đó. Đó là hình tượng người

anh hùng nông dân đánh giặc ra đời trong hoàn cảnh đất nước đang đứng trước biến cố lịch sử chưa từng có tiền lệ: đối diện với ngoại xâm phương Tây. Vậy, những người anh hùng nông dân khởi nghĩa mà Đồ Chiểu dụng công xây dựng trong bài văn tế có gì mới và đặc biệt so với truyền thống mười thế kỷ văn học trung đại, cũng như với chính bản thân tác giả Nguyễn Đình Chiểu ở giai đoạn sáng tác trước đó?

Phẩm chất đầu tiên và quan trọng nhất của người anh hùng bao giờ cũng là phi thường, xuất chúng. Để xây dựng phẩm chất này, bút pháp quen thuộc của các tác giả trung đại là cường điệu hóa, ước lệ, tượng trưng.

Nhân vật Từ Hải trong *Truyện Kiều* rất tiêu biểu cho điều này. Đây là một nhân vật phi thường toàn diện, từ lai lịch xuất thân:

*"Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi,
Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông".*

Ngoại hình:

*"Râu hùm hàm én mày ngài
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao".*

Cho đến tài năng:

*"Đường đường một đấng anh hào
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài;
Hơn đời trí dũng, nghiêng trời uy linh;
Đại vương họ Hải tên Từ
Đánh quen trăm trận sức dư muôn người".*

Bản lĩnh:

*"Triều đình riêng một góc trời
Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà;
Trong tay muôn vạn tinh binh
Kéo về đóng chặt một thành Lâm Tri".*

Khí phách:

*"Đội trời đạp đất ở đời;
Phong trần mài một lưỡi gươm
Những phường giá áo túi cơm sá gì".*

Tính cách:

*"Chọc trời khuấy nước mặc dầu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai...".*

Tình yêu, thậm chí cái chết của nhân vật này cũng không bình thường. Đó là cái chết đứng uy nghi,凛冽:

*"Khí thiêng khi đã về thần
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng
Trơ như đá, vững như đồng
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dời".*

Do đó, Từ Hải không thuộc về cộng đồng, không đại diện cho tập thể. Nhân vật này phá vỡ mọi khuôn khổ quan hệ thông thường.

Cái phi thường của người anh hùng trong quan niệm truyền thống là phi phạm, xuất chúng, do đó, thường xa rời quần chúng, đối lập hoặc vượt lên trên cộng đồng. Khi xây dựng hình tượng người nông dân đánh giặc trong tác phẩm, Nguyễn Đình Chiểu đã vượt ra ngoài bút pháp mang tính quy phạm này. Nghĩa sĩ Cần Giuộc trong mẫu hình người anh hùng mới của Nguyễn Đình Chiểu gần như ngược lại so với những người anh hùng truyền thống. Xuất thân từ quần chúng lao động, người nông dân trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* không hiện lên oai phong, kỳ vĩ mà được thể hiện một cách đời thường, giản dị như bao người nông dân không tên tuổi khác. Họ đi ra từ tầng lớp nông dân và hiện lên trong tác phẩm với tư cách là những người nông dân đúng nghĩa. Đó là những người nông dân của đời thường lam lũ, hiền lành, cục mịch. Họ lặng lẽ đi vào tác phẩm với tất cả những toan lo, khó nghèo, đáng thương, tội nghiệp:

Cui cút làm ăn;

Toan lo nghèo khó.

Chưa quen cung ngựa, đâu đến trường nhung;

Chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm;

Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Thế nhưng, những điều đời thường, bình thường ấy không hề làm người nông dân Cần Giuộc hiện lên tầm thường trong tác phẩm. Trái lại, chính những điều ấy làm cho những người anh hùng chân lấm tay bùn trở nên phi thường, phi thường giữa đời thường, từ nền tảng đời thường. Họ vốn chỉ là những người nông dân hiền lành, chất phác, không biết việc nhà binh (*Vốn chẳng phải quân cơ quân vệ, theo dòng ở lĩnh diễn binh / Chẳng qua là dân ấp dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ*). Nhưng khác với bọn vua quan nhu nhược đốn hèn, họ biết lo lắng trước tình thế nguy cấp của đất nước (*Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa*), căm thù giặc Tây xâm lược (*Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ / Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan / Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ*). Họ ý thức trách nhiệm của mình đối với vận mệnh nước nhà (*Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu / Hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó*), tự nguyện ra trận đấu giặc (*Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình / Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ*) dù rằng quân trang, vũ khí thô sơ (*Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi đeo bao tấu bầu ngòi / Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu nón gõ / Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia / Gươm*

đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ) và chưa được luyện tập, trang bị kiến thức, kinh nghiệm quân sự (*Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn / chín chục trận binh thư, đâu chờ bày bố*). Họ dũng cảm xung trận mà chẳng hề khiếp sợ trước sức mạnh của giặc xâm lược (*Chi nhọc quan quân trông kỳ trống giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng bằng không / Nào sợ thằng Tây đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có*), coi cái chết nhẹ như lông hồng khiến cho quân thù kinh khiếp (*Kẻ đâm ngang, người chém dọc, làm cho mã tà ma ní hồn kinh / Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ*)... Tất cả những điều ấy đều diễn ra tự nhiên, có cơ sở từ hiện thực, phù hợp với quy luật tâm lý - hành động của con người bình thường. Chính vì thế, hình tượng người anh hùng nông dân trong tác phẩm hiện lên với vẻ đẹp anh dũng, hiên ngang nhưng cũng thật thân quen, gần gũi.

3 Nếu bút pháp khi xây dựng hình tượng người anh hùng truyền thống là ước lệ, tượng trưng, phóng đại thì với người nghĩa sĩ Cần Giuộc, bút pháp mà Đỗ Chiểu sử dụng nghiêng về tả thực. Đó là lý do những điển cố, thi liệu, từ Hán Việt liên quan đến việc đặc tả con người (ngoại hình, phẩm chất) với sắc thái trang trọng vốn là một đặc trưng trong ngôn ngữ thể loại văn tế lại ít được sử dụng trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Ngược lại, chất liệu văn học dân gian, lối nói khẩu ngữ, đặc biệt là lớp từ ngữ địa phương (phương ngữ Nam bộ) lại được Nguyễn Đình Chiểu huy động sử dụng với số lượng khá lớn trong việc khắc họa chân dung người anh hùng chân đất. Chính nhờ điều này, hình tượng người anh hùng nông dân trong bài văn tế hiện lên rất gần gũi, cụ thể, chân thực, từ hoàn cảnh, đời sống cho đến suy nghĩ, hành động.

Cũng vậy, nếu như người anh hùng trong văn học trung đại thường hiện lên với vẻ đẹp hùng tráng thì người anh hùng Cần Giuộc lại là tượng đài của vẻ đẹp bi tráng. Xây dựng hình tượng người anh hùng chân đất, bên cạnh cảm hứng ngợi ca, Nguyễn Đình Chiểu còn thể hiện rõ tấm lòng yêu thương, cảm phục, xót xa. Những dòng viết về sự hy sinh của những người nông dân nghĩa sĩ của ông thật sự cảm động: *Ôi thôi thôi / Chùa Tân Thạnh năm canh ụng đóng lạnh, tấm lòng son gởi lại bóng trăng rằm / Đồn Lang Sa một khắc đặng trả hồn, túi phận bạc trôi theo dòng nước đổ*. Và những dòng viết về nỗi đau của quê hương và người thân ở lại cũng thấm đẫm nước mắt xót xa: *Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng / Nhìn chợ Trường Bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ... Nào nùng bấy! Mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều / Nào nùng thay! Vọng yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ*. Đó là lý do mà Hoài Thanh khẳng định đây trân trọng *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là “một trong những bài văn hay nhất của chúng ta”, hơn nữa, “trước đó chưa bao giờ có

và sau đó đến mấy chục năm cũng chưa hề có trong văn thơ ta một cái nhìn yêu thương và kính phục như vậy đối với người nông dân”¹.

4 Với *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, Nguyễn Đình Chiểu đã cụ thể hóa, điển hình hóa quan niệm về chủ nghĩa anh hùng của mình. Trong quan niệm của thơ ca truyền thống, người anh hùng bao giờ cũng gắn liền với những việc làm phi thường, những chiến công hiển hách. Đó có thể là sự nghiệp “một tay gây dựng cơ đồ” (*Truyện Kiều*), là quan niệm sống hành hiệp trượng nghĩa “giữa đường thấy chuyện bất bằng chẳng tha” (*Lục Vân Tiên*),... Với cụ Đồ Chiểu, bên cạnh những phẩm chất tốt đẹp trên, người anh hùng còn phải yêu nước và sự nghiệp anh hùng phải có ích cho đất nước, nhân dân. Cho nên, người nông dân Cần Giuộc dù đã ngã xuống (*Những lăm lòng nghĩa lâu dùng/Đâu biết xác phàm vội bỏ*), cuộc khởi nghĩa của họ chưa thành nhưng lòng yêu nước của họ vẫn còn sáng mãi, được nhân dân ghi nhớ muôn đời: *Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen / Thác mà ung đến miếu để thờ, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ*. Những người nông dân nghĩa sĩ ấy chính là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng yêu nước cao đẹp mà Nguyễn Đình Chiểu theo đuổi trong nhiều tác phẩm của mình. Dĩ nhiên, quá trình định hình của chủ nghĩa anh hùng trong quan niệm Đồ Chiểu qua các thời kì có nhiều sự thay đổi, bổ sung, phát triển. Từ truyện thơ *Lục Vân Tiên* đến *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, quan niệm về chủ nghĩa anh hùng của ông có sự thay đổi căn bản về chất, đúng như nhận định của Nguyễn Đồng Chi: “Từ chủ nghĩa anh hùng yêu nước phong kiến, Nguyễn Đình Chiểu đã dẫn chuyển sang chủ nghĩa anh hùng yêu nước kiểu nông dân, mặc dầu còn giữ ít nhiều hình thức phong kiến. Đó là dấu hiệu chuyển biến về chất trong quan niệm của ông”².

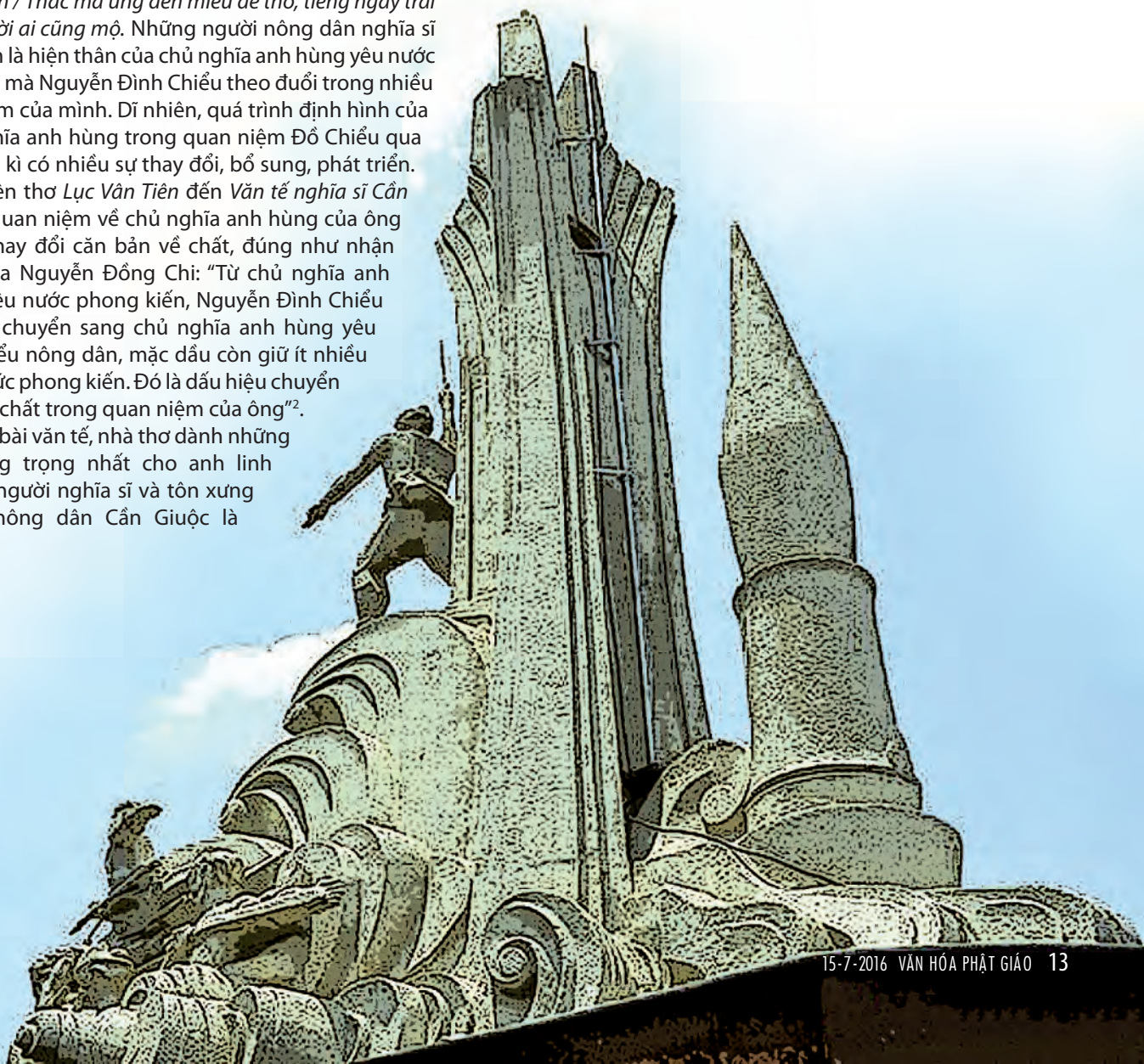
Cuối bài văn tế, nhà thơ dành những lời trang trọng nhất cho anh linh những người nghĩa sĩ và tôn xưng người nông dân Cần Giuộc là

những vị anh hùng yêu nước thương dân: *Nước mất anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thương dân*. Với hình tượng nghĩa sĩ Cần Giuộc được dựng công khắc họa, Nguyễn Đình Chiểu không những thể hiện thái độ cảm phục, yêu thương trước những người nông dân khởi nghĩa năm xưa mà còn xây dựng thành công một mẫu hình người anh hùng mới, không chỉ đối với gần mười thế kỉ văn học trung đại nước đại mà còn mới với chính cả nhà thơ ở giai đoạn sáng tác trước đó. Đó là những người anh hùng nông dân đánh giặc vì dân vì nước hy sinh, là những người anh hùng chân chính sống mãi trong lòng nhân dân. ■

Chú thích:

1. Hoài Thanh, “*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*”, một trong những bài văn hay nhất của chúng ta, in trong sách *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia, tác phẩm*, Nguyễn Ngọc Thiện giới thiệu và tuyển chọn, tái bản lần thứ 3, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2003, tr.455.

2. Nguyễn Đồng Chi, *Nguồn gốc và quá trình hình thành chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu*, in trong *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia, tác phẩm*, tr.189.





Thêm một tấm bia gửi giỗ ở Tổ đình Chúc Thánh

Bài & ảnh: ĐÌNH THỊ TOÀN

Trong bài viết trước đăng trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* số 249 tháng 5/2016, chúng tôi đã giới thiệu đến quý độc giả một trong hai tấm bia gửi giỗ ở tổ đình Chúc Thánh mang tên *Trí tự Hà môn tiên linh minh bi*, ghi việc đặt tự cho tiên linh nhà họ Hà của hiếu nữ Hà Thị Tú, hiệu Thực Anh, tự Giải Tuấn. Trong bài viết này, chúng tôi tiếp tục giới thiệu đến quý độc giả tấm bia gửi giỗ còn lại.

Trước khi điểm lược nội dung văn bia, chúng tôi xin nói rõ về niên đại tấm bia này. Thường thấy, dòng

lạc khoản ghi thời gian khắc/ dựng bia thường được khắc đầu tiên hoặc nằm phần sau cùng của văn bia. Ở tấm bia này có điều sai khác, cuối văn bản không có lạc khoản thời gian, còn dòng đầu tiên tách riêng khỏi đoạn văn kể tiếp, đề ngày 15 tháng 7 năm Khải Định thứ 6 (1921), nhưng đây thực không phải là niên đại bia, vì trong phần nội dung có liệt kê các sự kiện xảy ra từ Khải Định thứ 6 (1921) đến Bảo Đại thứ 17 (1941). Do đó, bia chỉ có thể được khắc / dựng trong hoặc sau năm 1941.

So với *Trí tự Hà môn tiên linh minh bi*, tấm bia này có nhiều điều khác biệt. Về mặt kích thước, nó lớn hơn hẳn với chiều cao 1,25cm, rộng 93cm, đồng thời là tấm bia lớn nhất trong số 10 tấm bia hiện còn tại tổ đình. Văn bia không có tên, được in rập và giới thiệu trong *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm* với kí hiệu 19338. Nếu *Trí tự Hà môn tiên linh minh bi* chỉ nói đến việc đặt tự cho riêng nhà họ Hà thì văn bia này có số lượng người đặt tự nhiều hơn thế với 36 người. Các trường hợp này khá đa dạng ở chỗ không chỉ có việc con cháu gửi giỗ cho cha mẹ, anh ruột như trong *Trí tự Hà môn tiên linh minh bi* mà còn có cha mẹ gửi giỗ cho con, cháu gửi giỗ cho ông bà nội ngoại, bạn thân gửi giỗ cho nhau... Rõ ràng, điều này không đúng như chúng ta thường nghĩ, việc thờ hậu thường do các bậc cha mẹ không có con trai nối dõi lo việc hương hỏa nên họ tự đặt hương hỏa vào chùa để giỗ vợ/ chồng và bản thân. Đọc văn bia này, chúng ta mới thấy được sự đa dạng trong việc gửi giỗ. Chúng tôi đã sắp xếp và phân chia thành bảy trường hợp như sau:

Trường hợp thứ nhất là, người gửi giỗ tự đặt hương hỏa cho mình, cho vợ/chồng mình hoặc kiêm cả hai người. Như trường hợp: Võ Thị Biện cúng 30 đồng bạc kị ngày 15 tháng 12 hằng năm; Nguyễn Thị Thư ở làng Minh Hương đặt 50 đồng bạc, vào ngày 15 tháng 5 hằng năm kị chồng Trần Văn Thông, lại đặt 10 đồng bạc để ngày sau kị Nguyễn Thị Thư; Phan Thị Như Tứ ở Trà Đông đặt 300 đồng bạc kị vào hai kì xuân thu; Nguyễn quý nương đặt 200 đồng bạc kị vào ngày mồng 1 tháng 10 hằng năm...

Trường hợp thứ hai là, con gửi giỗ cho cha mẹ (trong này có cả cha mẹ chồng và cha mẹ vợ). Ở đây có điều đáng lưu ý, có người gửi giỗ ghi rõ ngày kị cha mẹ, nhưng đôi khi chỉ ghi tóm lược là tiên linh, nên có thể hiểu, ngoài cha mẹ còn kị những người khác như ông bà tổ tiên các đời, anh chị em ruột. Thêm nữa, có trường hợp con gái gửi giỗ cha mẹ mình, hoặc cha mẹ chồng, nhưng cũng có trường hợp chỉ gửi giỗ riêng cho nhà mẹ ruột mình.

Trường hợp thứ ba là, cha mẹ gửi giỗ cho con. Trong 36 người gửi giỗ có 5 người gửi giỗ cho con, như bà Thiên Thái đặt tự 20 đồng bạc cho thân tử, bà Ngưỡng Kí đặt tự 10 đồng bạc cho thân tử, Trương Thế Lộc đặt tự 20 đồng bạc cho thân tử.

Trường hợp thứ tư là, cháu gửi giỗ cho ông bà nội/ngoại. Ví dụ: Nguyễn Mạnh Thừa đặt 30 đồng bạc cho bà ngoại Tạ Thị Lễ, kị ngày 20 tháng 11. Diệp Ngọc Thi ở Hà My đặt 80 đồng bạc kị ông ngoại Trần Ngọc Xương vào ngày 15 tháng 5, kị bà ngoại Vương Thị Hòa ngày 15 tháng 8.

Trường hợp thứ năm là, cháu gửi giỗ cho chú, bác, cô ruột. Văn bia cho biết có hai trường hợp thuộc loại này, đó là: Phan Thị Hương đặt 30 đồng bạc kị chung nhiều người, trong đó có hiển bá (bác ruột) Phan Hữu Bế vào ngày mồng 8 tháng 8. Võ Đức Trà đặt 20 đồng bạc kị tổ cô Võ Thị Trạch vào ngày 30 tháng 3.

Trường hợp thứ sáu là, gửi giỗ cho anh chị em ruột. Điển hình cho trường hợp này là Chủ hiệu Bản Hợp, gốc ở Triều Châu đặt 30 đồng bạc kị người nhà họ Dương. Ngoài kị ông Dương Nguyên Chánh và bà Trương Thị Mã thì còn kị các anh, chị, em (và có thể có chị/em dâu), bao gồm Dương Văn Bản, Trần Thị Mai, Dương Thị Yến, Dương Thị Luyện.

Trường hợp thứ bảy là, gửi giỗ cho bạn bè. Nguyễn Hữu Bút ở Hội An đặt tự cho vong linh người bạn là Nguyễn Văn Em 20 đồng bạc, hằng năm vào ngày mồng 6 tháng 2 kị, ngày mồng 5 tháng 12 tảo mộ. Có thể thấy đây là trường hợp đặc biệt nhất khi quan hệ giữa người gửi giỗ và người được gửi giỗ chỉ là bằng hữu. Như thế, việc hương hỏa cho người đã khuất có vị trí quan trọng trong tín ngưỡng thờ cúng của người Việt, nhưng đặt tự tiên linh đầu chỉ giới hạn trong quan hệ ruột thịt!

Trong quá trình tìm hiểu về tục gửi giỗ và bia kí kị bi kí, chúng tôi thấy đây là tấm bia đặc biệt, ghi nhận sự phong phú của thể lệ cúng kị tại các công trình tín ngưỡng. Để bảo đảm tính xác thực của những điều đã nêu trên, sau đây chúng tôi xin dẫn nguyên văn chữ Hán, phiên âm* và dịch nghĩa của tấm bia trên.

Nguyên văn:

啟定陸年柒月拾五日敕賜祝聖寺住持號善菓仝本寺等窃聞貝葉傳芳佛持教有指歸之路九蓮花裏先靈迴脫之楷棲欲昇覺地須用慈航所有芳茗碑銘在后云耳住持楊證道並丁氏愿法名印發茶饒洲人願供于常住田壹畝新又置供楊門田壹畝在落成社於維辛亥前住持全諸山修補寺所需次賣錦紋社阮鳳銀壹百貳拾元將回修補本寺無錢將續業呈諸山断賣得壹百貳拾元又庚申年九月丁氏愿之子女婚孫等念考妣之蚊位請從佛祖全應將這祀田捌高以供忌日本寺窃念這田懸遠畊播不便全應断賣取銀壹百貳拾元合共前後置祀賣銀貳肆拾元正本寺有摘田簿在青霞社桐捉處田捌高換為祀田常年畊忌

均勝號陳氏立置祀銀五拾元正九月式拾五日忌林氏⁰¹本寺摘田式高柔合號王氏香法名真經置祀銀五拾元正常年式月拾五捌月拾五日忌王門本寺摘田式高武氏卞銀參拾元常年十二月初五日忌發記號陳氏未法名真來置祀銀五拾元正本寺摘田式高常年蔡門忌式月拾五日八月十五日合諸置祀共田壹畝四高在青霞社桐捉處

啟定八年八月初四日本寺有買田在來儀社彈蘿處田壹畝捌高東西四近具有文契又秋田參高區墓處東西四

契春后魂孟十年年川十元氏日月忌玉月忌張龕參月忌阮式銀又銀五忌有祀元初例日常泰世貫門銀氏正六安十子先式銀初建
 文利于招阮年申常氏月拾張十九日忌陳八日鄉元賜八日社銀書忌香十日潘有祀元初例日常泰世貫門銀氏正六安十子先式銀初建
 由花計元忌今拾元海二參忌初燕二考和八明百賜八日河氏阮五潘月十顯如銀十春秋二八元張拾現潘年十新月親門銀文二元堂
 元獲列壹十氏銀又奈春秋銀日月氏十忌壹日初河氏阮五潘月十顯如銀十春秋二八元張拾現潘年十新月親門銀文二元堂
 拾收銀壹十氏銀又奈春秋銀日月氏十忌壹日初河氏阮五潘月十顯如銀十春秋二八元張拾現潘年十新月親門銀文二元堂
 五年置銀月謝供元氏春號四六楊二外王月十日忌陳五月十日潘月十顯如銀十春秋二八元張拾現潘年十新月親門銀文二元堂
 百常有置八妣...²拾元氏合初彬忌月置妣二二靈銀五月十九日阮氏潘月十顯如銀十春秋二八元張拾現潘年十新月親門銀文二元堂
 參守所心一祖氏參安陳門州五楊六煉拾外文月門先靈銀五月十九日阮氏潘月十顯如銀十春秋二八元張拾現潘年十新月親門銀文二元堂
 銀執火名十外范銀會陳潮州五楊六煉拾外文月門先靈銀五月十九日阮氏潘月十顯如銀十春秋二八元張拾現潘年十新月親門銀文二元堂
 寔寺香法月置忌山社居元忌政日楊銀日父十門張月十年陳二置十文後潘成初茶忌全參五00附銀子排持蔡現正九月置楊日置初琳何
 契張為氏二元日氏0社居元忌政日楊銀日父十門張月十年陳二置十文後潘成初茶忌全參五00附銀子排持蔡現正九月置楊日置初琳何
 文式永何秋拾十段0社居元忌政日楊銀日父十門張月十年陳二置十文後潘成初茶忌全參五00附銀子排持蔡現正九月置楊日置初琳何
 有拾例鄉春參二0東壹十楊初梅日玉十忌氏置年陳忌顯香如二夫陳拾祖黎八日秋澤銀娘日仰置梁前炤先十月春氏州十有二氏仁
 具舊忌明鄉春參二0東壹十楊初梅日玉十忌氏置年陳忌顯香如二夫陳拾祖黎八日秋澤銀娘日仰置梁前炤先十月春氏州十有二氏仁
 近新秋明鄉春參二0東壹十楊初梅日玉十忌氏置年陳忌顯香如二夫陳拾祖黎八日秋澤銀娘日仰置梁前炤先十月春氏州十有二氏仁

吳氏婉置祀先靈銀五拾元常年二月
 十有五買田八月十霞社泡當保大十這寺
 有元李氏在青霞玉梅置處四高式
 元月十氏女陳玉陳仁夫陳繼百
 銀參百元日忌子陳八月十置日
 妣陳氏九十月三羅氏檣置外
 會法名淨桂十月十六忌銀號
 由作方丈王氏未置祀岳父蔡府
 十二日故夫蔡光燭0月十三忌
 亡僧綱善果立誌

Dịch nghĩa:

Ngày 15 tháng 7 năm Khải Định thứ 6 (1921). Trú trì chùa Sắc tứ Chúc Thánh hiệu Thiện Quả cùng bốn tự thăm nghe: kinh điển lưu truyền rộng khắp, [nhờ đó mới biết được] Phật giáo có chỉ về đường hồi quy, trong đài sen chín phẩm có con đường hồi thoát cho tiền linh, muốn thăng lên vùng đất Phật nên dùng thuyền từ. Phương danh những người phụng cúng để vào bia đá như sau.

Trú trì Dương Chứng Đạo cùng Đình Thị Nguyễn pháp danh Ấn Phát, người châu Trà Nhiều, nguyện cúng 1 mẫu ruộng thường trú, lại trí cúng cho người nhà họ Dương 1 mẫu ruộng tại xã Lạc Thành. Năm Tân Hợi niên hiệu Duy Tân (1911), tiền Trú trì cùng chư sơn tu bổ tự sở, cần dùng tiền nên bán cho Nguyễn Phương, người xã Cẩm Văn 120 đồng bạc, về sau không có tiền để tiếp tục việc tu bổ bốn tự nên trình chư sơn cắt bán đất, được 120 đồng bạc. Lại đến tháng 9 năm Canh Thân (1920), con cháu của bà Đình Thị Nguyễn nghĩ đến cha mẹ khi xưa một lòng hướng theo Phật tổ, nên cùng đồng thuận cúng 8 sào tự điền để cúng kị. Bốn tự thiết nghĩ ruộng này ở xa, canh tác bất tiện nên đồng ý cắt bán, được 120 đồng bạc, tổng cộng tiền sau khi cắt bán tự điền là 240 đồng bạc chẵn. Bốn tự có trích 8 sào ruộng trong điền bạ tại xứ Đồng Tróc, xã Thanh Hà đổi làm tự điền, thường niên canh kị. Trần Thị Lập ở hiệu Quân Thắng cúng 50 đồng bạc chẵn. Ngày 25 tháng 9, kị Lâm Thị mất sớm, bốn tự trích 2 sào ruộng. Vương Thị Hương ở hiệu Nhu Hiệp, pháp danh Chân Kinh cúng 50 đồng bạc chẵn, ngày 15 tháng 2 và 15 tháng 8 hàng năm kị người nhà họ Vương, bốn tự trích 2 sào ruộng. Võ Thị Biện cúng 30 đồng bạc, kị ngày 15 tháng 12 hàng năm. Trần Thị Mùi pháp danh Chân Lai ở hiệu Phát Kí cúng 50 đồng bạc chẵn, bốn tự trích 2 sào ruộng, ngày 15 tháng 2, 15 tháng 8 hàng năm kị người nhà họ Thái. Tổng cộng trích 1 mẫu 4 sào ruộng tại xứ Đồng Tróc, xã Thanh Hà.

Ngày mồng 4 tháng 8 năm Khải Định thứ 8 (1923), bốn tự mua 1 mẫu 8 sào ruộng tại xứ Đơn La, xã Lai Nghi, đồng tây tứ cận đầy đủ như văn khế, thêm 3 sào ruộng xứ Gò 0, đồng tây tứ cận đầy đủ như văn khế, thực giá 350 đồng bạc, văn khế cũ và mới tất thảy 12 trương do nhà chùa cất giữ, hằng năm thu hoạch hoa lợi lo kị giỗ hai kỳ xuân thu, mãi làm hương hoả. Số bạc trí tự liệt kê như sau:

Hà thị, người làng Minh Hương, pháp danh Đồng Tâm đặt 1000 đồng bạc siêu hồn tiên linh, xuân thu hai kỳ vào ngày 11 tháng 2 và 15 tháng 8 kị. Nguyễn Mạnh Thừa đặt 30 đồng bạc cho ngoại tổ tỷ Tạ Thị Lễ, ngày 20 tháng 11 năm nay kị. Phạm Thị...Đoàn Thị Sơn ở Phú 0 đặt 30 đồng bạc và thêm 10 đồng bạc kị hai kỳ xuân thu hằng năm. Trần Thị Nại, Thị Hải, Thị Xuyên người Đồng 0, hiện ở tại Hội An cùng đặt 1000 đồng bạc hai kỳ xuân thu ngày 11 tháng 2 và 15 tháng 8 kị cha mẹ nhà họ Trần. Chủ hiệu Bàn Hợp, gốc ở Triều Châu đặt 30 đồng bạc kị người nhà họ Dương, kị Dương Nguyễn Chánh vào ngày mồng 4 tháng 5, kị Trương Thị Mã vào ngày mồng 1 tháng 8, kị Dương Văn Bàn ngày mồng 10 tháng 6, kị Trần Thị Mai ngày 16 tháng 6, kị Dương Thị Yến ngày 25 tháng 9, kị Dương Thị Luyện ngày 22 tháng 3. Diệp Ngọc Thi ở làng Hà My đặt 80 đồng bạc kị ngoại tổ khảo Trần Ngọc Xương vào ngày 15 tháng 5, kị ngoại tổ tỷ Vương Thị Hoà vào ngày 15 tháng 8, kị nhạc phụ Lâm Văn Kỳ vào ngày 18 tháng 2, kị nhạc mẫu Nguyễn Thị Nghĩa vào ngày mồng 2 tháng 12. Trương Thị Như Tường ở làng Minh Hương đặt 100 đồng bạc cho việc tế tự tiên linh hai nhà họ 0 và họ Trương, dựng một khám thờ, hằng năm vào ngày 15 tháng 7 kị. Trần Thị Tứ đặt 30 đồng bạc, vào ngày 15 tháng 2 và 15 tháng 8 cùng năm kị người nhà họ Trần, vào ngày mồng 8 tháng 9 kị hiển khảo Trần Thừa Chiêu, vào ngày mồng 10 tháng 12 kị hiển tỷ Đỗ Thị Hương. Nguyễn Thị Ngọc pháp danh Như Trung ở xã Hà My đặt 200 đồng bạc vào ngày 16 tháng 2 hằng năm kị thân mẫu Nguyễn Thị Toái. Nguyễn Thị Thư ở làng Minh Hương đặt 50 đồng bạc vào ngày 15 tháng 5 kị chồng Trần Văn Thông, lại đặt 10 đồng bạc để ngày sau kị Nguyễn Thị Thư. Phan Thị Hương ở ... đặt 30 đồng bạc kị hiển tổ khảo Phan Hữu Tùng vào ngày 25 tháng 5, kị hiển tổ tỷ Lê Thị Thành vào ngày 13 tháng 11, kị hiển bá Phan Hữu Bế vào ngày mồng 8 tháng 8, kị hiển khảo Phan Hữu Uy vào ngày mồng 6 tháng giêng. Phan Thị Như Tứ ở Trà Đông đặt 300 đồng bạc kị hai kỳ xuân thu. Võ Đức Trà ở ... đặt 20 đồng bạc vào ngày 30 tháng 3 trong năm kị tổ cô Võ Thị Trạch. Trần Thị Thảo ở Sơ Phát đặt 30 đồng bạc hai kỳ xuân thu kị thân tử. Lê Thị Hà đặt 50 đồng bạc vào ngày 18 tháng 11 kị thân mẫu. Nguyễn quý nương ... đặt 200 đồng bạc kị ngày mồng 1 tháng 10 hằng năm và hương đèn trong năm. Bà Thiên Thái đặt tự 20 đồng bạc cho thân tử. Bà Ngưỡng Kí đặt tự 10 đồng bạc cho thân tử. Trương Thế Lộc đặt tự 20 đồng bạc cho thân tử. Lương Thị Bài ở làng Minh Hương cùng các cháu đặt tự cho người nhà họ Lương 700 quan tiền, lúc trước trú trì đã dùng lo việc tu bổ chùa, hiện còn 40 đồng bạc giữ để lo liệu kị giỗ. Trường bối Phan Thị Hương ở hiệu Thái Hương Lợi đặt tự cho tiên linh người nhà họ Thái 40 đồng bạc thường niên chánh kị, ngày 14 tháng 6 kị cha mẹ, ngày 16 tháng 3 kị chồng, ngày mồng 9 tháng 11 tảo mộ, còn hai kỳ xuân thu, tế xuân vào ngày 15 tháng 2, tế thu vào ngày 15 tháng 8. La Thị Thịnh ở Sinh Thoại



(!) đặt 30 đồng bạc lo kị giỗ hai kỳ xuân thu cho thân tử. Dương Thị Loan ở bang Triều Châu đặt tự cho tiên linh nhà họ Dương 20 đồng bạc, vào ngày 15 tháng 2 và 15 tháng 8 hằng năm kị. Nguyễn Hữu Bút ở Hội An đặt tự cho vong linh người bạn là Nguyễn Văn Em 20 đồng bạc, ngày mồng 6 tháng 2 hằng năm kị, ngày mồng 5 tháng 12 tảo mộ. Lâm Thị Thanh Lâm đặt tự 50 đồng vào ngày 18 tháng 11 hằng năm kị, chồng người họ Hà ở sau tây đường. Ngô Thị Em người Phúc Kiến đặt tự tiên linh 50 đồng bạc, ngày 15 tháng 2 và 15 tháng 8 hằng năm kị.

Năm Bảo Đại thứ 17, bốn chùa có mua 4 sào ruộng tại xứ Bàu Dương, xã Thanh Hà giá 200 đồng bạc.

Thị nữ nhà họ Lý tên Trần Ngọc Mai trí tự chồng Trần Kế Tường kị ngày 18 tháng 8, con Trần Ngọc Câu kị ngày 16 tháng 8 với 350 đồng bạc (kị chồng 300 đồng, kị con 50 đồng). La Thị Lựu ở Sơn 0 đặt tự, vào ngày 13 tháng 9 kị ngoại tổ tỷ Trần Thị Còn, ngày 16 tháng 10 kị hiển tỷ Lâm Thị hiệu Như Hội, pháp danh Tịnh Quế, 50 đồng bạc, do xây phương trượng. Vương Thị Mùi đặt tự nhạc phụ Thái phủ kị ngày 15 tháng 3, người chồng đã mất Thái Quang Chiêu kị ngày 13 tháng 0, và ngày 15 tháng 2 đồng kị chư vong linh 50 đồng bạc.

Tăng cang Thiện Quả lập bia.

Chú thích:

- Do số trang có hạn, BBT cắt bỏ phần phiên âm.

1. Văn bia có nhiều chữ bị mòn mờ, những chữ không đọc được chúng tôi kí hiệu số 0. Mỗi số 0 tương ứng với một chữ.

2. Không rõ một đoạn.

3. Mờ 7 chữ.



Đặt xuống

gánh nặng khổ đau

NGUYỄN ĐỨC

Đức Phật dạy, người học tu theo giáo pháp giác ngộ của Ngài thì cần phải biết nuôi dưỡng Chánh kiến (*Sammā ditthi*), tức cần hiểu rõ về trọng tâm lời Phật dạy để định hướng cho đời sống tu học của mình một cách đúng đắn và có kết quả lợi lạc. Đó là phải thường xuyên như lý tác ý (*yoniso manasikāra*) về khổ, khổ tập, khổ diệt và con đường đưa đến khổ diệt, hay tập trung nhận diện về khổ đau của tự thân (ngũ uẩn), tìm hiểu về nguyên nhân vì sao có khổ đau, xem xét nguyên lý đoạn diệt khổ đau và quyết chắc về con đường đưa đến chấm dứt khổ đau để nhanh chóng đi ra khỏi khổ đau. Có tập trung học tu như thế thì mới hành trì đúng lời Phật dạy, mới thấy được giá trị to lớn của giáo pháp Đức Phật, vì Phật đến với thế gian này chỉ để nói lên hai điều: Khổ và diệt khổ¹.

Học Phật mà chưa thấy được khổ, chưa nhận ra khổ là sự kiện mọi lúc mọi nơi, thì vẫn còn ở xa lời Phật dạy, vẫn còn nuôi ảo tưởng về một góc bình an nào đó

trong ngôi nhà lửa tam giới, vẫn còn lang thang trong thế giới mê lầm khổ đau. Giá trị sâu sắc và to lớn của đạo Phật so với các hệ tư tưởng và tôn giáo khác trên thế giới không gì khác chính là bảo cho con người bản chất của đời sống là khổ đau và nhấn mạnh mục tiêu xác đáng của nhân sinh là làm sao mau chóng thoát ra khỏi thế giới mê lầm khổ đau.

Rất cụ thể và dễ hiểu, Đức Phật giảng về khổ đau và cách thức buông bỏ khổ đau:

"Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các thầy về gánh nặng, mang gánh nặng lên, đặt gánh nặng xuống. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng."

Này các Tỳ-kheo, thế nào là gánh nặng? Năm thủ uẩn là câu trả lời. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là gánh nặng."

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là kẻ mang gánh nặng? Người là câu trả lời. Vị Tôn giả này có tên như thế này, dòng họ như thế này. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là kẻ mang gánh nặng!"

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là mang gánh nặng lên? Chính là tham ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, đi tìm hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là mang gánh nặng lên.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là đặt gánh nặng xuống? Đây là sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn, sự từ bỏ, sự xả ly, sự giải thoát, sự không chấp thủ. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là đặt gánh nặng xuống.

Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo sư lại nói thêm:

Năm uẩn là gánh nặng,
Kẻ gánh nặng là người;
Mang lấy gánh nặng lên,
Chính là khổ ở đời.
Còn đặt gánh nặng xuống,
Tức là lạc, không khổ,
Đặt gánh nặng xuống xong,
Không mang thêm gánh khác.
Nếu nhỏ khát ái lên,
Tận cùng đến gốc rễ,
Không còn đói và khát,
Được giải thoát tịnh lạc”.

Bậc Giác ngộ gọi ngũ uẩn (sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn) là gánh nặng, tức con người là gánh nặng, đời người là gánh nặng. Mỗi con người hiện hữu trên cõi đời này không gì khác là một gánh nặng đang hiện hữu, đang mang trên mình một gánh nặng. Đó chính là thân ngũ uẩn mà mỗi người đang đeo mang, vốn là sự nhóm họp của các yếu tố sanh và diệt, lệ thuộc lẫn nhau, không tồn tại độc lập, chịu sự thay đổi, biến hoại, bệnh tật, khổ đau, không thuộc của ai, không ai làm chủ được, tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Đó là một khối (ngũ uẩn) khổ đau đang hiện hành vô chủ, một ổ tật bệnh mỏng manh², chỗ chất chứa vết thương³, một nhóm bất tịnh đồ vớ⁴, do vô số yếu tố phiền toái khổ đau khác tạo thành.

Năm uẩn là gánh nặng vì chúng là sự nhóm họp của các nhân tố gây phiền muộn, là chỗ quy tụ và hiện hành của hết thảy phiền toái khổ đau trên cuộc đời: sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán tăng hội, mà trong bài pháp thứ nhất giảng cho năm anh em ông Kiều-trần-như, Đức Phật đã đúc kết bằng câu: “Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ”.

Nói khác đi, sự hiện hữu của con người chính là sự hiện hữu của khổ đau, là điều kiện cho khổ đau hiện hành. Luận Thanh tịnh đạo nói rằng, giống như tấm bia thu hút những tên bắn, như ruồi nặng bu lại thân con bò, như thợ gặt nhóm họp trên đồng lúa chín, như bọn cướp đến nơi khu làng; cũng vậy, thân năm uẩn là chỗ quy tụ và hiện hành những nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết được sinh ra trong mỗi uẩn, tựa như cỏ hay dây leo mọc trên đất, như hoa trái mầm mống ở trên thân cây vậy⁵.

Như vậy, khổ đau là một thực tại gắn liền với con người và đời người, ở mọi lúc và mọi nơi, không tách rời con người, không chối bỏ đời người; con người hiện hữu tức là khổ đau hiện hữu; con người có mặt tức là gánh nặng khổ đau hiện hình. Vì con người không gì khác là một khối khổ đau đang nhóm họp, một gánh nặng khổ đau đang chống chọi, vậy nên những gì mà con người có được trên đời này, vui hay buồn, sướng hay khổ, thành công hay thất bại, tất cả đều sinh ra và kết thúc trong sự khổ, đều nằm trong khối khổ đau đang vận hành, đều ở trên gánh nặng khổ đau, không thoát khỏi bản chất khổ đau. Nói cách khác, hết thảy những gì đi qua đời người, dù tốt hay xấu, vui hay buồn, đều mang đặc tính khổ đau, đều đánh dấu bởi khổ đau, bị giới hạn trong khổ đau, bị khổ đau chi phối, không thoát khỏi quy luật khổ đau, vì chúng là pháp biến hoại, sanh và diệt dựa vào ngũ uẩn; tựa như những cơn sóng lớn nhỏ nổi lên bề mặt đại dương, đều mang vị mặn của biển, thuộc về biển cả, sanh ra và diệt mất lệ thuộc vào biển cả vậy.

Có nhận diện cho thật đúng về bản chất của sự kiện hiện hữu như thế thì mới thấy đáng thương cho số kiếp lang thang ngơ ngẩn của đời người, cứ sinh ra và kết thúc trong khổ đau nhưng chẳng bao giờ thức tỉnh để ra khỏi cái thế giới mê lầm khổ đau! Kinh Phật cho biết trước khi giác ngộ, trở thành bậc Thúc tỉnh giữa cuộc đời, Đức Phật từng ưu tư thế này: “*Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết sự xuất ly, thoát khỏi già chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến sự xuất ly già chết?*”⁶.

Rồi Ngài nhìn thẳng vào sự nhầm lẫn của chính mình và quyết chí tìm kiếm con đường thoát khỏi mê lầm khổ đau: “*Này các Tỳ-kheo, trước khi giác ngộ, khi chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh; tự mình bị già, lại tìm cầu cái bị già; tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỳ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: Tại sao Ta, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm? Vậy Ta, tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, hãy tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già... hãy tìm cầu cái không già... tự mình bị bệnh... hãy tìm cầu cái không bệnh... tự mình bị chết... hãy tìm cầu cái bất tử... tự mình bị sầu... hãy tìm cầu cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, hãy tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn*”⁷.

Tuy nhiên, ít ai thấy khổ đau giống như Phật đã thấy và cũng ít ai quan tâm giải quyết vấn đề khổ đau giống như Phật đã làm. Tâm lý chung của chúng sanh là cố lờ đi các hiện thực khổ đau nhân thế bằng cách tránh nghĩ đến chúng hoặc cố giảm thiểu tối đa các khía

cạnh khó chịu của chúng nhằm tranh thủ những phút giây thoải mái có được trong đời người vốn không nhiều và cũng chẳng to tát cho lắm.

Con người nói chung rất lo sợ sự khổ, rất mong muốn thoát khổ, nhưng chẳng mấy ai chịu nhìn thẳng vào vấn đề, chẳng mấy ai xem kinh nghiệm khổ đau là cơ hội lớn để thức tỉnh, để đi ra khỏi khổ đau. Tập quán tham dục che chắn nhiều cơ duyên thức tỉnh của chúng sinh. Phần lớn loài người chỉ biết đến một vài khía cạnh khổ đau khi tự thân gặp phải điều bất hạnh này hay bất hạnh khác trong cuộc đời, nhưng rồi kinh nghiệm thương tổn ấy cũng chóng qua nhường chỗ cho tâm lý vui mừng phát sinh đi đôi với tập quán khao khát hy vọng về một ngày mai tươi sáng. Ít ai hiểu ra sự khổ vốn đã nằm sẵn trong ngũ uẩn, trong mọi cảm thức vui-buồn, sướng-khổ, thành công-thất bại, hy vọng-thất vọng của đời người. Chính vì thế mà sau bao nhiêu biến cố chạm trán với sự khổ, con người vẫn không mấy tỉnh ra, vẫn ôm ấp tham vọng, vẫn áp ủ lòng khao khát.

Đây hẳn là diễn biến mâu thuẫn và mê lầm của tâm thức nhân thế, khiến cho chúng sanh không thấy được bản chất khổ đau của hiện hữu, nhầm lẫn khổ đau là hạnh phúc, tiếp tục khao khát và hy vọng hão huyền về một không gian hạnh phúc trong thế giới tối tăm và bất an của ngũ uẩn. Chính cảm thức mê lầm về bản chất của hiện hữu như vậy là nhân tố tạo nên khổ đau, khiến cho gánh nặng khổ đau tiếp tục được tạo ra, tiếp tục trở thành đối tượng thích thú tầm cầu của tâm thức gọi là lòng khao khát trở thành hay khát ái hiện hữu.

Đức Phật gọi tâm lý khao khát này là “*mang gánh nặng lên*”, tức là thái độ mê lầm - “*tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm*”¹⁰ - muốn tiếp tục hiện hữu, tiếp tục tìm kiếm sự thỏa mãn trong thế giới không có sự thỏa mãn, tiếp tục kéo dài sự khổ, tiếp tục mang gánh nặng khổ đau.

Nói cách khác, đây chính là sự sinh khởi và vận hành của vòng luẩn quẩn khổ đau gồm các yếu tố mê lầm gây phiền muộn như vô minh, hành, thức, ái, thủ... đưa đến ngũ uẩn sinh khởi tức khổ đau sinh khởi và hiện hành, gánh nặng khổ đau: sanh, già, bệnh, chết... tiếp tục được tạo ra, tiếp tục oằn trên vai của chúng sinh.

Kinh *Pháp Cú* cho biết sau khi giác ngộ, trở thành bậc Thức tỉnh, Đức Phật nói lên hai lời cảm thán, thứ nhất là nỗi niềm xót xa khi Ngài còn chìm đắm trong vòng khổ đau nhưng không thấy được nguyên nhân của tái sanh, thứ hai là tâm lý hân hoan sau khi Ngài phát hiện và loại trừ được căn nguyên tạo nên khổ đau:

*Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,*

*Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh!
Ôi! Người làm nhà kia,
Nay ta đã thấy người.
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan,
Tâm ta đạt tịch diệt,
Tham ái thấy tiêu vong⁹.*

Đức Phật đã vĩnh viễn rời xa khổ đau, đã phá bỏ ngôi nhà lửa tam giới, đã đặt xuống gánh nặng khổ đau, nhờ hiểu biết rốt ráo (liễu tri) về sự khổ và loại bỏ được căn nguyên gây nên khổ đau là tham ái. Với kinh nghiệm của bậc Giác ngộ, Ngài nêu rõ cho mọi người cách thức rời xa khổ đau, thoát ly ngôi nhà lửa tam giới, đặt xuống gánh nặng khổ đau. Đó là tập buông bỏ lòng tham, dứt trừ dục ái hay tâm lý khao khát thỏa mãn các ham muốn trần thế vốn không bao giờ đạt đến thỏa mãn. Phải thấy hết thấy mọi thứ trên cuộc đời, kể cả bản thân mỗi người, đều là khổ đau, đều là nhân tố gây nên khổ đau, không phải là đối tượng đáng ưa thích, đáng ham muốn.

Đây chính là cách “*đặt gánh nặng xuống*”, tức là thái độ tỉnh táo sáng suốt - “*tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn... tự mình bị già... tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn*”¹⁰ - buông bỏ lòng tham, dứt trừ dục vọng, nhằm chán khổ đau, không thích hiện hữu, không khao khát tìm kiếm, hy vọng hay kỳ vọng về bất cứ gì liên hệ đến hiện hữu. Nói khác đi, đây chính là sự nỗ lực dứt trừ các nhân tố gây phiền muộn khổ đau như vô minh, hành, thức, ái, thủ... khiến cho ngũ uẩn không tiếp tục sinh khởi tức khổ đau không sinh khởi và hiện hành, gánh nặng khổ đau: sanh, già, bệnh, chết... không còn được tạo ra, không còn đè lên vai chúng sinh.

Luật tạng Pàli chép câu chuyện về nhóm 30 thanh niên may mắn (*bhaddavaggiya sahàyakà*) được Đức Thế Tôn cứu độ thoát khỏi tập quán mê lầm “*tự mình khổ đau lại tìm kiếm cái khổ đau*”.

Chuyện thuật rằng sau khi hóa độ cho dân chúng ở xứ sở Bārāṇasī, Đức Thế Tôn rời Bārāṇasī quay trở về Uruvelā. Trên đường quay trở lại Uruvelā thuộc thủ phủ Gayā, Thế Tôn đi sâu vào rừng và ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Lúc bấy giờ một nhóm gồm 30 thanh niên giàu cùng với các cô vợ trẻ đã đến ngôi rừng trước đó và đang cùng nhau vui thú du hí. Một trong số các thanh niên này vì độc thân nên đưa theo mình một cô kỹ nữ để mua vui. Trong lúc mọi người đang mải mê với cuộc vui thì cô ả kỹ nữ đã cuốn hút nhiều đồ trang



sức quý giá và trốn đi. Mọi người đổ xô đi tìm kiếm cô ả rồi lần hồi họ đến chỗ Đức Phật đang ngồi dưới một gốc cây và lên tiếng chào hỏi:

- *Thưa Sa-môn, Ngài có trông thấy một phụ nữ đi qua đây?*

- *Các bạn trẻ, các bạn phải làm gì với một phụ nữ?*

- *Thưa Ngài, chúng tôi đi dã ngoại với vợ chúng tôi ở khu rừng này. Anh bạn trẻ của chúng tôi đây chưa có vợ nên chúng tôi thuê bao cho anh ấy một cô kỹ nữ. Nhưng thưa Ngài, trong lúc chúng tôi đang mãi vui chơi thì cô này đã lấy mất nhiều đồ vật quý giá của chúng tôi rồi bỏ trốn và do vậy chúng tôi lục lạo khắp khu rừng này để tìm kiếm cô ấy.*

- *Này các bạn trẻ, các bạn nghĩ thế nào, điều gì là tốt hơn cho các bạn: Tìm kiếm một phụ nữ hay tìm lại chính mình?*

- *Thưa Ngài, thật tốt hơn cho chúng tôi là tìm lại chính mình.*

- *Vậy, hãy ngồi xuống, các bạn trẻ. Như Lai sẽ thuyết pháp cho các bạn¹¹.*

Chuyện kể tiếp rằng cả 30 thanh niên này đã lặng lẽ

ngồi xuống chung quanh Đức Phật và lắng nghe Ngài thuyết pháp. Sau đó tất cả họ đều xin xuất gia và được Thế Tôn thu nhận làm đệ tử. Họ đã ngộ ra gánh nặng khổ đau mình đang đeo mang và quyết tâm đặt xuống gánh nặng khổ đau. ■

Chú thích:

1. Kinh Xà dụ, *Trung Bộ*.
2. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 148.
3. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 147.
4. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 148.
5. Thanh tịnh đạo, Tập 2, tr.307, Thích nữ Trí Hải dịch, Nxb Hồng Đức, 2014.
6. Kinh Thành ấp, *Tương Ưng Bộ*.
7. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
8. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
9. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 153-154.
10. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
10. *Vinaya Pitakam*, Vol. I, tr.23-24.

Nhất thừa

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Trong ánh sáng lớn từ Đức Phật phóng ra, soi sáng hiện ra tất cả cõi và các chúng sanh “từ địa ngục A-tỳ, trên đến trời Hữu Đảnh”.

Trong đó có người của ba thừa:

Nếu người bị khổ
Chán già bệnh chết
Phật nói Niết-bàn
Dứt hết các khổ.
Nếu người có phước
Tùng cúng dường Phật
Chí cầu thắng pháp
Nói cho Duyên giác...
Tôi thấy cõi kia
Hằng sa Bồ-tát
Các thức phương tiện
Mà cầu Phật đạo.
Có vị bồ thí
Đủ thứ châu báu
Hồi hướng Phật đạo
Nguyện đắc thừa ấy.

(Phẩm Tựa, thứ 1)

Thừa ấy là Nhất thừa, và Nhất thừa là Phật thừa: “Xá-lợi-phất! Vì nhân duyên ấy nên phải biết các Phật nơi lực phương tiện, trong một Phật thừa phân biệt nói thành ba” (Phẩm Thí dụ, thứ 3).

Trong cõi Phật mười phương
Chỉ có pháp nhất thừa
Không hai cũng không ba
Trừ Phật phương tiện nói.

(Phẩm Phương tiện, thứ 2)

Ba thừa Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát đều nằm trong Một thừa, Một thừa ấy là Phật thừa. Một thừa Phật thừa ấy được biểu lộ bằng ánh sáng Phật soi chiếu trùm khắp tất cả các chúng sanh và các thừa:

Ta dùng tướng trang nghiêm
Ánh sáng chiếu thể gian

*Bạc vô lượng chúng trọng
Nói ra thật tướng ẩn.*

(Phẩm Phương tiện, thứ 2)

Một thừa ấy chính là Phật tánh mà tất cả chúng sanh đều có và đều ở trong ấy, được biểu lộ bằng một ánh sáng của Phật trùm khắp các cõi và các chúng sanh. Một thừa hay ánh sáng của Phật tánh ấy chứng chính là “thật tướng ẩn” mà Đức Phật đang nói ra cho tất cả chúng hội.

Một thừa này chính là một vị, một vị ấy chính là “thật tánh của các pháp” (Phẩm Dược thảo dụ, thứ 5).

Phật bình đẳng nói:

*Như mưa một vị
Thấy thấy ngôn từ
Diễn nói một pháp.*

Một pháp ấy là “thật tướng của tất cả các pháp: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, gốc ngọn trước sau rốt ráo như vậy” (Phẩm Phương tiện, thứ 2).

Tất cả các pháp đều chỉ một vị, một vị ấy là “gốc ngọn trước sau rốt ráo như vậy”. Tất cả các pháp đều chỉ một vị, vị ấy là Phật tánh.

Người chưa thấu đạt cái một vị, một thừa, một Phật tánh này thường hay lầm lẫn cho rằng các pháp môn thì khác nhau và đạt đến các quả khác nhau. Các pháp môn là các phương tiện mà hình thức thì khác nhau nhưng nội dung chỉ có một vị, một thừa, một Phật tánh. Các pháp môn, tức là các cửa pháp, thì có nhiều cửa mà hình thức khác nhau, nhưng đều đưa vào một thừa, một vị, tức là Phật tánh.

Nền tảng của mọi pháp môn là một thừa, Phật thừa, gốc ngọn trước sau rốt ráo một vị Phật tánh. Các pháp môn, các con đường khởi từ nền tảng một vị Phật tánh ấy, và tiến hành chính trên nền tảng Phật tánh ấy. Các pháp môn không thể đi ra ngoài nền tảng Phật tánh,

và kết quả của pháp môn, đích đến của con đường cũng nằm ngay trên nền tảng Phật tánh ấy. Như vậy, nền tảng Phật tánh có ngay từ lúc khởi đầu của con đường thực hành, có khi đang đi trên đường, và có ở lúc chấm dứt con đường. Nền tảng, con đường, và quả chỉ có một vị Phật tánh. Tất cả các pháp môn chỉ có một vị Phật tánh.

Ở phẩm *Như Lai thọ lượng* thứ 16 và phẩm *Như Lai thần lực* thứ 2, kinh cho chúng ta biết nền tảng, một thừa, một vị, Phật thừa này chính là Như Lai. Như vậy, nền tảng là Như Lai, con đường là Như Lai, quả là Như Lai. Đây là một thừa duy nhất, một Phật thừa.

Tu *Pháp Hoa*, tu Phật thừa là tu trong Như Lai thọ lượng, tu trong quả Phật “đã thành từ lâu xa”, tu trong Như Lai thần lực không có cái gì ở ngoài thần lực biến hiện này. Như vậy, tu Phật thừa là tu Quả thừa vốn thành Phật từ lâu xa, thay vì tu Nhân thừa, tạo nhân để cuối cùng thành quả. Vì lý do này kinh *Pháp Hoa* được xưng tụng là một trong số vài kinh cao nhất của Đại thừa.

Phật đã thành tựu viên mãn từ lâu xa, nghĩa là thế giới này dần có thay đổi biến hóa thế nào cũng luôn luôn có bản chất là Phật, là Như Lai tạng, là Phật tánh. Cho nên cái thấy không bị che chướng bởi phiền não và sở tri chướng do chính mình tự tạo thì thấy mọi sự “đều đã thành Phật đạo”:

*Hoặc có dựng miếu đá
Chiên-đàn và trầm thủy
Gỗ mật cùng gỗ khác
Gạch ngói bùn đất thầy
Hoặc ở nơi đồng trống
Đắp đất thành miếu Phật
Nhấn đến trẻ nhỏ chơi
Nhóm cát thành tháp Phật
Tất cả người như thế
Đều đã thành Phật đạo.
Vẽ hình làm tượng Phật
Trầm tướng phước trang nghiêm
Tự làm hoặc bảo người
Đều đã thành Phật đạo.
Nhấn đến trẻ nhỏ chơi
Dùng cỏ cây và bút
Hoặc lấy móng tay mình
Mà vẽ thành tượng Phật
Tất cả người như thế
Dần dần chứa công đức
Đầy đủ tâm đại bi
Đều đã thành Phật đạo.*

(Phẩm *Phương tiện*, thứ 2)

Tại sao chỉ một chút xúc chạm đến Phật đạo như thế mà đều đã thành Phật đạo? Vì tất cả chúng ta đều đang ở trong Phật đạo vốn đã viên thành. Đây là Nhất thừa và cũng là Phật thừa.

Trước những câu kệ được trích ra ở trên, có những câu kệ nói về Nhất thừa hay Phật thừa này:

*Vô số kiếp quá khứ
Vô lượng Phật diệt độ
Trăm ngàn vạn ức Phật
Số nhiều không thể lường
Các Thế Tôn như thế
Thầy thầy duyên thí dụ
Vô số phương tiện lực
Nói thật tướng các pháp.
Các Đức Thế Tôn ấy
Đều nói pháp nhất thừa
Dạy vô lượng chúng sanh*

(Phẩm *Phương tiện*, thứ 2)

Phật thừa hay Nhất thừa là tất cả mọi sanh khởi, mọi hiện tượng đều từ nền tảng Phật tánh và do đó có bản chất là Phật tánh. Như một thế giới làm bằng vàng, tất cả sự vật trong đó đều bằng vàng, có sanh trụ diệt cũng đều là vàng.

Trong Quả thừa này, ngoài sự loại bỏ phiền não chướng và sở tri chướng che đậy để thế giới bằng vàng ấy càng lúc càng hiển lộ, thì sự tin vào thế giới ấy và sự tương ứng hợp nhất của tâm với thế giới ấy khiến hai chướng trên tự động rơi rụng.

Lục tổ Huệ Năng nói cụ thể về thế giới Quả thừa này: “Nay ta dạy các ông biết tự tâm chúng sanh, thấy tự tâm Phật tánh. Muốn cầu thấy Phật thì chỉ cần biết chúng sanh. Chỉ vì chúng sanh mê Phật, chẳng phải Phật mê chúng sanh.

*Tự tánh nếu ngộ, chúng sanh là Phật
Tự tánh mà mê, Phật là chúng sanh.
Tự tánh bình đẳng, chúng sanh là Phật
Tự tánh tà hiểm, Phật là chúng sanh.*

Nếu tâm các ông cong queo hiểm hóc thì Phật ở trong chúng sanh, một niệm bằng thẳng tức là chúng sanh thành Phật. Tâm ta tự có Phật. Phật chính mình là chân Phật. Nếu tự thấy mình không có tâm Phật thì chỗ nào cầu chân Phật? Tự tâm các ông là Phật, chớ có hoài nghi...

Phiền não tức Bồ-đề, không hai không khác. Nếu lấy trí huệ chiếu phá phiền não, đó là kiến giải Nhị thừa, căn cơ xe nai xe dê. Người thượng trí đại căn chẳng phải như vậy.

Sáng và không sáng, người phàm thấy là hai, người trí thì rõ thông tánh chúng không hai, tánh không hai tức là thật tánh. Thật tánh này nơi phàm phu chẳng giảm, nơi hiền thánh chẳng tăng, trụ phiền não mà chẳng loạn, ở thiền định mà chẳng lặng, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đến chẳng đi, chẳng ở giữa hay chẳng ở ngoài, chẳng sanh chẳng diệt, tánh tướng như như, thường trụ chẳng đổi, gọi đó là đạo” (Phẩm *Hộ pháp* và *Phổ chú*, kinh *Pháp Bảo Đàn*). ■



Mười hai cách tạo nghiệp tốt

LILLIAN TOO
THÍCH NGUYỄN TẠNG dịch

Đạo hữu Lillian Too, nhà phong thủy nổi tiếng thế giới, đã viết hơn tám mươi cuốn sách về đề tài này, và bà cũng đã cho xuất bản tạp chí Feng Shui World (Thế Giới Phong Thủy) phát hành hai tháng một kỳ. Mới đây bà đã mở rộng công việc xuất bản của mình với số đầu tiên là Mahayana (Đại thừa Phật giáo), tạp chí trình bày truyền thống Phật giáo Đại thừa Tây Tạng theo phương châm “vì lợi lạc cho quần sanh”. Mahayana đã nhận được sự hưởng ứng nồng nhiệt của mọi người tại quê hương của bà ở Singapore vào cuối năm ngoái. Bài viết sau đây là một phần nhỏ mà Tạp chí Mandala đã trích đăng từ tập sách của bà với tựa đề 108 Phương cách tạo nghiệp tốt.

Theo giáo lý nhà Phật, luật nhân quả được giải thích rằng mỗi sự việc xảy ra sẽ có một sự kiện khác đi theo sau đó. Hệ quả xảy ra có an lạc, hạnh phúc hay khổ đau, khó chịu, có lợi hay có hại cho người khác và cho chính

mình, tất cả đều tùy thuộc vào nguyên nhân ban đầu của hành động đó. Luật nhân quả dạy rằng gieo gió sẽ gặp bão; trồng cam sẽ được quả ngọt, trồng chanh ắt phải hái trái chua; đem niềm vui đến cho người, mình sẽ được hạnh phúc, gây khổ đau cho người, mình sẽ chịu sự bất hạnh. Người ta không thể thoát khỏi nghiệp quả của mình một khi chính mình đã gây tạo. Có nhiều cách tạo ra nghiệp tốt để hóa giải đi những nghiệp xấu mà chính mình đã cố ý hay vô tình gây ra trước đó. Bài viết này xin cống hiến mười hai cách mà bạn có thể làm được ngay trong kiếp này để đời sống của bạn thay đổi.

1. Hãy lấy từ bi làm tôn giáo của mình

Tạo nghiệp tốt không có nghĩa là theo tôn giáo hay mộ đạo. Người ta không cần phải là một tín đồ Phật giáo hay thuộc về tín ngưỡng nào đó để có thể tạo nghiệp tốt. Con người chỉ cần thể hiện thái độ tử tế

ân cần với người khác. Như Đức Đạt-lai Lạt-ma thường nhắc nhở: *“Tôn giáo của tôi là lòng từ bi”*.

Như vậy đã tạo nghiệp tốt rồi, không phải chỉ tử tế với người khác trong chốc lát mà phải luôn luôn, suốt cuộc đời của mình, trong mọi phương diện của đời sống, trong mọi mối liên hệ, trong mỗi công việc làm, trong tất cả những giao tiếp. Khi chúng ta tiếp cận một việc gì mình làm, được thể hiện tấm lòng từ bi, thì khi đó chúng ta đang tạo nghiệp tốt, và đó là loại nghiệp tốt tạo ra hệ quả mà tất cả mọi người khác đều tử tế với mình. Đó là phương cách chắc chắn nhất để gây dựng cuộc đời mà trong đó những phiền não khổ đau sẽ tiêu tan.

2. Trì chú

Trì chú là việc làm cơ bản và dễ nhất cho hành giả tu theo Mật tông để bắt đầu đi trên con đường mở ra những chân trời mới cho tâm trí. Trước hết trì chú là cách thức mạnh nhất để thanh lọc những ác nghiệp mà chúng ta đã mang tới trong thế gian này với mình từ quá khứ. Nghiệp quả xấu vẫn còn ở trong thần thức của mỗi người, dòng tâm thức mà chúng ta mang theo từ kiếp sống quá khứ.

Chúng ta hãy bắt đầu với thần chú nổi tiếng nhất thế giới, đó là tâm chú của Bồ-tát Quán Thế Âm *“Án Ma Ni Bát Di Hồng”* (Om Mani Padme Hum). Khi trì thần chú này, hãy tập trung vào âm thanh của chú và để âm thanh thâm nhập vào tận tâm thức của mình. Luôn luôn trì chú với ý tưởng mang lợi ích đến cho người khác. Không bao lâu, chúng ta sẽ thấy kết quả với những lợi ích tuyệt vời thâm nhập qua tâm thức của mình.

Chúng ta sẽ sớm cảm thấy mình trở nên dễ thương hơn, khoan dung hơn, bớt bối rối hơn và trở nên bình tĩnh hơn. Nhiều vị Lạt-ma cao cấp nói rằng trì thần chú *“Án Ma Ni Bát Di Hồng”* có thể đưa chúng ta đến giác ngộ. Đây là một trong những thần chú có nhiều oai lực nhất mà chúng ta có thể hành trì hàng ngày.

3. Niệm Phật

Một cách thức mạnh mẽ không ngờ để giải trừ những ác nghiệp là niệm danh hiệu Phật và lễ Phật sám hối. Trong khi niệm Phật chúng ta phát khởi ý nghĩ sám hối về những nghiệp xấu đã tạo ra trong những kiếp trước và ngay trong kiếp sống này.

Niệm Phật thành tâm, nhờ tha lực của chư Phật cùng với sự tự lực của bản thân sẽ giúp cho những bất thiện nghiệp của chúng ta tiêu tan dần theo năm tháng. Chúng ta phát tâm quy ngưỡng Phật, tôn kính Phật, lễ Phật và niệm danh hiệu Phật là pháp tu phổ thông để tội diệt phước sanh, là phương pháp rất mạnh mẽ để hóa giải những chướng ngại gây ra phiền não khổ đau cho chúng ta trong đời sống này.

4. Thực hành thiền quán

Mấy năm trước khi gặp thầy Bốn sư của tôi là Lạt-ma



Zopa (lãnh đạo tối cao của Hội Bảo tồn Truyền thống Phật giáo Đại thừa, fpmt.org), tôi thỉnh ngài hướng dẫn tôi ngồi thiền, tôi trình với ngài rằng: *“Lúc nào con cũng cảm thấy u uất trong lòng, xin Thầy hướng dẫn con tập thiền để tâm con được an tĩnh”*.

Thầy Zopa cười nhẹ và nói: *“Tham thiền là pháp tu tuyệt vời. Thiền không phải chỉ để tâm trí an tĩnh thôi đâu, mà thiền còn có mục đích cao hơn nữa, con ạ”*.

Ngài vẫn tất giải thích rằng: Thiền định hay sự phát triển tâm linh, hay sự quán chiếu về khổ đau, vô thường và vô ngã. Tham thiền là cách làm cho tinh thần tập trung, thanh thản và trong suốt như dòng sông nước trong mà người ta có thể nhìn thấy tận đáy, từ đó ý thức biết được sự thể nghiệm về giải thoát và giác ngộ.

Tham thiền cũng là quá trình tập trung và thâm nhập, nhờ đó mà tâm chúng ta được an tĩnh và nhất tâm bất loạn rồi đi đến giác ngộ. Nên hiểu rằng thiền là sự nhận chân ra năng lực tâm linh mới để có thể phán đoán sự vật trên quan điểm mới, với mục đích là dứt khoát lật đổ ngôi nhà giả tạm mà mình đang có để dựng lên cái khác trên nền móng hoàn toàn mới. Mái nhà cũ gọi là vô minh khổ đau, ngôi nhà mới được gọi là giác ngộ giải thoát. Đó là đích đến của mọi hành giả tu theo đạo Phật.

Về căn bản, hành giả ngồi trên tấm nệm với hai chân khoanh lại, lưng thẳng, hai mắt hé mở, nhìn khoảng một thước về phía trước và bắt đầu thở điều hòa. Suy ngẫm và tập trung vào lý do hành thiền, động cơ ngồi thiền của mình, đó là phát tâm làm lợi ích cho chúng sanh. Xem động lực vị tha này là nền móng của việc tham thiền. Từ đó trở đi hành giả có thể quán tưởng về bất cứ đề mục nào liên quan đến việc phát triển sự hiểu biết về đời sống của mình.

Khi quán tưởng như vậy, hành giả nhẹ nhàng suy ngẫm về sự quý báu của đời người và sự may mắn là mình đã được sanh ra làm người, được sống, được gặp

Chánh pháp như hôm nay. Hành giả sẽ nhận thức rằng chỉ riêng việc sinh ra làm người đã là một may mắn rồi, vì mình có khả năng phân biệt, hiểu biết và suy nghiệm nghĩa lý sâu xa của Phật lý, để rồi biết tu tập để giải thoát vòng sinh tử khổ đau.

5. Nhường đường khi lái xe

Đã không ít tai nạn chết người xảy ra khi người lái xe giành đường, do vậy khi người Phật tử chạy xe trên đường phải giữ chánh niệm và biết rằng đây cũng là cơ hội cho ta tạo nghiệp tốt. Nhường đường cho người khác là chúng ta chạy chậm lại khi có người muốn vượt lên trước mình, dằn cảm giác khó chịu xuống hay không bóp kèn khi có người quẹo xe ẩu hoặc thậm chí đụng phải xe của mình. Những phiền não như vậy trong việc giao thông là những cơ hội cho ta đào luyện tâm trí với nụ cười hoan hỷ trong bình tĩnh.

Chúng ta cũng có thể nhường đường cho người khác ngay cả khi mình có quyền ưu tiên. Khi không có ý tưởng xem con đường là nơi tranh chấp giữa mình và những người lái xe khác, việc giao thông của chúng ta sẽ thú vị hơn nhiều và mỗi lần nhường đường cho người nào, chúng ta sẽ rất vui lòng vì biết rằng việc kềm chế tánh dễ nổi nóng của mình và đây cũng là một cách để tạo nghiệp tốt mà kết quả có về sau là đời sống của mình luôn gặp mọi sự hanh thông và may mắn.

6. Dành phần thắng cho người khác và chấp nhận thua thiệt

Khi nhường nhịn người khác, chúng ta nhiếp phục được sự tự ái của mình, và không thể để cho tự ngã của mình nghĩ đến những điều vị kỷ. Khi chấp nhận thua thiệt, sẽ là cơ hội cho ta diệt trừ tính kiêu ngạo. Pháp tu đặc biệt hữu dụng khi hoạt động trong thế gian vật chất hay trong cách cư xử với người khác trong công việc. Khi làm việc gì quan trọng hay phải làm xong một việc nào đó trước thời hạn, sự căng thẳng thường phát sinh giữa mình và người khác, và đó là lúc người ta nghĩ đến ảo tưởng thắng và thua, được và mất. Hãy xem đó là những cơ hội tạo nghiệp tốt.

Tôi nhớ có những lần tôi đã tranh luận một cách nóng nảy chỉ để biện minh cho quan điểm của mình, để rồi rốt cuộc tôi nhận ra rằng mình đã không chỉ gây ra phiền não cho mình mà còn làm cho người khác bức mình, khó chịu nữa.

Chỉ khi gặp được Lạt-ma Zopa và được học Phật, tôi mới học được phương cách đối trị tính háo thắng của mình. Tôi đã khám phá tính chất giải thoát của sự chịu thua thiệt, sự buông bỏ và sự không bị trói buộc vào tham vọng chiến thắng. Đó là lúc tôi nhận ra là mình đã cảm thấy an lạc nhiều hơn mỗi khi chấp nhận thua thiệt, nhường phần thắng cho người khác. Hành vi đầu hàng trước ý kiến hay quan điểm của người khác không phải là trốn tránh thảo luận, mà là một lối đồng ý với nhau

rằng chúng ta không đồng ý kiến, và đồng thời vẫn tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ nhau. Khi làm như vậy, chúng ta đang tạo nghiệp tốt và tất nhiên bạn sẽ nhận được nhiều sự hỗ trợ tương tự của người khác trong tương lai.

7. Tránh sát hại những sinh vật nhỏ nhất

Người ta dễ dàng xâm hại đến sinh mạng của các loài vật, đặc biệt là những loài nhỏ nhất. Một hôm đang đi trên lề đường, tôi nhận thấy có nhiều con kiến bò ngang lối đi, tôi biết rằng nếu mình không có ý thức thì mình đã vô tình giết chết nhiều sinh mạng và như vậy chúng ta dễ dàng tạo ác nghiệp về sát sinh ngay trên mỗi bước chân của mình. Tôi cẩn thận không dẫm đạp lên những con kiến nhỏ bé này và tôi ngạc nhiên cảm thấy sự vui sướng rộn lên trong lòng của mình.

Phật dạy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, ngay cả những con vật nhỏ nhất cũng có Phật tánh, nhưng do kiếp này chúng vì nghiệp chướng nặng nề nên phải mang thân hình khác người; hiểu điều đó, nên ta cố gắng tránh sát hại một cách vô ý thức của chúng ta. Kết quả tránh sát hại sinh vật sẽ giúp chúng ta sống khỏe mạnh, không bệnh tật và tăng tuổi thọ về sau.

8. Phóng sinh

Phóng sinh là hành động cứu sống, công đức rất lớn, có thể giúp người làm việc này giảm bệnh tật và kéo dài tuổi thọ ngay trong hiện đời. Mấy năm trước khi tôi đến thành phố Varanasi, Ấn Độ (nơi Đức Phật chuyển pháp luân đầu tiên), trong chuyến hành hương với thầy tôi, Lạt-ma Zopa, ngài đã đưa chúng tôi đến thăm sông Hằng và hướng dẫn chúng tôi làm công đức. Chúng tôi ngồi trên thuyền cầu nguyện và thả cá xuống dòng sông.

Tôi có cảm giác tuyệt vời khi nhìn thấy những con cá tươi sống mà chúng tôi vừa mua từ những người dân chài ở gần đó, chúng quẫy đuôi nhảy trở lại nước sông và bơi lội tự do. Sau đó thầy tôi ghi câu thần chú trên một trái bong bóng rồi cột ở mạn thuyền để cho bong bóng chạm vào làn nước trong khi chiếc thuyền lướt đi. Ngài giải thích rằng bằng cách này, thần chú của Phật sẽ chạm vào làn nước để ban phước cho những loài vật sống dưới nước.

9. Cúng nước

Mấy năm trước khi gặp thầy tôi - Lạt-ma Zopa - lần đầu tiên, tôi thỉnh ngài về nhà tôi. Ngài rất hoan hỷ khi nhìn thấy bức tượng Phật độc nhất mà tôi chưng trong phòng khách. Ngài bảo tôi lấy chén nước để ngài cúng bức tượng đó. Ngài dạy tôi cúng chén nước sẽ tạo nhiều công đức và là phương thức có oai lực lớn để hóa giải những nghiệp xấu về sân hận và những vấn đề khác còn tồn tại trong tâm trí của mình.

Tôi đã làm theo lời dạy của ngài mỗi ngày, và không bao lâu chúng tôi đã có hàng trăm chén nước trong nhà, chỉ vì thời gian qua tôi có thêm những tượng Phật



mới. Tôi rất thích đi tìm những loại chén pha lê và việc thay nước mỗi buổi sáng đã trở thành một nghi lễ trong gia đình của tôi.

Qua thời gian, tôi cảm thấy những kết quả tốt, căn nhà của tôi đã trở thành một ốc đảo thắm đầy an lạc, và những chướng ngại trước đây trong đời sống của chúng tôi nay đã tan biến mất. Những sân hận cáu gắt, những trận cãi vã vô nghĩa, nhỏ mọn thường phá sự yên tĩnh trong nhà chúng tôi, nay đã không còn nữa, những cơn nóng giận đã đi vào quá khứ. Thật là một điều kỳ diệu khi chúng ta cúng nước cho chư Phật.

10. Bố thí, đóng góp cho việc từ thiện

Hành động hiến tặng cho người khác là một cách thức tuyệt vời để tạo nghiệp tốt trong đời sống ngắn ngủi này. Bố thí là hạnh đi đầu của những ai muốn thực thi Bồ-tát hạnh. Kết quả của hạnh bố thí là mình được giàu sang, phú quý về sau. Về phương diện tinh thần thì lòng tham lam, bủn xỉn của mình nhỏ dần lại và biến mất sau một thời gian mình thực hành việc bố thí.

Khi hiến tặng cho người cũng là lúc chúng ta gia tăng tích lũy thiện nghiệp xuất phát từ lòng từ bi. Mình luôn cho ra với tấm lòng quảng đại, vui vẻ, hoan hỷ không có bất cứ một điều kiện nào đi kèm, đó là bố thí đúng nghĩa với lời Phật dạy. Nếu bạn không có khả năng bố thí tiền bạc thì có thể bố thí thời giờ, công sức, sự hiểu biết hay tài năng của mình, để giúp cho đời sống này bớt khổ đau, tất cả những điều này cũng có giá trị ngang với tiền bạc. Một khi động lực tinh thần, không ý đồ mưu toan xen lẫn vào hành động bố thí thì bạn đã thành công phần nào đó trong công hạnh này rồi.

11. Nuôi cá cảnh

Khi viết những cuốn sách về phong thủy, tôi luôn

để nghị thân chủ nuôi cá cảnh để tạo lực thịnh vượng và sự mát mẻ trong gia tộc. Nhưng việc nuôi cá cũng có mục đích cao hơn về tinh thần. Mỗi buổi sáng khi cho cá ăn hoặc thay nước cho cá, đó là bạn đang tạo nghiệp tốt.

Thật vậy mỗi lần cung cấp thức ăn cho cá là bạn có niềm vui vì biết mình đang làm việc tốt. Những con cá không cần phải đẹp và hồ nước của cá cũng không cần phải có ý nghĩa phong thủy để làm động lực cho lòng từ bi của bạn phát sinh. Hãy nghĩ như vậy rồi những con cá sẽ mang đến cho bạn những niềm vui lớn trong đời sống này.

12. Sẵn lòng lắng nghe tâm sự của người khác

Khi có người nào tìm đến mình để tìm sự an ủi, chia sẻ hay để nương tựa vào bạn, vì họ không có người nào để tìm tới, bạn đừng xua đuổi họ, dù đó là người mà bạn chưa từng quen biết, dù bạn đang bận rộn, dù bạn không thích nghe người khác than thở. Bạn chỉ cần dành một chút thời gian cho họ. Hãy sẵn sàng làm bạn với cả những người xa lạ.

Dùng tinh thần mạnh mẽ của mình để giúp những người yếu đuối. Chia sẻ kinh nghiệm an lạc của mình với người khác, dù cho người ấy không quen thân với mình, làm được như vậy là bạn đang thực hành tốt lòng từ bi trong đời sống và cũng là người đang đi trên lộ trình hành Bồ-tát đạo.

Nguồn:

12 Ways to create Good Karma Mandala Magazine, April/May 2007.

Website:

<http://www.mandalamagazine.org/>.

<http://www.lillian-too.com/fstips.php>.

Độc quyển “*Tôn giáo học So sánh*” của Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm

THÍCH NHƯ ĐIỀN

Dĩ nhiên khi một người viết sách, họ phải đem cái hay nhất, cái đặc biệt nhất của mình để giới thiệu đến các độc giả khắp nơi, cho nên không thể nói là dở được. Cuối cùng thì dở hay hay tùy theo đối tượng cho cả người viết lẫn người đọc, là tác giả muốn gì và độc giả muốn học hỏi được gì nơi tác phẩm ấy. Tôi đọc *Đại tạng kinh* có ngày đến 200 trang nhưng vẫn không thấy chán, mặc dầu chỉ có chữ và chữ, chứ không có một hình ảnh nào phụ họa đi kèm theo cả. Nhiều khi nhìn thấy trời tối mà lo cho những trang kinh còn lờ mờ chưa đọc xong, phải vội gấp kinh lại, đúng là một điều đáng tiếc. Vì biết đâu ngày mai đọc tiếp sẽ không còn những đoạn văn hay tiếp tục được khơi dậy trong tâm thức nữa.

Ai biểu tôi cái gì, tôi cũng quý cả. Tất cả tôi đều nhận, nhưng có lẽ quý nhất là kinh sách. Đi đâu và đến đâu, dầu sách có nặng cho mấy đi nữa, tôi cũng cố gắng mang theo về, không bỏ sót một quyển nào. Tôi quan niệm rằng người ta tốn công viết và in thành kinh sách, mình chỉ có công đọc thôi mà không dùng thì giờ để nghiên tâm thì quả là điều đáng tiếc vô cùng. Kỳ này tôi được một Phật tử về thăm quê, sau khi trở lại Đức, mang cho tôi ba quyển sách của Thượng tọa Thích Chân Tính, trụ trì chùa Hoằng Pháp tại Việt Nam gửi tặng và để ngày 10 tháng 11 năm 2015. Quyển thứ nhất nhan đề như đã nêu trên; quyển thứ hai tên là: *Vua Pasenadi* (Ba-tư-nặc) và quyển *Lời Hoa* bằng hai ngôn ngữ Việt-Anh. Quyển sau cùng tôi xem nhanh, vì chỉ là thư họa; quyển thứ hai sau khi đọc lời tựa của sách, tôi biết rằng thầy Chân Tính sao lục gom góp những câu chuyện về vua Ba-tư-nặc khắp đó đây trong *Đại tạng Nam* và *Bắc truyền* mà tôi đã có dịp đọc qua như: *Trường A-hàm*, *Trung A-hàm*, *Tạp A-hàm* và *Tăng nhất A-hàm*... rải rác đâu đó, tôi đã đọc qua rồi, nên không phải nhọc công đọc lại nữa. Chỉ riêng quyển “*Tôn giáo*

học So sánh” của cố Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm là tôi quan tâm nhiều, nên liền đọc ngay.

Sách dày 624 trang, in bìa cứng, trình bày rất trí thức, rành mạch, ngay cả những lời chú thích và đặc biệt là hầu như không sai một lỗi chính tả Việt ngữ nào. Đây là một quyển sách dịch biết tôn trọng độc giả. Vì người đọc, không phải chỉ tìm những văn phong hay ho, ý tưởng trung thực của tác giả lẫn dịch giả, mà nơi ấy người đọc phải thấy an lạc, hoan hỷ khi đọc được một tác phẩm giá trị. Ở đây, tác giả, dịch giả và tác phẩm này đã đáp ứng được tất cả những nhu cầu đó.

Đọc lời tựa của cố Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm thì thấy sách này được biên soạn xong vào tháng 4 năm 1968 tại Đài Bắc, Đài Loan. Đây là kết quả của những bản văn nghiên cứu của Hòa thượng dùng làm sách giáo khoa để dạy cho Tăng Ni tại Học viện Phật giáo Thọ Sơn ở Cao Hùng trong những năm ngài làm Giáo thọ tại đó, và theo thầy Chân Tính thì bản dịch từ Hán văn ra Việt ngữ này hoàn thành vào tháng 10 năm 1995, xuất bản lần đầu tiên năm 1996, tái bản có bổ khuyết cho lần này vào năm 2015 và được in ấn tại Đài Loan nên cả hình thức lẫn nội dung đều tuyệt hảo.

Đầu năm 1972 khi tôi sang Nhật Bản du học, lúc bấy giờ thầy Lâm Như Tạng (hiện ở Úc) sắp xếp cho tôi ở nhờ chung phòng cùng với Hòa thượng Thích Chơn

Thành (hiện ngài đang trụ trì chùa Liên Hoa tại Santa Ana, Hoa Kỳ) trong thời gian 3 tháng đầu, cốt để đi tìm thuê phòng trọ khác và chính trong thời gian này Hòa thượng Chơn Thành có dẫn tôi đến thăm căn phòng trọ của Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm tại Gotanda (Ngũ Phán Điện) nằm gần Đại học Risseo (Lập Chánh), Tokyo. Thuở ấy tiếng Anh của tôi cũng chỉ mới bập bẹ, còn tiếng Pháp thì ngài Thánh Nghiêm không hiểu, nên Hòa thượng Thích Chơn Thành nói tiếng Nhật với Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm, còn tôi chỉ cười trừ, chứ chưa dùng được ngôn ngữ nào để diễn tả được ý của mình





cả. Nhìn lên các kệ sách, tôi thật ngưỡng mộ vị thầy này và được biết thuở ấy (1972) ngài Thánh Nghiêm đang dọn luận án tiến sĩ tại Đại học Rissso. Sau này có cơ hội đọc *“Thánh Nghiêm tự truyện”* tôi mới vỡ lẽ ra là Hòa thượng Thánh Nghiêm cũng không có bằng cấp đặc biệt nào tại Trung Hoa lục địa hay sau này tại Đài Loan, sau khi ngài tự nạn tại đó từ năm 1949 (năm toàn cõi Trung Hoa trở thành cộng sản).

Theo tôi, có lẽ nhờ công trình nghiên cứu về *“Tôn giáo học So sánh”* này mà ngài đã được các học giả Phật giáo Nhật Bản đương thời quan tâm và mời ngài sang Nhật để tiếp tục công trình nghiên cứu này chăng? Và cũng chính năm 1975 ngài đã tốt nghiệp Tiến sĩ Văn học tại Đại học Phật giáo Rissso này. Đầu tiên khi thoáng nhìn chữ Rissso, tôi nghĩ rằng chữ Jean-Jacques Rousseau (người Pháp) họ viết trại đi chăng? Nhưng không phải. Đó là hai chữ trong *“Lập Chánh An Quốc Luận”* (Rissso Ankokuron), là một bản điều trần của ngài

Nhật Liên, Giáo Tổ của Nhật Liên tông (chuyên trì tụng kinh *Pháp Hoa* phẩm thứ 2 - Phương Tiện phẩm và phẩm thứ 16 - Như Lai Thọ Lượng phẩm).

Thuở ấy quân Mông Cổ (giữa thế kỷ thứ XXIII) sang xâm chiếm Nhật Bản và ngài Nhật Liên đã dâng biểu tấu với triều đình Nhật Bản về tác hại của việc xâm lược; nhưng kết cuộc là ngài và các đệ tử bị đày lên đảo Sato. Cuối cùng đúng như sự thật, nên triều đình Mạc Phủ mới cho mời ngài về và kể từ đó ngài đứng ra tuyên bày giáo nghĩa của kinh *Pháp Hoa* và ngày nay tông Nhật Liên này phong ngài làm Sơ tổ, họ có chừng 30 trường đại học dài hạn và ngắn hạn, trong đó có Đại học Rissso này.

Sau khi tốt nghiệp tại Nhật Bản, ngài Thánh Nghiêm về lại Đài Loan, nhưng ngài không trụ tại đó, mà ngài sang Hoa Kỳ để hành đạo (xem thêm quyển *Thánh Nghiêm tự truyện*). Ngài lập chùa Đông Sơ Thiền Tự tại New York và ngôi chùa nhỏ này chính là nơi xuất phát

Phật giáo Đài Loan tại Hoa Kỳ. Chùa có cho xuất bản định kỳ mỗi năm 4 số *Chan Magazine* ở địa chỉ Institute of Chung-Hwa Buddhist Culture - 90-56 Corona Avenue Elmhurst, NY 11373, USA.

Tạp chí này viết bằng tiếng Anh và có tuổi thọ hơn 40 năm rồi. Cho đến hôm nay (2016) tôi vẫn còn nhận đều đặn tạp chí này để đọc. Sau này tôi nghe nói ngài về lại Đài Bắc thành lập Pháp Cổ Sơn và kể từ đó, tôi lại được liên lạc với Ngài. Nhờ vậy mà tôi đã gửi thầy Hạnh Giới (hiện đang trụ trì chùa Viên Giác, Hannover) sau khi tốt nghiệp tiến sĩ tại Đại học Hannover (2003) sang Đài Loan học tiếng Hoa và cư trú tại Pháp Cổ Sơn lúc ngài còn sanh tiền, để học Thiền Tào Động tại Phật học viện này. Vì ngài đã tốt nghiệp Bác sĩ (Tiến sĩ) Văn học tại Nhật Bản cũng như có hoạt động dạy Thiền cho người Mỹ tại Hoa Kỳ, nên cách tổ chức của Pháp Cổ Sơn tại Đài Loan là một trung tâm văn hóa, học thuật, tôn giáo có tính cách bác học cũng như Phật học. Do vậy nếu những Tăng Ni Việt Nam nào muốn tham cứu thâm sâu về Phật học ở trình độ đại học và hậu đại học tại Đài Loan thì nên đến đây để tu và để học. Thật là lợi ích vô cùng.

Ai đến Đài Bắc rồi, không thể không trầm trồ ngợi khen công trình thế kỷ mà ngài đã để lại cho Đạo, cho Đời. Nhưng khi ra đi, ngài chỉ di chúc lại là nên đem tro cốt của ngài rải vào vườn hoa trong Pháp Cổ Sơn để bón cho cây cỏ xanh tươi, thân cát bụi của ngài, xin trả về lại cho cát bụi. Quả thật là một việc làm bất khả tư nghị, mà không phải vị Đại sư nào cũng có thể làm được như vậy trong đời này. Tư tưởng của ngài ảnh hưởng bởi ngài Thái Hư đại sư và ngài Ấn Thuận. Ngài dung thông cả Thiền và Tịnh độ. Riêng Tịnh độ thì ngài chia ra làm bốn quốc độ như sau. Đó là: Nhân gian Tịnh độ, Thiên quốc Tịnh độ, Phật quốc Tịnh độ và Tự tánh Di-đà Tịnh độ. Quý vị nào nếu có đến Đài Bắc Đài Loan thì cũng nên viếng thăm danh lễ Pháp Cổ Sơn để học hỏi được nhiều điều hay lạ tại ngôi già-lam này.

Bây giờ chúng ta chính thức đi vào khảo sát nội dung của tác phẩm này. Sách gồm tất cả 10 chương, lần lượt trình bày về:

- 1/ Tôn giáo Nguyên thủy;
- 2/ Tôn giáo của những dân tộc chưa khai hóa;
- 3/ Tôn giáo các dân tộc cổ đại;
- 4/ Tôn giáo của Ấn Độ;
- 5/ Tôn giáo của Trung Quốc;
- 6/ Tôn giáo thiểu số;
- 7/ Do Thái giáo;
- 8/ Cơ Đốc giáo;

9/ Hồi giáo;

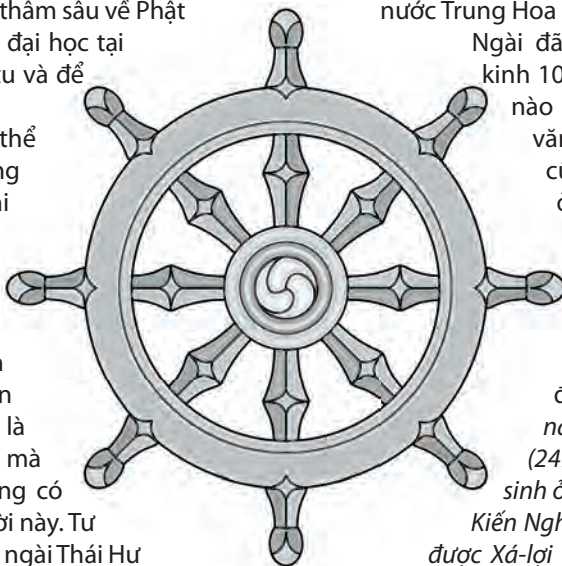
10/ Đạo Phật.

Cứ mỗi một chương như vậy có nhiều tiết mục khác nhau. Tác giả đã khéo léo phân tích kỹ lưỡng từng tôn giáo một, đứng trên quan điểm của người nghiên cứu khảo sát, chứ không phải đứng trên lập trường của người theo Phật giáo.

Đây có thể nói là một tác phẩm tuyệt vời đã viết về so sánh giữa các tôn giáo với nhau mà tôi chưa hề được đọc đến. Về lịch sử, ngài Thánh Nghiêm cũng đã chứng minh rất rõ ràng qua những văn kiện cũng như ngôn ngữ, văn hóa... Ví dụ như chữ Hán thì gọi nước Trung Hoa là Trung Quốc, nhưng tại sao tiếng Anh gọi là China? Ngài giải thích trong tác phẩm này như sau: Thuở nhà Tần đã có sự giao dịch với nước ngoài. Chữ Tần đọc âm là Chin, mà Chin chỉ riêng một đơn âm khó dùng, nên người Tây phương thêm chữ na vào cho dễ đọc và cuối cùng người ngoại quốc khi nói hay gọi đến nước Trung Hoa thì gọi là Chi(na) là vậy.

Ngài đã phân tích rất rõ ràng trong kinh 10 điều của đạo Lão, đã lấy điều nào của Phật giáo đem làm Kinh văn của mình và vì sao đạo Lão cũng như đạo Khổng chỉ tồn tại ở Trung Hoa mà không vượt ra khỏi được biên giới của Trung Quốc như đạo Phật đã từ Ấn Độ sang Trung Hoa và từ Trung Hoa được truyền đi các nơi khác trên thế giới. Ngài cũng đã cho biết rõ (trang 579) "Vào năm Xích Ô thứ 10 đời Ngô Đại Đế (247), Khương Tăng Hội, một Thiền sinh ở Giao Chỉ (nay là Việt Nam), đến Kiến Nghiệp, kinh đô của nước Ngô, cầu được Xá-lợi Phật xuất hiện, khiến Ngô Tôn Quyền phát tâm xây chùa thờ Phật, lấy tên là Chùa Kiến Sơ. Đây là ngôi chùa thờ Phật đầu tiên tại nước Ngô. Khương Tăng Hội đã biên tập *Lục độ tập kinh* và viết chú thích cho những kinh điển được dịch trước đó. Nhờ vậy Phật giáo vùng Giang Nam dần trở nên hưng thịnh...".

Đọc đoạn văn trên, chúng ta là người Việt Nam cảm thấy hãnh diện vô cùng, vì Sơ tổ Phật giáo Việt Nam của chúng ta là ngài Khương Tăng Hội, người sinh ra và lớn lên tại Giao Châu; sau đó qua Giang Nam, Trung Quốc dịch kinh, truyền đạo khiến cho vua quan Trung Quốc ngưỡng mộ, nên cho xây chùa và học Phật... Như vậy từ tác phẩm này chúng ta có thể khẳng định rằng việc nghiên cứu của ngài Thánh Nghiêm rất nghiêm túc. Việc này cũng tương ứng với sách "*Lịch sử Phật giáo Việt Nam tập I*" của Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát cũng đã có đề cập về vấn đề này. Với lịch sử dịch kinh điển từ tiếng Phạn sang chữ Hán thì có rất nhiều các đại dịch giả người Ấn Độ và các nước khác cũng như người



Trung Hoa, nhưng trong lịch sử dịch kinh, không ai qua bốn vị Tam tạng Pháp sư, đó là ngài Cưu-ma-la-thập, ngài Bất Không, ngài Chân Đế và ngài Huyền Trang.

Về Ấn Độ giáo, ngài phân tích cũng rất là tỉ mỉ chi tiết. Ngài cho biết Phật giáo đã dùng Thiên học và việc ăn chay từ Ấn Độ giáo như thế nào. Sự cải cách về vũ trụ quan cũng như nhân sinh quan về việc hình thành vũ trụ theo quan điểm của Ấn Độ giáo và Phật giáo giống ở điểm nào và khác nhau ở điểm nào. Chữ Sa-môn Thích tử, Sa-môn Phạm-chí, Sa-môn ngoại đạo... các từ này do đâu mà có và cuối cùng thì ngài khuyên rằng nên dùng chữ Tỳ-kheo, là một giới danh khác biệt hoàn toàn với Ấn Độ giáo và chỉ có Phật giáo mới có cách gọi này do Đức Phật đặt ra mà thôi.

Ngài đã viết về những tôn giáo cổ của Arab và Giáo chủ Hồi giáo Mohamed đã dùng những điểm nào của Do Thái giáo để tạo nên giáo lý của tôn giáo mình. Thiên đường của Hồi giáo khác với thiên đường của Cơ Đốc giáo hay Do Thái giáo như thế nào? Tại sao Mohamed chủ trương có nhiều vợ? (Ông ta có tất cả 7 bà, sau khi bà vợ chính thức đã qua đời lúc bà ta ở tuổi 65 và ông ta ở tuổi 50). Tất cả những điều này nếu quý vị muốn tìm hiểu, xin đọc tác phẩm này, sẽ được giải đáp tường tận rõ ràng và nên nhớ rằng tác phẩm này đã được biên soạn rất công phu và đã được xuất bản tại Đài Loan từ năm 1968 chứ không phải mới đây, nghĩa là cách nay cũng đã gần nửa thế kỷ rồi. Gần đây thì vấn đề chiến tranh tôn giáo, nhất là các xứ Hồi giáo đã liên tục gây hấn, giết chóc, tàn sát dã man, khiến cho nhiều người phải quan tâm tìm đọc những kinh sách cũng như chủ trương của đạo này, thì quyển sách này có thể giải đáp hầu như tất cả những nghi vấn của quý vị.

Với đạo Phật cũng như vậy, ngài không vì mình là một Tăng nhân để phải bênh vực cho Phật giáo, mà ngài đã đứng trên quan điểm và lập luận của lịch sử cũng như tính triết học của tôn giáo này để luận bàn. Ngài nói về thuyết Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên rồi 37 phẩm trợ đạo như: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo phần để rồi ngài nhấn mạnh về Tam pháp ấn. Đây chính là giáo lý căn bản mà Đức Thích Tôn đã dạy về: Chư hành vô thường, chư pháp vô ngã và Niết-bàn tịch tịnh v.v... Ngài đã giải thích cặn kẽ về tu như thế nào để chứng Thanh văn, tu theo phép gì để chứng Duyên giác, Bồ-tát, Phật... Ngài dùng những kỳ kết tập (bốn lần) tại Ấn Độ để chỉ rõ về việc phân chia bộ phái cũng như Phật giáo Thượng tọa bộ đã áp đảo Đại chúng bộ trong kỳ kết tập kinh điển lần thứ hai sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn 100 năm tại thành phố Hoa Thị như thế nào? Tại sao thời kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn 100 ngày tại động Thất Diệp gần thành Vương Xá chỉ có 500 vị A-la-hán mà trên thực tế thuở ấy còn nhiều vị A-la-hán khác nữa không được cung thỉnh? Vì lẽ ngài Ma-ha Ca-

diếp thiên về hạnh tu Đầu đà cũng như Thiền định, nên chỉ muốn những vị chuyên hành trì các pháp môn này tham dự mà thôi. Đó là câu trả lời của ngài Thánh Nghiêm. Trong khi đó những vị A-la-hán chuyên về trí tuệ và sự lợi lạc cho chúng sanh có tinh thần Đại thừa thì bị bỏ rơi ra ngoài. Đây là cách lập luận có thể tin tưởng được. Rồi Phật giáo cất cánh ra ngoài Ấn Độ, nếu không nhờ lần kết tập thứ ba thời vua A-dục (sau Đức Phật nhập diệt 300 năm) và nếu không là ông vua Hộ pháp này thì tinh thần bộ phái Bắc tông vẫn chưa vươn xa ra khỏi Ấn Độ và nếu không có ngài Long Thọ, Mã Minh, Vô Trước, Thế Thân tiếp nối... là những vị Đại sư thuộc Trung quán, Tánh không và chủ trương xiển dương học phái Đại thừa, thì Đại thừa vẫn nằm trong lãnh thổ Ấn Độ chứ không ra ngoài lãnh thổ này được, nhất là năm vấn đề của Đại Thiên được bàn đến trong kỳ kết tập lần thứ ba này.

Nhìn toàn bộ thì đây là một tác phẩm tuyệt vời khi bàn đến vấn đề tôn giáo trên thế giới. Những ai là giáo sư tại các trường tôn giáo học trên thế giới nên chia sẻ với sinh viên của mình qua tác phẩm này, thật là hữu ích vô cùng và tôi tin rằng tác phẩm này đã được dịch ra Anh văn rồi. Hy vọng những người của các tôn giáo khác cũng có thể đọc được. Nếu bạn là người thích nghiên cứu về nguồn gốc của các tôn giáo thì không thể thiếu tác phẩm giá trị này trong tủ sách của mình. Một lần nữa cũng xin tán thán thầy Thích Chân Tính, một ngài bút điều luyện đã chuyển tải được những tư tưởng về tôn giáo của ngài Thánh Nghiêm qua lời dịch của thầy. Công đức này thật là không nhỏ. Xin vô vàn niệm ân Thầy.

Riêng quý độc giả, những ai thích nghiên cứu thì xin quý vị bắt đầu mở những trang sách này ra để đọc và chiêm nghiệm từng chữ, từng lời, từng trang một... để rồi có thể nói lên quan điểm của mình sau khi đã đọc xong 624 trang này và lúc gấp sách lại, quý vị sẽ thấy phẳng phất đâu đây một Thánh Nghiêm Pháp sư, con người nhỏ thó, nhưng trí tuệ thật là tuyệt vời. Cuối cùng, điều mong mỏi của chính tôi là mong quý vị có thể thẩm thấu tác phẩm này qua nhiều cách nhìn khác nhau để được lợi mình và lợi người, mà tôn giáo mãi cho đến ngày hôm nay vẫn đóng một vai trò tâm linh quan trọng trong đời sống tôn giáo của mọi người trên hành tinh này.

Riêng tôi khi tiếp xúc trực tiếp với các tôn giáo tại Âu Mỹ ngày hôm nay thì xin đưa ra nhận định rằng: *Mỗi tôn giáo đều giống như hương thơm của những loài hoa quý. Thiên Chúa giáo tượng trưng cho hoa Hồng; Tin lành biểu hiện cho hoa Cẩm Chướng; đạo Phật là hoa Sen. Lâu nay chúng ta trồng riêng lẻ những loài hoa này mỗi nơi mỗi cụm, bây giờ chúng ta nên trồng chung vào trong một vườn hoa tâm linh, khi hoa nở sẽ mang về đẹp muôn màu, đem hương thơm dâng hiến cho thế nhân. Xin được là như vậy.* ■



Nguồn: paratravel.com.vn

Tổng quan văn hóa Phật giáo Việt Nam trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam

THÍCH GIA QUANG

1 Đặt vấn đề

Văn hóa Phật giáo Việt Nam là một phạm trù rộng lớn, bao quát trên nhiều lĩnh vực: pháp phục, ngôn ngữ, kiến trúc, di sản... và đồng thời văn hóa Phật giáo Việt Nam gắn liền trong tiến trình phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Với vai trò quan trọng như vậy, trong tham luận này, chúng tôi xin khái quát lại tiến trình đó, cũng như những nét đặc trưng cơ bản để Hội thảo khoa học “*Văn hóa Phật giáo Việt Nam - thống nhất trong đa dạng*” có một góc nhìn tổng quan nhất.

Trong tham luận này, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến yếu tố con người - cụ thể là hàng ngũ Tăng Ni, Phật tử - trong việc phát triển văn hóa Phật giáo Việt Nam. Làm sao để những yếu tố văn hóa phi vật thể có thể nâng tầm những giá trị văn hóa vật thể và gắn kết trong tiến trình phát triển tự nhiên của văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Muốn cho nền văn hóa Phật giáo Việt Nam phát triển bền vững thì yếu tố then chốt chính là phải nâng cao tri thức văn hóa, đồng thời đào tạo đội ngũ Tăng tài cho đất nước. Bởi lẽ, thời kỳ nào Phật giáo hưng thịnh, có những vị tu hành chân chính thì thời kỳ đó văn hóa Phật giáo cũng để lại những dấu ấn đậm nét nhất trong lịch sử; đặc biệt Phật giáo thời Lý-Trần đã chứng minh cho luận điểm này.

Với quan điểm và góc nhìn trên, chúng tôi trình bày bài tham luận “Tổng quan văn hóa Phật giáo Việt Nam trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam”.

2 Văn hóa Phật giáo và văn hóa Việt Nam

Trong suốt chiều dài lịch sử, văn hóa Phật giáo đã đồng hành cùng dân tộc, là một phần cốt yếu, quan trọng của văn hóa Việt Nam, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, nuôi dưỡng sức sống và tâm hồn người Việt.

Văn hóa Phật giáo Việt Nam là bộ phận cấu thành và hòa quyện cùng văn hóa dân tộc. Bản sắc của văn hóa Phật giáo thấm đậm trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, trong cuộc sống hàng ngày của con người.

Phật giáo đã có một truyền thống hơn 2.000 năm trên đất Việt Nam, đã thăng trầm cùng với sự thăng trầm của đất nước, đã chung tay với người Việt Nam vượt qua mọi khó khăn trong lịch sử và đã gắn bó trở thành một phần của văn hóa Việt Nam.

Trong quá khứ, Phật giáo đã có nhiều cống hiến to lớn trên nhiều mặt của đời sống xã hội. Tinh thần từ bi của Phật giáo và những giá trị nhân văn cao cả của Phật giáo Việt Nam đã thấm đẫm và trở thành tâm hồn cốt

cánh của người Việt Nam. Trong quá trình tồn tại và phát triển, Phật giáo Việt Nam không ngừng bản địa hóa, vừa liên tục chuyển mình, vừa mang tinh thần nhập thế vào xã hội và nhân sinh, góp phần phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại mới, có vai trò ngày càng nổi bật trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế ngày nay.

Với mỗi bước chuyển của lịch sử thì Phật giáo lại có những thay đổi để phù hợp với yêu cầu mới. Bên cạnh đó, văn hóa Phật giáo góp phần xây dựng nền tảng đạo đức xã hội, triết lý nhân sinh, là nguồn cảm hứng cho văn chương, nghệ thuật, là chất keo gắn kết cộng đồng, đoàn kết dân tộc và trở thành hệ tư tưởng của văn hóa Việt Nam

Tóm lại, văn hóa Phật giáo Việt Nam là một thành tố trong chỉnh thể văn hóa dân tộc. Phật giáo có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng văn hóa dân tộc. Do đó, bảo vệ và phát huy văn hóa Phật giáo Việt Nam cũng tức là góp phần tôn vinh văn hóa dân tộc.

3 Những nét đặc trưng của văn hóa Phật giáo Việt Nam

Trong quá trình phát triển và thích nghi, văn hóa Phật giáo Việt Nam đã tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa dân tộc, và ngược lại văn hóa Phật giáo đã bổ sung làm phong phú kho tàng văn hóa dân tộc. Phật giáo Việt Nam đã có những nét văn hóa đặc trưng riêng của mình, không bị lẫn lộn với đặc trưng văn hóa của các nước, cũng như văn hóa Phật giáo của các nước khác.

Về pháp phục

Pháp phục Phật giáo ở nước ta rất phong phú và đa dạng, có sự khác nhau từ hình dáng đến màu sắc giữa các hệ phái (Nam tông, Bắc tông và Khất sĩ...).

Y phục của Phật giáo Bắc tông Việt Nam hiện nay gồm: y phục thường nhật và y phục nghi lễ. Y phục thường nhật chia làm hai loại: thường phục trong chùa và thường phục tiếp khách. Theo truyền thống, y phục mặc trong chùa là áo màu vàng, màu nâu, màu lam và quần dài. Người mới xuất gia (hay còn gọi là sa-di, chú tiểu) thì thường mặc màu lam.

Điều dễ nhận thấy hình ảnh những chiếc áo màu nâu, màu vàng hay màu lam gợi nên những hình ảnh đời sống đơn giản, bình dị của người xuất gia. Những màu sắc đó là màu của đất, của khói hương, của cây lá, rất gần gũi giản dị với đời thường. Điều đặc biệt, trong thời buổi công nghiệp hóa, hiện đại hóa như hiện nay thì màu sắc này còn giúp ta cảm nhận sự yên bình và thanh tịnh của chốn tu hành.

Khi tiếp khách hoặc ra ngoài thì áo dài màu nâu dành cho chư Tăng, áo dài màu lam dành cho chư Ni. Hiện nay có một số Tăng Ni thường nhật hay mặc áo màu vàng. Việc mặc áo màu vàng hay màu nâu không thể hiện chức danh cao hay thấp, không thể hiện nhà

sư đó cao quý hay thấp hèn. Màu áo vàng mặc thường nhật mới xuất hiện mấy năm gần đây. Áo thường nhật và áo nghi lễ hình thức khác nhau, phân biệt ở ống tay áo rộng hay hẹp. Ống tay áo thường nhật nhỏ, còn ống tay áo nghi lễ rộng hơn. Y phục nghi lễ hay còn gọi là lễ phục, là những loại áo mặc khi thực hiện các nghi lễ Phật giáo. Loại lễ phục này được các Tăng Ni Phật giáo Bắc tông gìn giữ đến ngày nay. Đặc biệt, trong lễ phục của Phật giáo Bắc tông còn có áo hậu, đối với chư Tăng mặc áo màu vàng, chư Ni mặc áo màu lam.

Ngoài y phục thường nhật và lễ phục người tu hành còn có thêm áo cà-sa màu nâu hoặc màu vàng tùy theo cấp bậc (theo Bắc tông). Áo cà-sa là một mảnh vải gần như hình vuông, do nhiều miếng vải nhỏ ghép lại theo quy cách nhất định.

Phật giáo Nam tông hay còn gọi là Phật giáo Nguyên thủy bởi cách sinh hoạt giống với cách sinh hoạt của Tăng đoàn thời Đức Phật. Trong đó, y phục của tu sĩ Nam tông được mô phỏng giống với y phục của chư Tăng thời Đức Phật còn tại thế. Chư Tăng theo phái Nam tông, trang phục không may thành quần áo như phái Bắc tông mà chỉ dùng vải màu vàng vắt trên người. Điều đó có nghĩa là các sư Nam tông quần y thay vì “vận y” bởi chiếc y của chư Tăng là một tấm vải lớn, được may lại từ những mảnh vải nhỏ.

Vấn đề đặt ra là Phật giáo Việt Nam sau bao nhiêu năm thăng trầm biến động của lịch sử, nước nhà đã thống nhất, Giáo hội cũng đã thống nhất về mặt tổ chức, tư tưởng, ý chí và hành động... trong cùng một Hiến chương, nội quy. Thiết nghĩ, chư Tăng Ni cũng nên đồng tâm thống nhất có một “pháp phục” đồng nhất từ chất liệu, màu sắc đến kiểu dáng bên cạnh sự đa dạng và sắc màu riêng trong y phục của từng hệ phái.

Sự đồng bộ về pháp phục, y phục thường nhật trong giao tiếp, ứng xử, trong chấp tác chắc chắn tạo ra một nét riêng cho tu sĩ Phật giáo Việt Nam, tạo hình ảnh Tăng sĩ Việt mang bản sắc Việt trong thời kỳ hội nhập và phát triển toàn cầu.

Về kiến trúc

Nghệ thuật kiến trúc ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của Phật giáo một cách đặc sắc. Các công trình chùa chiền ở nước ta về quy mô không đồ sộ như những ngôi chùa ở các nước láng giềng Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ... Tuy nhiên, các ngôi chùa ở Việt Nam với không gian khiêm tốn nhưng chúng vẫn không kém phần uy nghiêm của một không gian thờ tự. Có thể khẳng định rằng kiến trúc điêu khắc chùa tháp, tượng thờ, pháp khí (các vật thờ tự trong chùa) là những công trình văn hóa quan trọng của di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam.

Cùng với sự hưng thịnh của Phật giáo thì chùa, tháp ngày càng được tạo dựng nhiều hơn. Trong đó, nhiều ngôi chùa, tháp đã trở thành những công trình kiến trúc mang dấu ấn độc đáo, tiêu biểu cho nghệ thuật



Nguồn: susach.com

kiến trúc của dân tộc và trở thành di sản văn hóa vật thể vô giá của Việt Nam như: chùa Dâu, chùa Bút Tháp, chùa Một Cột, chùa Tây Phương, chùa Thiên Mụ... và nhiều ngôi chùa khác.

Về ngôn ngữ

Đạo Phật truyền vào Việt Nam rất sớm không chỉ trên phương diện lễ nghi tư tưởng mà cả kinh sách nội điển. Kinh sách Phật giáo Đường, Tống cũng như các dòng phái Thiền tông truyền vào Đại Việt và hưng thịnh dưới thời Lý Trần. Gắn liền với truyền thống nghìn năm phát triển dân tộc, người Việt đã tiếp thu chữ Hán để sáng tạo chữ Nôm và sử dụng trong cuộc sống đa chiều, đa diện của người Việt.

Chữ Nôm gắn với truyền thống Phật giáo nghìn năm qua, thư tịch kinh điển hướng dẫn sự tu đạo cũng như truyền bá tư tưởng, tín ngưỡng. Văn học chữ Nôm Phật giáo có ý nghĩa thiết thực với cuộc sống người Việt. Như thế, chữ Nôm đã mang vai trò to lớn của nó trong việc gìn giữ và phát huy văn hoá dân tộc, đặc biệt trong việc phát huy sự hữu ích của ngôn ngữ Phật giáo.

Tuy nhiên, theo thời gian cùng với sự thăng trầm của lịch sử dân tộc, bị thực dân đô hộ, chiến tranh và thiên tai bão lũ, kinh sách Phật giáo đã bị hủy hoại và thất lạc khá nhiều.

Đặc biệt, trong những năm gần đây với sự phát triển, giao lưu và hợp tác quốc tế, các ngôn ngữ Phật giáo đang được Việt hóa để phục vụ đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt.

Tuy nhiên, việc thống nhất “Việt hóa” kinh sách Phật giáo là một việc đòi hỏi có thời gian để chúng ta thực hiện.

Về di sản văn hóa vật thể

Nhìn từ góc độ kiến trúc nghệ thuật Phật giáo, ta thấy nhiều ngôi chùa xứng đáng được tôn vinh với tư cách là các di tích kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu và những “bảo tàng nghệ thuật điêu khắc” sống động.

Người Việt Nam thường nói: “*Mái chùa che chở hồn dân tộc*”. Điều đó chứng tỏ Phật giáo có vai trò quan trọng và gắn gũi với người dân đất Việt đến chừng nào. Trong mỗi ngôi chùa có một Phật điện với hệ thống tượng Phật, Bồ-tát mà mỗi pho tượng là một tác phẩm điêu khắc đá, gỗ hoàn chỉnh, được sắp xếp theo một trật tự nhằm chuyển tải lịch sử tư tưởng, giáo lý Phật giáo. Theo đó, đứng trước Phật điện, mọi Phật tử đều có thể cùng một lúc chiêm bái và tiếp nhận nhiều tri thức Phật giáo.

Không gian văn hóa của chùa Phật khá chuẩn mực, mang tính hệ thống và tổng hợp, gắn bó hữu cơ giữa kiến trúc, điêu khắc, hội họa và cảnh quan thiên nhiên (Tam quan, thiêu hương, thượng điện, nhà Tổ, gác chuông, điện Mẫu...). Ví dụ, chùa Tây Phương, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội là một quần thể gồm ba nếp nhà song song: Bái đường, chính điện và hậu cung. Trong đó, Phật điện có tới 72 pho tượng Phật rất đặc sắc. Có thể coi đây là một bảo

tàng nghệ thuật điêu khắc tượng Phật của Việt Nam.

Theo thống kê của Cục Di sản Văn hóa, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, tính đến năm 2012, có 788 ngôi chùa được xếp hạng di tích quốc gia trên tổng số 3.374 di tích của cả nước.

Một trong những di sản văn hóa Phật giáo của Việt Nam đã được UNESCO công nhận là di sản tư liệu ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương là những mộc bản kinh Phật ở chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang) với khoảng 3.050 bản khắc gỗ mộc bản kinh Phật. Đây xứng đáng là bảo vật của dân tộc, đồng thời chúng cũng là biểu tượng cho các thành tựu của văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Song hành với lịch sử truyền thống của dân tộc, những ngôi chùa ở Việt Nam không chỉ là không gian sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, mà chúng còn là nơi thể hiện và lưu giữ nhiều yếu tố văn hóa truyền thống tiêu biểu của người dân Việt. Đó là những tài sản quý báu của quốc gia và là một phần không thể thiếu trong kho tàng văn hóa vật thể của dân tộc. Do đó, chúng ta cần phải bảo vệ, giữ gìn, tu bổ và tôn tạo theo phong cách chùa Việt Nam mà cha ông chúng ta đã để lại.

Về di sản văn hóa phi vật thể

Bàn về di sản văn hóa phi vật thể của Phật giáo, trước hết phải đề cập giá trị văn hóa, đạo đức. Đạo đức Phật giáo thể hiện ở mục tiêu muốn đưa lại hạnh phúc và an lạc cho nhân sinh. Nguyên tắc đạo đức mà Đức Phật dạy cho chúng sinh là phải tự lực phấn đấu, đề cao lòng từ bi, vô ngã - vị tha, làm điều thiện, ngừa điều ác.

Tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả của Phật giáo là liều thuốc làm trong sáng hơn đời sống tinh thần, trong đó có đời sống tâm linh của Phật tử Việt Nam.

Văn hóa Phật giáo là ảnh hưởng của Phật giáo vào trong nghệ thuật truyền thống của Việt Nam. Phải nói rằng, Phật giáo đã có tác động mạnh mẽ đến cảm hứng sáng tác của nhiều loại hình nghệ thuật dân tộc. Trong đó phải kể đến dòng nhạc chuyên sử dụng trong các nghi lễ Phật giáo ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

Tất cả các loại hình nghệ thuật đó đều thể hiện và gửi gắm niềm tin ở hiền gặp lành, mang đậm tinh thần nhân quả, nhân văn, độ lượng và bác ái của Phật giáo. Chúng góp phần định hướng giá trị và nâng cao giá trị đạo đức cá nhân và xã hội.

Các nghi thức lễ lạt như cầu an, cầu siêu, lễ Phật đàn, lễ Vu-lan... nếp sống hiền thiện theo giáo lý Phật giáo, thói quen làm từ thiện, đi chùa, nghe kinh... của các Phật tử đã thấm đẫm vào văn hóa dân tộc.

Thêm nữa, những kinh sách, những bài thuyết pháp của các vị quốc sư, những bài kệ - thi phẩm Thiền, những văn bia ở các chùa, các thiền viện, những lễ hội Phật giáo được tổ chức hàng năm ở rất nhiều chùa chiền trên khắp đất nước, cũng như phép ứng xử chan hòa, bao dung và lối sống thanh sạch, cần kiệm, khiêm cung của những Phật tử chân tu, đều là những di sản

văn hóa Phật giáo phi vật thể, nằm trong kho báu mà tổ tiên chúng ta để lại rất cần được gìn giữ, kế thừa.

4 Định hướng phát triển văn hóa Phật giáo Việt Nam

Từ pháp phục, ngôn ngữ đến kiến trúc, di sản của Phật giáo Việt Nam cần lấy yếu tố con người làm trung tâm. Do đó, muốn bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo rất cần có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực bảo tồn di sản mà trước hết là cho Tăng Ni, Phật tử.

Những người thực hành đạo Phật chẳng những cần nắm vững giáo lý đạo Phật, biết cách hướng dẫn tu tập cho Phật tử mà còn phải được đào tạo đủ năng lực làm lành mạnh hóa các sinh hoạt Phật giáo.

Du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã giao thoa và dung hòa với các tập tục địa phương, với các thần linh bản địa có trước, làm cho Phật giáo Việt Nam mang nhiều sắc thái, có mặt tích cực và cả mặt tiêu cực. Cho nên cần phải phân biệt rõ ràng, rồi lựa chọn để bảo vệ những giá trị văn hóa Phật giáo đích thực và các yếu tố tích cực đã tồn tại.

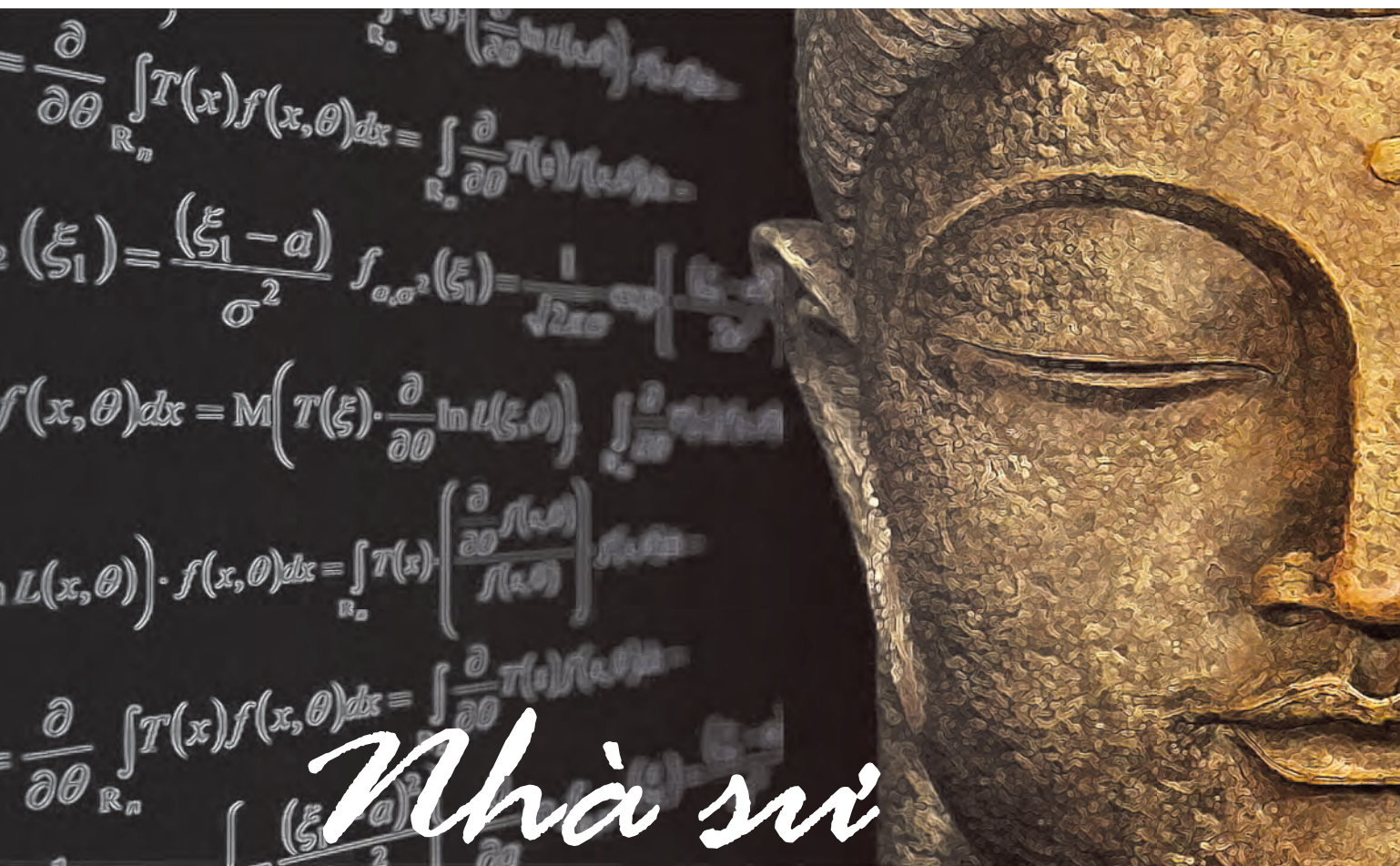
Phật tử làm công đức, cúng dường Tam bảo là hỗ trợ cho Tăng Ni có điều kiện sinh hoạt để làm các công tác Phật sự, hoằng dương Phật pháp, hướng dẫn Phật tử tu tập theo đúng giáo lý của Phật, thực hành lối sống lành mạnh và trong sạch, phần lớn còn lại dành cho việc tu tạo ngôi chùa, góp phần bảo vệ và phát triển văn hóa Phật giáo.

Vì vậy, Tăng, Ni có trách nhiệm sử dụng số tiền công đức do Phật tử đóng góp vào mục đích đặt ra. Mặt khác, nhiều Phật tử đến cửa Phật nhưng vẫn chưa hiểu hết, hiểu đúng bản chất của Phật pháp, nên họ rất cần được hướng dẫn chu đáo, tận tình.

Tăng, Ni phải là tấm gương đạo đức về sự tu tập nghiêm túc cho Phật tử noi theo. Từ chỗ tin theo sự hướng dẫn đúng đắn của Tăng Ni, Phật tử sẽ gắn bó với ngôi chùa, một lòng hướng theo Phật pháp, thương yêu, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tu tập cũng như trong đời sống. Vì thế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nên đưa nội dung tuyên truyền về giá trị di sản văn hóa nói chung, di sản văn hóa Phật giáo nói riêng và phổ biến nội dung của Luật Di sản Văn hóa vào chương trình đào tạo các khóa hạ và trong các Học viện Phật giáo.

Sinh thời, Đức Phật đã từng dạy rằng: “Phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật”. Thực hiện lời dạy của Đức Phật, Tăng Ni, Phật tử cần chủ động, tự giác thực hiện chức năng xã hội của Phật giáo, mà trước hết là góp phần giải quyết những vấn nạn về văn hóa đang đặt ra cho loài người ở các cấp độ cá nhân, gia đình, xã hội và toàn nhân loại.

Tóm lại, văn hóa Phật giáo Việt Nam là một thành tố trong chỉnh thể văn hóa dân tộc. Phật giáo có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng văn hóa dân tộc. Và do đó, bảo vệ và phát huy văn hóa Phật giáo Việt Nam cũng tức là góp phần tôn vinh văn hóa dân tộc. ■



Nhà sư và khoa học

CAO HUY HÓA

Từ khởi thủy, chùa là nơi hành đạo và tu học của người tu hành theo đạo Phật. Quý vị Tăng Ni học tại chùa, học theo thầy của mình, học đồng thời với tu, tu và học là một. Từ khi Phật giáo có tổ chức, đặc biệt từ khi xuất hiện giáo hội Phật giáo, các tu sĩ ngoài hình thức học tại chùa còn theo học các trường lớp Phật học. Hệ thống này càng ngày càng được tổ chức quy mô và phân thành trình độ: sơ cấp, trung cấp và đại học (Học viện Phật giáo). Học tại chùa càng ít đi trong khi các tu sĩ dành nhiều thời gian theo học các trường Phật học; không những thế, có nhiều Tăng Ni theo học các trường đại học ngoài đời, về các chuyên ngành xã hội - nhân văn, ngoại ngữ, một số rất ít học y khoa.

Như vậy, quý Tăng Ni đã có vốn liếng về khoa học, cụ thể là khoa học xã hội và nhân văn, ngay tại các trường Phật học và Phật học viện. Sự ra đời của Viện Đại học

Vạn Hạnh là mốc son chói lọi của giáo dục đại học Phật giáo Việt Nam, với rất nhiều phân khoa, không chỉ là Phật học, mở ra cho tất cả mọi người, không nhất thiết là Tăng Ni và Phật tử.

Tuy thế, các nhà tu hành Phật giáo chỉ theo các ngành xã hội, nhân văn, ngoại ngữ và không màng đến các ngành khoa học tự nhiên, có lẽ vì sự tìm hiểu và nghiên cứu sâu sắc các hiện tượng tự nhiên nằm ở thế giới hiện tượng, vốn xa lạ với các nhà tu Phật giáo. Nhưng không ngờ, mới đây, quý vị tôn túc lãnh đạo Học viện Phật giáo tại TP.HCM, trong kế hoạch xây dựng Học viện tại cơ sở mới Lê Minh Xuân (huyện Bình Chánh) đã tính đến giáo dục về khoa học tự nhiên. Trong buổi lễ khánh thành giai đoạn 1 cơ sở mới, Hòa thượng Thích Trí Quảng, Phó Pháp chủ GHPGVN, Viện trưởng Học viện, đã phát biểu: “tổ ý tin tưởng Học viện PGVN tại cơ sở Lê Minh Xuân sớm trở thành trường đại

học Phật giáo đào tạo các ngành thuộc khoa học xã hội - nhân văn và khoa học tự nhiên, góp phần nâng cao vai trò và vị thế của nền giáo dục Phật học VN trong khu vực và trên thế giới” (Tạp chí Giác Ngộ, 20-5-2016).

Cũng theo nguồn tin đó, ngoài những công trình quy mô lớn như: hội trường rộng 2.000m², chánh điện 1.800m², thư viện lớn với sức chứa một triệu đầu sách, khu nhà khách quốc tế gồm 150 phòng, còn có các tòa nhà dành cho các khoa: khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, quản trị giáo dục...

Hãy còn sớm để mọi người được biết, khoa học tự nhiên trong chương trình đào tạo theo mục đích gì, gồm các ngành gì, tổ chức đào tạo ra sao, trang thiết bị, phòng thí nghiệm như thế nào... tuy nhiên sự hiện diện của các ngành khoa học tự nhiên trong chương trình đào tạo cho người tu, mà trước đây không có ở các Học viện Phật giáo, chứng tỏ sự cần thiết của các ngành này trong nội dung giáo dục của Học viện, phù hợp với thời đại mà khoa học tiến như vũ bão và thâm nhập mọi mặt của đời sống cá nhân và xã hội.

Có đại học Phật giáo nào trên thế giới đào tạo các môn khoa học tự nhiên? Tôi không biết một đại học như vậy, chỉ trừ một nơi, không hẳn là đại học Phật giáo, mà là các tu viện Phật giáo Tây Tạng.

Mọi sự khởi đầu từ một nhận thức khoa học đã khá lâu của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ XIV: *“Vi thấy được tầm quan trọng vô cùng to lớn của khoa học và sự thống trị không tránh khỏi của nó trong thế giới hiện đại, cho nên tôi đã thay đổi thái độ một cách cơ bản đối với khoa học, từ tò mò cho đến một loại dẫn thân khẩn cấp. Tôi cần phải hiểu khoa học bởi vì nó cho tôi một phạm trù mới để hiểu bản chất của hiện thực. Tôi cũng cần học về khoa học bởi vì tôi nhận thức trong đó một phương cách thuyết phục để kết nối nội tâm từ truyền thống tâm linh riêng tư của mình”*.

Ngài đã thực sự hành động, và như một cơ duyên, 12 năm qua, kể từ năm 2000, Văn phòng riêng của Đức Đạt-lai Lạt-ma và Thư viện của những tác phẩm và văn khố Tây Tạng đã hợp tác với tổ chức tư nhân Sager Family Foundation¹ để tạo lập một chương trình nền tảng gọi là **Khoa học cho các nhà sư** với mục đích dạy khoa học phương Tây cho các vị Tăng Ni Tây Tạng theo truyền thống Gelug. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử xấp xỉ 1.500 năm của Phật giáo Tây Tạng mà khoa học phương Tây được dạy trong các tu viện.

Những chủ điểm như sinh vật học thần kinh (neurobiology), vũ trụ học (cosmology), vật lý lượng tử (quantum physics) đã được dạy song song với những chủ điểm nghiên cứu truyền thống trong tu viện, như triết học Phật giáo. **Khoa học cho các nhà sư** khởi đầu như là một chương trình thí điểm. Các giáo sư từ các đại học Mỹ đến Ấn Độ để dạy khoa học cho một nhóm chọn lọc gồm 40 Tăng và Ni trong những khóa hội thảo 2 tuần.

“Ban đầu, một số vị trưởng lão và trú trì còn do dự, nhưng sau khi chúng tôi giải thích tính quan trọng của việc dạy khoa học, quý vị đã hỗ trợ việc này”. Đức Đạt-lai Lạt-ma cho biết như thế. Ngày nay, nghiên cứu khoa học đã đi vào mạch sống của đạo Phật Tây Tạng.

Đưa khoa học vào chương trình học của các nhà sư không phải là nỗ lực “tiềm” khoa học vào tư duy tôn giáo của các nhà sư. Nó không phải, chẳng hạn, về làm thế nào việc học hệ *gien* con người có thể tác động vào niềm tin tái sinh của một ai. Sự nghiên cứu khoa học của họ có ý nghĩa là thêm vào cái nhìn bên trong một cách nghiêm túc và cung cấp cách tiếp cận khác cho cuộc tranh cãi về bản chất của hiện thực, cũng như khám phá về cách thức làm thế nào khoa học phương Tây và Phật giáo có thể tương tác để phục vụ loài người một cách tốt nhất.

Không chỉ các nhà sư Tây Tạng học tập khoa học nơi các nhà khoa học phương Tây, mà theo chiều ngược lại, chính các nhà khoa học cũng làm việc với các nhà sư để nghiên cứu sâu sắc về đạo Phật. Trải qua một thập niên nghiên cứu và hình thành chương trình giáo dục nêu trên, Viện Sager Family Foundation đã thể hiện thành quả này qua cuốn sách *“Beyond the Robe”* (Bên ngoài áo tu), xuất bản vào tháng 11-2012, như là một tuyển tập các bài tiểu luận của các nhà sư và các nhà khoa học phản ánh cái nhìn nội tâm đầu tiên thu hoạch được từ cố gắng lịch sử đó. Cuốn sách đã được hai người có tiếng viết lời giới thiệu: Nhà sư người Pháp, Matthieu Ricard rất thân cận Đức Đạt-lai Lạt-ma, và Robert Thurman, một nhà nghiên cứu hàng đầu về đạo Phật Tây Tạng. Robert Thurman đã giải thích vì sao những vị Tăng Ni này góp phần rất nhiều cho cuộc đối thoại với khoa học. “Thật là quan trọng để hiểu rằng tự bản thân đạo Phật, như thực tập sống động của các vị Tăng Ni, là nhiều hơn 1/3 ‘khoa học’, ra xa khỏi ‘tôn giáo’; nếu như ta hiểu ‘khoa học’ được định nghĩa như là sự truy tìm nhận thức theo lối kinh nghiệm của bản chất thật của vũ trụ, và ‘tôn giáo’ được định nghĩa như là hệ thống đức tin về vũ trụ. Sự nghiên cứu khoa học suốt đời của ngài Đạt-lai Lạt-ma không chỉ vì sở thích cá nhân, mà còn là kết quả tự nhiên của nền văn hóa mà ngài trưởng thành và nền giáo dục mà ngài nhận được”.

Trong quá trình và kinh nghiệm hợp tác, các nhà khoa học kỳ vọng mọi người có cái nhìn gần gũi hơn các vị Tăng Ni Tây Tạng để hiểu biết tốt hơn tiềm năng bao la của họ nhằm cung cấp khả năng lãnh đạo trong thế giới của họ, và xa hơn là thế giới nội tâm trong chúng ta. Những nhà lãnh đạo không chấp ngã. Những nhà lãnh đạo là những người từ bi, hòa ái, tận tụy. Đây là những người mà thế giới cần.

Một ví dụ tuyệt vời về cách làm thế nào những nhà khoa học phương Tây và những nhà sư Tây Tạng cùng nhau xây dựng thế giới thành một nơi chốn tốt hơn, là một chương trình mới mà tổ chức Sager Family Foundation đã khánh thành với Trung tâm Dalai Lama

Center for Ethics and Transformative Values at MIT, gọi là **Khoa học, Nhà sư và Công nghệ**. Trung tâm này đặt tại MIT (Massachusetts Institute of Technology: Viện Công nghệ Massachusetts). Chương trình này dạy các nhà sư Tây Tạng những công nghệ thực hành như năng lượng mặt trời và hệ thống nước sạch, trang bị kiến thức cho các nhà sư để cải thiện chất lượng sống hàng ngày cho những người tỵ nạn đồng hương với họ sống trong những cộng đồng Tây Tạng.

oOo

Xin trở lại giáo dục Phật giáo nước ta. Rồi đây, Học viện Phật giáo tại TP.HCM sẽ hoàn chỉnh chương trình đào tạo Tăng Ni sinh, trong đó có giáo dục khoa học tự nhiên. Liệu hình thức tổ chức và nội dung giáo dục đó có gì tương đồng với các chương trình nghiên cứu khoa học tự nhiên của các nhà sư trên các vùng cao hẻo lánh miền Bắc Ấn Độ? Chắc chắn mỗi nơi mỗi khác vì đạo Phật mỗi nơi có bản sắc riêng, nhưng trong thời đại toàn cầu hóa, hội nhập và trao đổi văn hóa, trong đó có văn hóa Phật giáo, và ngay cả yêu cầu trang bị tri thức nhằm phục vụ hoàng pháp trong một thế giới luôn luôn thay đổi với sự tiến bộ nhanh chóng và thần kỳ của khoa học, thì những nền tảng tri thức về khoa học tự nhiên cần thiết cho nhà tu chắc phải được hiện thực hóa trong đào tạo Tăng Ni. Hơn nữa, những vấn

đề lớn bao trùm cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn cần có quan điểm của các nhà lãnh đạo tôn giáo như là lương tri của thời đại, ảnh hưởng lớn đến cộng đồng dân cư như tôn giáo và đạo đức xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, sinh sản vô tính, cây trồng biến đổi *gien*...

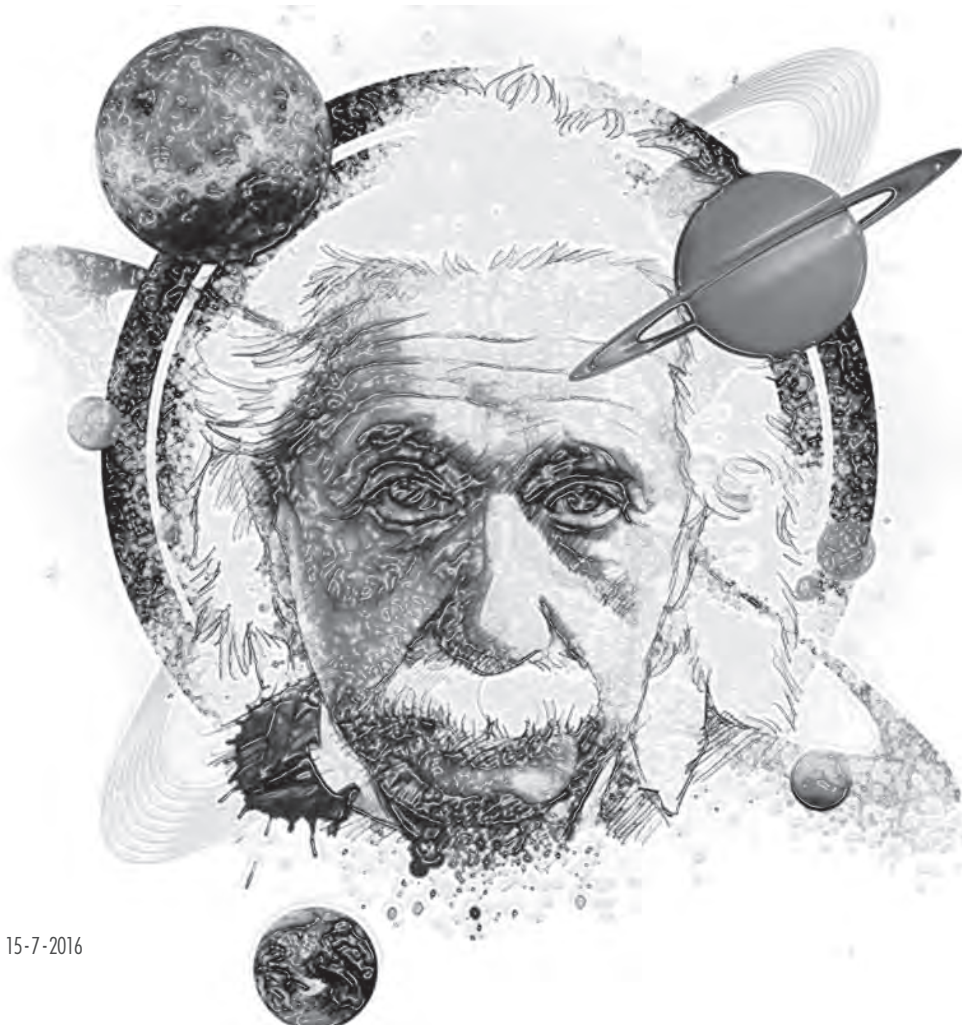
Dẫu sao, những kiến thức mới đưa vào nhà trường Phật học không đi ra khỏi Tam vô lậu học (Giới, Định, Tuệ). Kiến thức trao truyền cho các nhà sư về khoa học tự nhiên sẽ được chọn lọc, nhằm góp phần giúp người học thể nhập chân lý trong hành trình tu tập của mình. ■

Ghi chú:

1. *Sager Family Foundation*: Viện Gia đình Sager do Bobby Sager sáng lập và điều hành. *Bobby Sager* là một nhà hoạt động từ thiện Mỹ, một doanh nhân và là nhà nhiếp ảnh. Ông nổi tiếng vì đã thành lập Sager Family Traveling Foundation and Roadshow (Tổ chức Du lịch và Trình diễn lưu động của gia đình Sager), một tổ chức từ thiện. Sager là chủ tịch của Gorden Brothers Group từ 1985 đến 2000. Đó là một công ty tư vấn, cho vay và đầu tư từ năm 1903. Trụ sở chính tại Boston, bang Massachusetts với 23 cơ sở và văn phòng trên khắp thế giới, kể cả London và Tokyo.

Tài liệu sử dụng:

'*Beyond the Robe*': New Generation of Buddhist Monks Embraces Science, Bobby Sager, huffingtonpost.com, 11/3/2013.





Vì sao con người sa vào kích thích ảo giác?

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Nhân ngày Thế giới phòng chống ma túy 26/6/2016, Cơ quan Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Liên Hiệp Quốc đã có báo cáo tình hình bi đát do ma túy gây ra. Khoảng 250 triệu người tuổi từ 15 đến 65 trên thế giới hiện là nạn nhân của ma túy. Cứ mỗi giờ là có 23 người chết vì ma túy. Loại ma túy đang thống lĩnh thế giới hiện nay và đang tràn ngập vào các nước Đông Nam Á chính là ma túy đá (methamphetamine).

Trong thời gian vừa qua, báo chí ở nước ta đăng tải nhiều thông tin đáng buồn về việc sử dụng *thuốc lắc*, rồi đến *ma túy đá* và gần đây nhất là việc nhập lậu cây *khat*. Dùng thuốc lắc thì uống (dân chơi gọi là “cắn”), dùng ma túy đá không uống mà đốt lên hút (dân chơi gọi là “ọc” hay “đập đá”), còn với cây *khat* thì dân chơi chỉ việc bỏ vào miệng và... nhai.

Điều đáng nói là không chỉ những người sử dụng mà ngay cả một số bạn trẻ đang còn đi học cũng rất mơ hồ về tác dụng thật sự của thuốc lắc, ma túy đá hay sau này biết đâu sẽ lạm dụng dùng cây *khat* chỉ để nhai. Có người vẫn cho rằng các thứ đó là loại không gây nghiện, hoàn toàn vô hại, không như ma túy thuốc phiện, heroin. Thực chất đây cũng là thuốc gây nghiện thuộc loại rất nguy hiểm.

Hiện nay dân nghiện sử dụng khá nhiều thuốc cho nên chữ *ma túy* được dùng với nghĩa rộng hơn, nó có thể bao hàm nhiều chất mà dân nghiện sử dụng, thậm chí có những chất ngoài đặc tính gây khoái cảm và gây sự lệ thuộc còn có một số tính chất dược lý hoàn toàn đối kháng với thuốc phiện, heroin, đó là thuốc kích thích hệ thần kinh trung ương gọi tắt là ma túy kích thích. Hoặc có thứ chỉ để hút mà nhiều người xem vô

hại như hút thuốc lá là cần sa hay cô Mỹ nhưng lại có tác dụng gây ảo giác dữ dội cũng được xem là ma túy.

Ma túy kích thích là gì, tác hại ra sao?

Ma túy kích thích đầu tiên là amphetamine. Do tính kích thích, trước đây amphetamin được dùng dùng làm thuốc (tên biệt dược Maxiton) để chống lại cơn buồn ngủ.

Thời người viết còn là sinh viên dược khoa, Maxiton được dùng phổ biến trong giới học sinh, sinh viên để thức đêm học thi và nhiều người lạm dụng đến nỗi bị suy nhược tâm thần do nhiễm độc. Amphetamine nếu không dùng đúng vào mục đích y khoa thì bị liệt vào ma túy.

Ma túy kích thích thứ hai bị lạm dụng hiện nay là thuốc lắc. Về mặt hóa học, thuốc lắc là hợp chất hóa học có tên *3-4-methylenedioxyamphetamin* (viết tắt MDMA). MDMA đã được tổng hợp cách đây hơn 80 năm dựa vào cấu trúc cơ bản của amphetamine. MDMA không được dùng như thuốc trong lĩnh vực điều trị mà lại được dùng như loại ma túy mang khoái cảm, ảo giác đến cho người nghiện và được đặt tên là ecstasy và ở ta gọi là thuốc lắc.

Ma túy đá thực chất là hóa chất tổng hợp từ thuốc kích thích amphetamine, có tên khoa học là *methamphetamine* (trước đây còn xuất hiện với tên dược phẩm là Methedrine nên còn được gọi tắt là Met). Dân chơi ở xứ ta gọi ma túy đá vì tiếng lóng dân chơi Anh Mỹ gọi là ice (nước đá) do có dạng tinh thể trong suốt. Đặc biệt, thay vì được uống như thuốc lắc là dạng thuốc viên nén, ma túy đá được đốt lên để hút sẽ cho tác dụng “phê” nhanh và kéo dài hơn nhiều.

Còn cây *khat* mới được du nhập vào nước ta một cách bất hợp pháp. Đây là một loài thực vật có tên khoa học *Catha edulis*. Nó còn được gọi là cây Thiên đường vì có tác dụng: *người đang buồn bã, nếu dùng nó sẽ trở nên yêu đời, vui vẻ*.

Nó có nguồn gốc ở các nước châu Phi và các nước Á-rập Trung Đông, và dùng để nhai từ hàng ngàn năm trước. Trong cây *khat* có chứa hợp chất alkaloid monoamine có tên cathinone. Hợp chất này có tác dụng giống như amphetamine (kích thích làm tỉnh táo, chán ăn, ảo giác...) nên có thể xếp vào loại ma túy kích thích. Là một loại cây nên rất dễ làm tường vô hại như lá trà hay hại chút ít thôi như thuốc lá.

Năm 1980, WHO xếp cây *khat* vào thuốc gây nghiện loại nhẹ (gây lệ thuộc tâm lý giống như thuốc lá). Cây *khat* bị cấm ở nhiều nước như Mỹ, Canada, và nhiều nước ở châu Âu như Anh, Pháp, Đức..., nhưng lại không bị cấm ở các nước châu Phi như Ethiopia, Somalia, Yemen, Kenya...

Ngoài tác dụng kích thích gây mê, ảo giác, tăng động nói nhiều..., cây *khat* gây hại cũng dữ: *kích động mất kiểm soát, hung dữ, táo bón, giãn đồng tử mắt, tăng*

nhịp tim, tăng huyết áp, viêm dạ dày, mất ngủ, lâu ngày gây loạn thần... Buôn bán cây *khat* đem đến lợi nhuận khổng lồ nên bọn gian không từ thủ đoạn nào rù quẩn, tiếp thị người dùng. Năm 2006, thành phố New York đã bắt thu được 25 tấn cây *khat* trị giá khoảng 10 triệu đô la. Ở Việt Nam, mới đây chính quyền sở tại đã thu giữ hơn 4 tấn cây *khat* được nhập lậu.

Trái với lời đồn đại cho rằng ma túy kích thích an toàn, các cuộc thử nghiệm khoa học cho thấy đây là các hợp chất hoàn toàn độc hại. Về mặt tác dụng dược lý, khi thử trên súc vật, ma túy đá hay thuốc lắc cho thấy có tác dụng hỗn hợp của *sự kích thích hệ thần kinh trung ương* và *gây ảo giác* bằng cách ảnh hưởng đến các chất sinh học trung gian của não là *serotonin* và *dopamin*, đặc biệt đối với serotonin. Do tác động đến chức năng “sinh serotonin” của não mà ma túy kích thích gây nên hội chứng gọi là “*hội chứng serotonin*” (serotonin syndrome) làm thay đổi cách cư xử, thái độ; ma túy kích thích còn gây *tăng thân nhiệt* (người nóng lên như bị sốt).

Quan trọng hơn hết là chúng gây *độc tính đối với não*. Việc sử dụng ma túy kích thích lâu dài không đưa đến cái chết tức khắc hay từ từ thì cũng dẫn đến các *bệnh tâm thần*, từ lo sợ vô cớ, trầm cảm đến loạn thần kinh thật sự. Trong năm 2011, Bệnh viện Tâm thần TP.HCM tiếp nhận cho nhập viện cấp cứu 113 bệnh nhân và 560 bệnh nhân đến khám điều trị ngoại trú vì các triệu chứng hoang tưởng ảo giác và rối loạn hành vi liên quan đến sử dụng ma túy, trong đó có ma túy đá. Gần đây, nhiều người nghiện gây rối loạn trật tự xã hội dữ dội ở ta là do “ngáo đá”.

Thuốc lắc, ma túy đá, cây *khat* là các chất gây nghiện thật sự, tuy không gây nghiện mạnh mẽ như thuốc phiện, heroin nhưng cũng làm cho người nghiện chúng khốn đốn và làm băng hoại xã hội. Tác hại của thuốc phiện, heroin là người nghiện gây tội ác khi đòi thuốc, họ làm bất cứ hành động gây hại ghê gớm nào đó để có tiền mua ma túy. Còn tác hại của ma túy kích thích là người nghiện gây tội ác khi no say thuốc, chính tác dụng kích thích tăng động, gây ảo giác của thuốc làm họ mất hết lý trí gây tội ác có thể tày trời.

Vì sao con người sa vào kích thích ảo giác?

Đức Phật là bậc giác ngộ về sự khổ. Ngài khẳng định: *“Mọi người bình đẳng với nhau về khổ và đều có thể tự đi, tự đến trên con đường giải thoát khỏi khổ”*.

Đức Phật không chỉ lý giải về nỗi khổ của chúng sinh mà còn chỉ ra con đường diệt khổ. Năm giới (ngũ giới cấm) được Đức Phật chỉ ra nhằm cho mọi người thấy các phương pháp sơ bộ cần thực hiện (cũng là sự lựa chọn cần thiết) để ngăn ngừa những điều ác phạm phải gây thiệt hại cho mình và cho người, và làm những điều thiện có lợi cho mình và cho người. Năm giới đó là: *Không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu*.

Năm giới rất cụ thể và tường chừng đơn giản, nhưng suy đi ngẫm lại là con đường hiệu quả thoát khổ, có thể tạo nên hạnh phúc cho mỗi con người, cho gia đình và cho xã hội.

Riêng giới thứ năm, vào thời Đức Phật sống, người ta chỉ chứng kiến tệ nạn nghiện rượu tàn phá thân tâm của nhiều người, đã làm băng hoại hạnh phúc của biết bao gia đình. Khi đó chưa có các chất gây nghiện khác nên Đức Phật đã đề ra giới thứ năm là *"Không uống rượu"*. Trong thời đại ngày nay, ta cần mở rộng giới thứ năm là *"Không dùng chất gây nghiện"*.

Bởi vì, không chỉ có rượu là chất gây nghiện mà nhiều chất gây nghiện khác như ma túy đang làm khổ sở biết bao nhiêu con người.

Ba chất gây nghiện đang gây khổ ải hiện nay là thuốc lắc, ma túy đá và cây *khat* vừa được kể ở trên. Chúng được con người lạm dụng vì tác dụng gây kích thích và ảo giác. Kích thích là làm cho người sử dụng nó đang từ trạng thái sâu muộn, buồn bã sẽ trở nên yêu đời, vui vẻ, như cây *khat* được gọi là cây Thiên đường là vì thế. Còn ảo giác là tình trạng có sự hư hỏng tạm thời về mặt ý thức đưa đến sự nhận định sai lệch, méo mó về không gian, thời gian. Có những chất gây ảo giác thật sự là cần sa (bồ đề), cô Mỹ. Có những chất là ma túy loại mạnh lại gây ảo giác, như thuốc phiện, heroin (bạch phiến, hàng trắng), cocain. Có ma túy kích thích gây ảo giác như vừa kể trên.

Rốt lại, con người tìm đến và sử dụng ma túy nhằm đạt được thứ "hạnh phúc" mà cái tôi của con người tội nghiệp đó nghĩ tưởng. Cái tôi luôn luôn vận hành trong sự lo âu, sợ hãi, thất vọng, tức giận, đau khổ nên

thường đồng hóa hạnh phúc là dục lạc, khoái cảm, là sự an bình giả tưởng trong cảm giác cảm xúc khi bất ổn. Thế là con người lao mình, đắm chìm trong sự kích thích và ảo giác mà ma túy đưa đến. Đang nhìn cuộc đời màu xám xịt, nhờ ma túy người ta nhanh chóng đạt được sáng khoái, thần kinh được kích thích, có sự rối loạn trong suy nghĩ, cười không kiểm soát để thấy cuộc đời có màu hồng thật tươi. Rồi trí não bắt đầu bị ảo giác, mất các khái niệm về thời gian, không gian để thấy bản thân không còn sầu ải, khổ não nữa. Và đi đến hại mình, hại người. Đã có trường hợp người chơi ma túy, trong cơn say thuốc, nhảy từ lầu cao xuống đất, chỉ vì anh ta từ trên cao lại có cảm tưởng mặt đất quá gần và hai cánh tay có khả năng vỗ cánh như chim!

Đặc biệt, ma túy có gây trạng thái gọi là "giải thể nhân cách" (depersonalization): *Người say ma túy có cảm tưởng mình thành người khác, như trở thành siêu nhân, vị thánh, đấng cứu thế, nhưng tay lại cầm dao búa hại người.*

Biết rõ vì sao con người nô lệ cho sự kích thích ảo giác của ma túy mà rốt lại chỉ chuốc lấy hại, ta thấy rằng trong thế giới này giữ giới thứ năm là *"không dùng chất gây nghiện"* sẽ góp phần đem lại hạnh phúc chân thật cho con người. Đặc biệt, giới thứ năm sẽ cứu chúng ta ra khỏi tình trạng hủy diệt thân tâm của tuổi trẻ con người.

Ồi, rất mong ngay từ thời rất trẻ, người người thấu hiểu và thực hiện ngũ giới cấm và sau đó thấm nhuần thuyết vô ngã của nhà Phật. Làm sao người ta phục tùng cái tôi chạy theo dục lạc khi thấu hiểu đó chỉ là ảo tưởng, và sự thật chỉ là "vô ngã"? ■





Không giết thời gian cũng chết

LÊ HẢI ĐĂNG

Trong quá trình phát triển, loài người đã sáng chế ra nhiều phương tiện hữu hiệu, có thể chao liệng trên bầu trời bằng máy bay, du hành trong không gian bao la bằng phi thuyền, ẩn mình xuống đáy biển sâu bằng tàu ngầm, phát minh ra điện, năng lượng hạt nhân, máy tính... Song, cùng với sự dịch chuyển bề bộn trong không gian, con người lại chẳng hề mấy may chạm vào dòng chảy liên tục của thời gian lặng lẽ, ngoại trừ sáng chế ra chiếc đồng hồ để nhận biết về sự dịch chuyển âm thầm của nó.

Nhân vật Doraemon trong câu chuyện cùng tên của tác giả Nhật Bản Fujiko F. Fujio vốn là một chú mèo máy đến từ thế kỷ XXII mang theo rất nhiều bảo bối lợi hại, một trong những bảo bối có tần suất sử dụng khá cao là cỗ máy thời gian. Muốn tìm hiểu quá khứ chỉ cần ngồi lên cỗ máy thời gian trở về thời điểm xảy ra

sự kiện là có thể kiểm chứng được biến cố; muốn vượt thoát khỏi chương ngại hiện tại cũng chỉ cần leo lên cỗ máy thời gian để lẩn trốn vào chiều thời gian khác... Tất cả mọi ưu tư, phiền muộn đều có thể giải quyết bằng cách dịch chuyển cỗ máy thời gian.

Nhân vật Chăn tinh trong bộ phim hoạt hình đoạt giải Oscar "Shrek" cũng xảy ra một biến cố liên quan đến thời gian. Theo cốt truyện, Chăn tinh muốn trở về một ngày huy hoàng trong quá khứ, tìm lại hình ảnh quyền uy của mình, nên đã ký hợp đồng với phù thủy Rumpel Still Skin nhằm đổi lấy một ngày đã mất. Sau khi ký kết, Chăn tinh đã bị phù thủy lấy đi cái ngày mình chưa kịp sinh ra. Vì thế, mọi hiện hữu của Chăn tinh trên thế gian đều bị biến mất, cả vợ con, tài sản cùng các mối quan hệ.

Bởi vậy, sinh - tử chính là khung thời gian định chế quy con người vào một cuộc đời. Hiện tại, cỗ máy thời

gian vẫn chưa được phát minh, nên con người vẫn phải chấp nhận một sự thật về sự ra đi không trở lại của thời gian.

Theo thuyết *Giãn nở Vũ trụ*, sau vụ nổ lớn (Big bang), không gian và thời gian hình thành. Thời gian trôi theo đường thẳng tiến về phía trước tương ứng với chiều giãn nở của không gian. Không gian càng ngày càng phình ra và thời gian cứ thẳng tiến về phía trước. Như vậy, thời gian chẳng cần giết cũng chết đi theo bản chất một đi không trở lại. Thực tế ấy khiến cho thời gian trở thành thứ vô giá trên cuộc đời này.

Người Nhật Bản từng ví: *"Một tắc thời gian một tắc vàng. Tắc vàng không mua nổi tắc thời gian"*.

Giá trị của vàng cũng lắm nằm ở thuộc tính ngoại tại, còn giá trị của thời gian nằm ngay trong bản chất của nó. Thời gian của vũ trụ là vô thủy vô chung; còn thời gian của chúng ta là ngắn ngủi hữu hạn.

Thời xưa, biết bao vị hoàng đế ngự trị trên đỉnh cao quyền lực, có trong tay cả thiên hạ, có khả năng nô dịch kẻ khác, nhưng vẫn không sao kiểm soát nổi thời gian. Vị hoàng đế đầu tiên góp công thống nhất đất nước Trung Hoa rộng lớn là Tần Thủy Hoàng sai biết bao cận thần lên núi tìm thuốc trường sinh. Rốt cuộc thuốc trường sinh chẳng thấy đâu và bản thân ông cũng phải chịu cái chết.

Tập tục tuấn táng vốn là một trong những giải pháp nhằm níu kéo nhu cầu của con người trước nguy cơ bị tước đoạt bởi thời gian. Thay vì đứng nhìn thời gian ra đi một cách vô vọng, nhiều bậc vua chúa thời xưa đã chế định thứ tập tục dã man này, rồi sau mới chuyển sang dùng hàng mã. Song, dù họ có mang theo cả đoàn tùy tùng cùng của cải, ngọc ngà, châu báu xuống mồ thì vẫn không thể làm thời gian đổi chiều.

Đại đa số chúng ta đều sớm phát hiện ra nguyên lý một đi không trở lại của thời gian, thậm chí nhiều người còn khuyên nhau không nên tích trữ tiền bạc, của cải, vì chết cũng không thể mang theo. Điều đó càng chứng tỏ về lòng tham vô đáy của con người. Chẳng phải họ không muốn mang theo mà vì không thể đem theo được thôi. Trong khi giá trị của một con người nằm ở tài sản để lại sau khi ra đi, chứ không phải ra đi đã mang theo những gì.

Nhà soạn nhạc thiên tài người Áo Wolfgang Amadeus Mozart sau khi qua đời có vài người biết tin đến đưa tang cùng một con chó tiền chủ tới nơi an nghỉ cuối cùng. Ông được người ta chôn cất tạm bợ trong khu nghĩa trang công cộng. Tập tục mai táng người quá cố nơi công cộng chủ yếu dành cho những thân phận vô gia cư, vô thừa nhận hay những kẻ bị cộng đồng nguyên rủa vì mắc tội báng bổ Chúa Trời... Những thi hài này đa số được chôn trong hố tập thể, không có bia mộ, thánh giá. Vậy mà thiên tài âm nhạc Mozart đã bị chôn cất ở đây. Tất nhiên, điều ấy chẳng hề ảnh hưởng đến giá trị vốn di sản của ông để lại cho

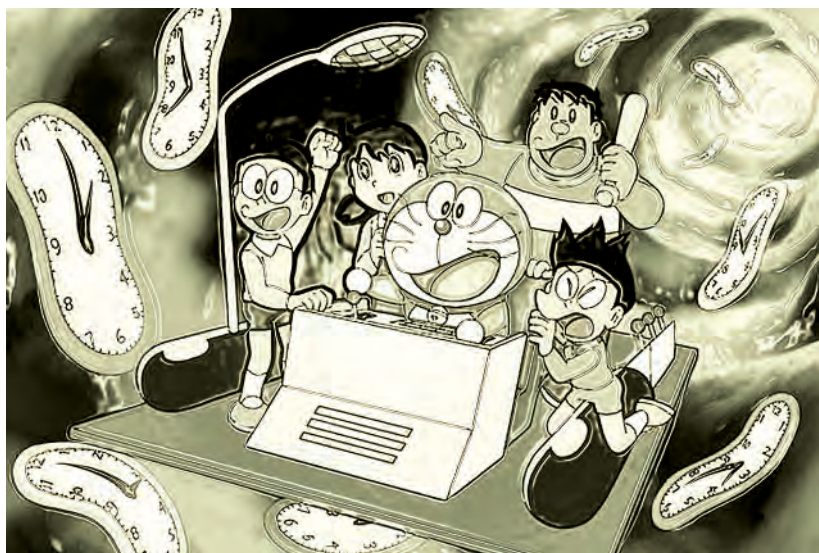
đời. Vài ngày sau cái chết của Mozart đã xuất hiện một trận bão tuyết cuốn trôi những dấu tích làm nên một tên tuổi vĩ đại trong lịch sử âm nhạc khiến cho người đời cứ mãi phải đi tìm ông. Qua đó, chúng ta không khỏi thấy xót xa, ngậm ngùi cho thân phận một nhà soạn nhạc thiên tài mà tên tuổi đã đi vào lịch sử âm nhạc thế giới. Thế nhưng Wolfgang Amadeus Mozart để lại cho nhân loại một di sản âm nhạc đồ sộ, vô giá. Âm nhạc của Mozart vẫn vang lên trên khắp các thánh đường âm nhạc thế giới.

Có lẽ, cái chết là một trong những nỗi ám ảnh đeo bám con người dai dẳng nhất, thậm chí kéo dài suốt kiếp người. Nó không chỉ xuất phát từ tính chất "phóng dụ" về một cuộc sống ở bên kia thế giới, mà còn vì bản chất chung của con người là đều phải chết. Con người ta nói chung, đa số đều không có cảm giác hay trải nghiệm về cái chết. Cái chết dường như cứ ám ảnh, lờn vờn bên trong cuộc sống mà thời gian đưa đẩy. Cửa tử vừa là ga đến vừa là ga đi trong cuộc đời hữu hạn.

Bằng nhiều cách thức khác nhau, các tôn giáo đều lưu lại dấu ấn của mình qua việc phác họa bức tranh về viễn tượng sau cái chết. Và trước khi đến với "cái chết sau cùng", chúng ta phải đối diện với những cái chết "lâm sàng" của từng phút giây trôi qua trên hiện tại.

Thời gian đặt con người vào tình trạng hủy diệt để sáng tạo và một nhu cầu khao khát vượt lên trên hiện tại nhằm vươn tới giá trị bất tử! Sáng tạo như một quyền năng nhiệm màu thu gom mọi ý nghĩa hiện sinh vào cuộc sống này, qua đó con người ký thác ước nguyện. Nhà phân tâm học người Áo Sigmund Freud từng nói: *"Con người sinh ra từ một mớ lòng bùng, lớn lên trong ảo mộng và chết khi chạm phải hiện thực"*.

Cái chết chính là một hiện thực trần trụi mà ai cũng phải đối mặt. Nhờ có cái chết, chúng ta sáng tạo nên cuộc sống này nhằm đảm bảo tính liên tục thông qua những cá thể hữu hạn. ■





Hồ Tịnh Tâm

thắng cảnh xưa và chứng tích lịch sử

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Người Huế đến nay vẫn còn truyền miệng câu ca dao:

Hồ Tịnh Tâm nhiều sen bách diệp
Đất Hương Cẩn quýt ngọt, cam thơm.

để nói về sự trân quý của địa danh gắn liền cùng sản vật. Sen bách diệp là loại sen có nhiều cánh nhỏ màu hồng, được tôn vinh là giống sen quý nhất trong tất cả các loài sen. Trước đây chỉ có hồ Tịnh Tâm Huế mới trồng loại sen này.

Hồ Tịnh Tâm cũng là nơi cách đây đúng 100 năm trước, nhà vua yêu nước Duy Tân (trị vì 1906-1916) đã ra khỏi hoàng thành, đến giả dạng bơi thuyền câu cá, bí mật gặp gỡ các chí sĩ yêu nước để bàn kế hoạch cho cuộc khởi nghĩa giành lại độc lập cho nước nhà. Tiếc thay mưu sự đã không thành!

Hồ Tịnh Tâm là một trong những thắng cảnh nổi tiếng của đất kinh kỳ dưới thời nhà Nguyễn. Hồ nằm trong kinh thành, ở phía bắc hoàng thành, nay thuộc phường Thuận Thành, Huế. Năm Ất Sửu (1805), vua Gia Long định nắn sông Kim Long để tạo mặt bằng xây dựng kinh thành Huế nên đã cho đào thành hồ. Sách *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn chép: “Hồ này đầu niên hiệu Gia Long, nhân sông cũ đắp chặn lại, rồi đào thêm rộng và vuông, trong đó có hai bãi nổi, dựng kho thuốc nổ và kho diêm tiêu gọi là hồ Ký Tế”.

Hồ Ký Tế có dạng hình vuông với hai hòn đảo nhỏ dùng để chứa diêm tiêu (ở đảo phía Nam) và hỏa dược (ở đảo phía Bắc) với mục đích để hiểu là ngăn chặn hỏa hoạn có thể xảy ra bất kỳ lúc nào.

Lúc vua Minh Mạng (1820-1840) lên nối ngôi, nhà vua tiếp tục quy hoạch kinh thành Huế một cách hoàn

thiện hơn, dựa trên những đường nét cơ bản mà vua Gia Long đã hoạch định. Ông chia hồ Kỳ Tế ra làm đôi: một bên là hồ Học Hải - nơi sẽ thiết lập Tàng Thư lâu, còn một bên là hồ Tịnh Tâm (còn gọi là Bắc hồ) là nơi dành cho nhà vua và hoàng thân quốc thích tiêu dao thưởng ngoạn, tĩnh dưỡng tinh thần. Nhà vua lại cho đắp đê Kim Oanh bằng ngang qua giữa hồ và tiến hành sửa sang, tôn tạo khu vực này. Năm 1838, dưới sự chỉ huy của Đô đốc Hữu quân Nguyễn Tăng Minh và Tham tri Bộ Hộ Đào Trí Phú, lực lượng gồm 8.000 binh lính dốc sức xây dựng hồ Tịnh Tâm thành một công trình to lớn nhất và xinh đẹp nhất, so với tất cả các ngự viên ở kinh đô nói riêng, toàn quốc nói chung.

Trong quá trình cải tạo hồ Kỳ Tế thành nơi thưởng lãm và tiêu khiển thì hai kho hỏa dược và diêm tiêu được chuyển sang một hòn đảo nhỏ nằm ở phía Nam của hồ Học Hải, và hai gò đất trong hồ Kỳ Tế được đắp thêm hai hòn đảo là Bồng Lai và Phương Trượng, phía Tây của đảo Bồng Lai chính là đảo Doanh Châu.

Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* của Nội các triều Nguyễn cho biết: “*Minh Mạng thứ 19, dỡ nhà Di Lý và lầu Vọng Hồ (ở cung Trường Ninh) đưa ra hồ Tịnh Tâm gọi là lầu Trường Luyện và nhà tạ Thanh Tâm...*”, đồng thời cho xây mới nhiều công trình liên kết tạo nên diện mạo hoàn chỉnh, liên hoàn, khăng khít và đăng đối cho hồ Tịnh Tâm.

Ban đầu, về kiến trúc và cảnh quan của hồ, sách *Đại Nam thực lục chính biên* mô tả “*Gò đất phía Nam gọi là đảo Bồng Lai, dựng điện Bồng Doanh, đài Thanh Tâm, lầu Trùng Luyện, gò phía Bắc gọi là đảo Phương Trượng, dựng gác Nam Huân, lầu Tinh Tâm, nhà Thiên Nhiên, hiên Dưỡng Tịch, xung quanh hồ xây tường gạch. Làm bốn cửa: Phía Nam gọi là Hạ Huân, phía Bắc gọi là Đông Hy, phía Đông gọi là Xuân Quang, phía Tây gọi là Thu Nguyệt; đắp ngang một con đê là cầu Bạch Tàn; phía Nam đình ấy bắc cầu Hồng Cừ, suốt đến điện Bồng Doanh; phía Bắc bắc cầu Bích Tảo, suốt đến các Nam Huân; cầu đều làm nóc ở trên; phía Tây nam cầu Bạch Tàn làm cái nhà vòng quanh. Lại ở phía Tây đảo Bồng Lai, đắp lên đảo Doanh Châu, cùng với đảo Bồng Lai, Phương Trượng gọi là ba đảo giữa hồ, bờ phía Đông hồ ấy xây một cổng nước thông với ao Học Hải*”.

Trong cuốn *Souvenir de Hué* (Hồi ký Huế) do Michel Đức Chaigneau viết trong một lần được bề kiến vua Minh Mạng ở hồ Tịnh Tâm vào năm 1825-1826 có ghi: “*Gần kho vàng ở góc thành là hồ Tịnh Tâm, gồm một ngôi đình xinh xắn nằm giữa một cái hồ nhỏ bé, trên một hòn đảo lờm chờm những đá nhân tạo xen lẫn với các thứ cây nhỏ, cây leo và hoa. Đình có kích thước nhỏ hơn các lầu đài thông thường, nhưng sự cân xứng của nó thì mỹ lệ hơn, phần trên của mái được xây bằng gạch với những hình nổi phủ sơn, hai đầu và bốn góc đều được nâng cao. Các vật trang hoàng bên trong hồ tuy lộng lẫy nhưng rất giản dị. Một bức tường gạch bao quanh và che*

khuất nơi giải trí này khỏi những sự nhìn ngắm tò mò, và dành cho xung quanh hồ một lối đi rộng rãi, được tô điểm thêm bằng những bồn hoa ở hai bên này và các luống đất với những cây lúp xúp chen lẫn giữa đá ở bên kia. Đất của các bồn hoa và các luống này được giữ lại nhờ những đường viền bằng gạch được xây cao làm nổi bật các họa đồ. Một cầu gỗ bắc ngang trên hồ dẫn đến ngôi đình ấy, nơi nhà vua thường cho phép những cuộc bề kiến riêng sau giấc ngủ dài...”.

Nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng khi quy hoạch lại mặt bằng ao Kỳ Tế thành hồ Tịnh Tâm, các nhà kiến trúc xưa đã thể hiện chữ Tâm (心) với đường cong của nét chính là mặt hồ và ba chấm là ba hòn đảo Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu nổi bật giữa mặt nước; vẻ đẹp của ba hòn đảo này thể hiện khát vọng về thế giới cõi tiên, vô ưu, vô hạn. Tuy nhiên, con người không ai thoát được cuộc đời hữu hạn, đầy ràng buộc và phiền toái, vì thế cảnh quan Tịnh Tâm bao hàm những yếu tố, những chất xúc tác để lòng dục vọng của con người lắng xuống, tâm con người ngược lại thanh khiết và thăng hoa hơn. Ý nghĩa đầy tính triết lý này cũng chính là ý nghĩa của hình ảnh “bồng lai tam đảo”.

Từ trên cao nhìn xuống ta thấy toàn cảnh hồ Tịnh Tâm giống như một bức tranh thư pháp. Bốn cổng trở ra bốn hướng đều mang tên ánh sáng và gió mát: Xuân Quang, Hạ Huân, Thu Nguyệt và Đông Hy. Bên cạnh đó, mặt hồ như là một thấu kính hội tụ ánh sáng tự nhiên từ trời cao và bốn phương tám hướng lại. Ánh sáng của mặt hồ có màu xanh dịu mát dưới nắng hè; hòa quyện cùng các loài cây thanh cảnh nhưng cao sang, quý phái, phần do con người trồng và tô vẽ nên trên các bờ quyết, bức tường như mai, lan, cúc, trúc, và nhất là sen hồ Tịnh tạo nên sự hài hòa và rất mỹ thuật.

Có thể nói hồ Tịnh Tâm là một loại hình biệt cung ngự viên được các vua Nguyễn cho xây dựng và hoàn thiện để trở thành khu thượng uyển nổi tiếng hàng đầu cả nước. Khi mới sang nước ta, người Pháp gọi hồ là Parc-sans-Souci (nghĩa là Công viên Thanh Tịch). Chính vua Minh Mạng cũng đã làm thơ ca ngợi gồm mười bài liền với tiêu đề “*Bắc Hồ Thập Cảnh*” được in trong tập *Ngự Chế Thi* của nhà vua.

Dưới thời vua Thiệu Trị (1840-1847), hồ Tịnh Tâm được vua xếp thứ ba trong số 20 cảnh đẹp của đất Thần kinh. Bài thơ ca ngợi hồ có tên là *Tịnh hồ hạ hứng* (*Cảm hứng ở hồ Tịnh Tâm vào mùa hè*) được nhóm biên soạn sách *Thần kinh nhị thập cảnh* dịch thành thơ như sau:

*Bóng nước lung linh đậm sắc trời,
Hiên nhà soi dáng - đám sao rơi.
Lầu đài, hoa cỏ cùng hun đúc,
Trời đất, non sông lại đắp bồi.
Vũ phiến, gió hòa vào chốn chốn,
Thuần cảm, khúc nhập ở nơi nơi.
Điểm tô quang cảnh tình nhân trí,
Vạn vật cùng vui hợp ý người.*

Hồ Tịnh Tâm là một tổng thể kiến trúc gồm nhiều công trình kiến trúc nghệ thuật khác nhau, được phân bố giữa một quang cảnh thiên nhiên có sẵn và được bàn tay con người cải tạo, xây đắp đã tạo nên một danh lam rất độc đáo ở đất cổ đô.

Đây cũng là một chứng tích lịch sử của những năm đầu thế kỷ XX. Trong thời gian chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành độc lập dân tộc, nhà vua yêu nước Duy Tân đã đến hồ, giả dạng bơi thuyền câu cá để bí mật tiếp xúc các chí sĩ cách mạng như Trần Cao Vân, Thái Phiên... nhằm thực hiện cuộc khởi nghĩa kháng Pháp vào ngày 3-5-1916. Sách *Đại Nam thực lục chính biên* *Đệ lục kỷ Phụ biên* chép: “Mùa hạ, tháng 4 năm Quý Tỵ (1916). Đêm 2 (ngày Canh Tý) vua tự rời ngôi báu. Lúc đầu là vua bị phi nhân Trần Cao Vân mê hoặc, nửa đêm ngấm ra khỏi hoàng thành ra ngoài, theo đảng nghịch Vân bày bày việc quang phục, mưu đồ nổi loạn (Cao Vân người Tư Phú Quảng Nam, từng can trọng án, được tha về lại mưu sự, cùng Thái Phiên thông đồng tin tức với nước ngoài, tạo cớ hiệu, chế khí giới, họp đồ đảng lên tới kinh sư, ngầm liên kết với Suất đội Siêu, Thị vệ Đề đưa tin vào Đại nội.

Lúc đầu giả làm người câu cá sau hồ Tịnh Tâm, mưu xin chiếu văn, kế tới Thương Bạc dừng thuyền, lừa mời ngự giá. Lại vẽ bản đồ đài Trấn Bình, tỵ họp dụ dỗ lính mộ ở đồn Mang Cá nội ứng ngoại công, nhiều cách bắt mồi. Vua gần đây ngôn ngữ cử chỉ dường như có vẻ uất ức, đến lúc ấy gặp lời tà làm dao động, bèn tới nổi vứt bỏ ngôi báu như chiếc giày rách, bôn ba gió bụi. Đã qua mấy ngày, lòng người nháo nhác, nhờ có phủ Phụ chính đồng tâm dẹp nạn, văn hồi đại cục, theo vết tìm kiếm thì kẻ sinh sự đều là bọn đầu sỏ phản nghịch Trần Cao Vân gây ra tội nghiệt, việc lộ ra bắt tra nghịch Vân và bè đảng là bọn Thái Phiên, Nguyễn Quang Siêu, Nguyễn Đề khép vào tội đại nghịch đều xử chém, đồng mưu có nguyên Tá lý (hưu trí) Nguyễn Thượng Trung xử đánh trượng đi đày

đổi thành khổ sai chín năm, nhưng chờ xét lại lời khẩu cung chước lượng nghĩ xử. Lại Thống chế vệ Thân binh Trần Văn Liên là Thị vệ kế cận trong cấm cung mà không phát giác ra được, nghĩ biếm xuống hàm Chương vệ cho về hưu; còn lại đều chiếu theo tội nặng nhẹ cùng mười người can tội dự mưu làm phản giao cho tòa kết án.

Kế mời xa giá trở về ở đài Trấn Bình trong thành, ngày 3 tháng 6 hộ tống tới Nam Kỳ. Mùa Đông, tháng 10 lại đón Phế đế Thành Thái từ Cap Saint Jacques, cùng đáp tàu máy tới cư trú ở đảo Réunion thuộc địa của nước Đại Pháp...”. (Đại Nam thực lục..., sđd, tr.643)

Với kiểu kiến trúc cầu kỳ nhưng hết sức hài hòa với tự nhiên, hồ Tịnh Tâm được xem là một thành tựu tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc cảnh quan Việt Nam thế kỷ XIX. Cảnh đẹp của hồ đã tạo nguồn thi hứng và trở thành đề tài cho nhiều bài thơ, chùm thơ nổi tiếng của các vua Nguyễn như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Ngày nay, ở khu vực hồ Tịnh Tâm, các kiến trúc cổ chẳng còn gì đáng kể ngoài chiếc cầu bê-tông và một số nền móng cũ. Và cũng ít ai biết rằng trên mặt hồ này, một nhà vua yêu nước đã từng giả dạng thường dân đến bơi thuyền câu cá để mưu cầu cứu nước, cứu dân cách đây đúng 100 năm... ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Chấn, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **358 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP. Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335
Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



NGUYỄN HOÀNG NHÂN

Nắng ui ui, không gian hanh hao vàng vọt. Mùa gió chướng rục rịch thổi mạnh từ phía cồn. Gió chướng kéo thành những đợt nhỏ thổi ngoài sông Cái. Mùa về nhẹ nhàng trong tiết trời dịu ngọt, lòng người nổi dài cho những dự định mùa mới tới. Ngoài sông Cái những cây bần đã rụng bông, trái xanh nhòa cùng màu lá rơi mình xuống dòng trôi. Dọc bờ sông những hàng lau sậy bắt đầu vươn mình lớn nhanh theo chiều gió, cựa mình rút ruột cho một mùa bông mới buồn da diết. Mùa lau sậy mới đi dài mang theo dòng nhớ mùa. Tôi lại dâng đầy cảm xúc cho những cơn mưa chướng dầm dề, cảnh nước ngập tràn bờ đê, mùa lau sậy xưa trong thương nhớ bụi ngùi...

Tháng chướng non những cơn mưa ngang qua thổi trời thổi đất. Mưa chướng mà! Những hàng lau sậy ngã rạp về một phía. Mưa càng dầm dề, lau sậy lớn càng nhanh. Gió chướng đẩy những bông sậy nhỏ nhoi vươn mình nhú ra từ phía đợt, thách thức với những cơn mưa, những đợt gió chướng rào rạt rướn qua một rừng lau sậy mọc ven sông bùng bùng một sức sống mới...

Tháng chướng non chập chờn những hàng lau sậy. Gia đình mình lại bắt đầu một cuộc mưu sinh mới cùng với mùa lau sậy ngoài sông. Chị và em lại ra sông cắt bông sậy đưa theo chiều gió, rợp mình về một phía. Về nhà bó chổi sậy. Việc bó chổi là cả một kỳ công. Bông sậy được chặt đầy một xuống trắng muốt. Chị và em thường vái trời đừng mưa. Nếu mưa chướng đến sớm thì coi như nguyên xuống lau sậy phải bỏ đi. Sậy được chặt đầy một nhà. Mẹ chọn con nằng thu vàng ngon để phơi những bông sậy trắng mảnh sân con. Cả nhà phải thức khuya bó chổi. Em ngồi học bài. Chị và mẹ chong đèn bó chổi. Đôi bàn tay chai sần. Mẹ già sức yếu phải rướn người để kéo chặt những bụi sậy. Để có một cây chổi sậy đồ không biết bao nhiêu mồ hôi của mẹ của chị; nhưng rồi chị và em bán cũng chẳng được bao nhiêu. Mặc dù vậy, đó là cả một phần thu nhập cho gia đình mình vượt qua mùa gió về. Tháng mưa dầm không ai muốn làm...

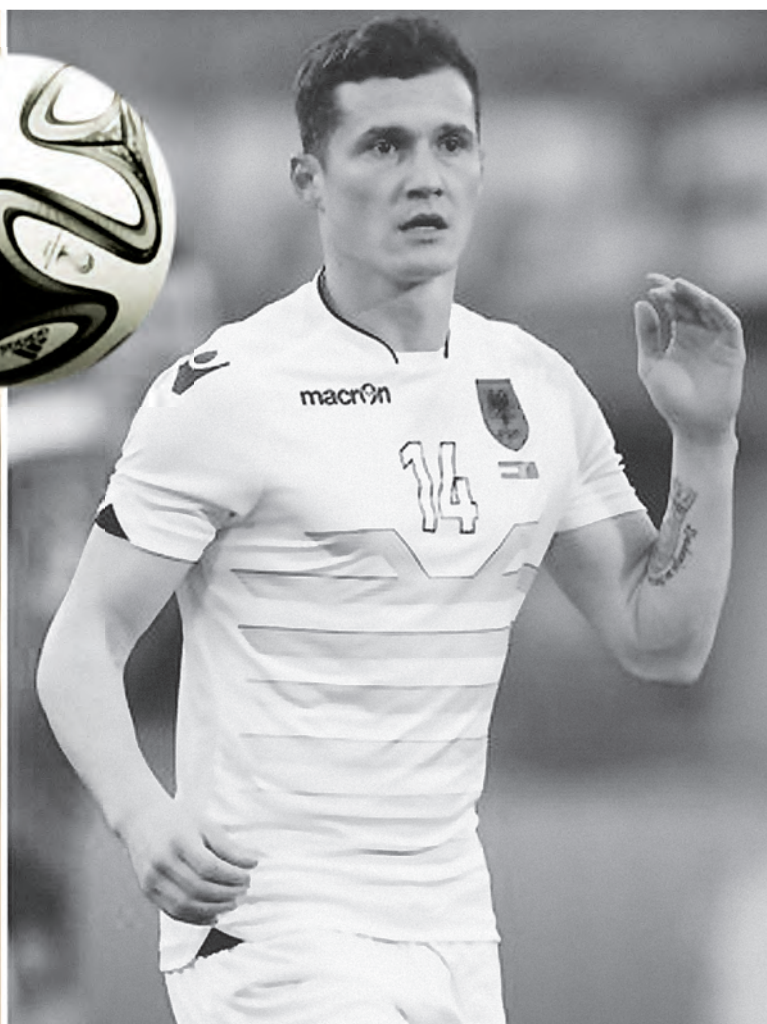
Tháng chướng già những cây lau sậy mọc hoang dại ở mé sông phấp phới trở cờ, bông sậy đã già, những cờ lau trắng muốt kéo dài triển sông. Chiều sông lộng gió, những bông sậy chao nghiêng. Nhà mình lại chuẩn bị

cho mùa đang tới trong niềm vui khắp khởi. Chị và em được mẹ phân công nhiệm vụ chèo xuống ra sông chặt những cây sậy già vàng óng to về nhà bện lại giàn bếp để củi, làm chuồng vịt, nuôi dầm con vịt ăn cơm đồ lầy lất đợi mùa Tết. Thay bờ giậu xập xệ ngã nghiêng sang một bên sau một năm, dây bìm bìm bò dọc bờ ngang. Có lần đi chặt sậy dầm cơn mưa chướng "dai nhách", hai chị em lạnh run bây bầy, răng đánh bò cạp. Chị nhường cái nón lá rách cho em che đầu để đừng bệnh. Chị bảo chờ em lớn nhà mình sẽ có đàn ông; chị đi lấy chồng thì mẹ vẫn có người ra sông chặt sậy... Mắt chị ánh lên niềm hạnh phúc dâng trào. Tươi rồi...

Mùa lau sậy về, lũ chim dòng dọc và sắc mọi tranh nhau tha những bông sậy về làm tổ, báo hiệu một mùa sinh sản mới. Bầy chim về làm tổ lơ lửng chen chúc nhau đông đúc trên những hàng tràm ngoài bờ đê, tiếng chim non đói mỗi gọi mẹ chiêm chiêm nhộn nhịp cả khúc sông.

Chị theo chồng trong mùa lau sậy năm ngoái, dọc bờ sông lau sậy trắng muốt. Chị không khóc cho một chuyến sang ngang. Những ngày cuối cùng được ở nhà, chị đã làm xong những công việc khi mùa lau sậy về. Chèo xuống ra sông chặt sậy chặt đầy một nhà cho mẹ bó chổi. Nhìn chị ngồi trầm ngâm không khóc, nhưng em biết lòng chị bởi bởi tâm trạng. Chị lấy chồng để có tiền chữa bệnh trầm kha cho mẹ. Em nhìn chị quay đi len lén gạt dòng nước mắt...

Chiều nay, ngoài sông Cái nước đục ngầu mang dòng phù sa đỏ quạch. Sóng vỗ ì oạp vào bãi bồi. Mùa gió mới thổi se sắt, chạy dọc những bãi bồi lau sậy bắt đầu lúc lỉu những bông cờ cao chót vót lay khê khàng theo những đợt chướng, rủ mình trong những đợt mưa chướng kéo dài. Em một mình chèo xuống ra sông hái bông sậy và chặt sậy già về làm chuồng vịt trong cơn chướng lịm mình đánh bò cạp. Nhớ chị! Căn nhà xưa khói bếp quệt đầy giàn lau sậy bện chặt của chị. Mẹ họ khục khặc, giữa khuya nhuộm lửa hơ tay trong cái lạnh trở mùa. Mẹ sờ giàn lau sậy của chị nước mắt lẫn dài. Mẹ lẫn những hạt chuỗi đen bóng mòn lết theo thời gian phai. Em ngồi bó gối ở mép mùng cắn chặt vào cái mền không dám nấc thành tiếng. Chị xứ người mịt dòng tin tức... ■



Thương con không đồng đều

ĐẶNG TRUNG THÀNH

C hị sinh được hai thằng con trai, cách nhau hai năm. Nhìn chung đứa nào cũng khỏe mạnh, học giỏi, ngoan và đặc biệt chúng biết thương yêu nhau. Hai đứa có tính cách khác nhau. Thằng anh thì điềm đạm, thiên về nội tâm; trong khi thằng em lại có tính xởi lởi. Nhưng dù tính cách của hai chàng trai nhỏ này có “tương khắc” cũng không thể nào ngăn được rào cản tình huynh đệ, ruột rà. Dù đôi lúc hai đứa có chút không hiểu nhau, hay “trở mặt”. Chỉ mươi phút thôi rồi lại làm hòa.

Con nít hồn nhiên, đáng yêu là thế. Còn người lớn thì khác. Lúc đầu chị thương hai con đồng đều, chẳng thiên vị một ai. Nhưng khi các con càng lớn thì chị lại bên trọng bên khinh. Chị nhận ra thằng út có phần giống tính cách của mình nhiều hơn. Vì vậy mà chị thương nó hơn thằng lớn. Có thể đây không phải là trường hợp hiếm trong xã hội. Cũng rất nhiều ông bố, bà mẹ vì thấy con có tính cách hay gương mặt giống mình thì lại thương nhiều hơn những đứa còn lại. Vì thế mà chị tự an ủi mình rằng “Không sao đâu. Trong nhà phải có đứa được thương nhiều hơn chứ”.

Chính vì cái tư duy thiên cận đó mà tình cảm mẹ con giữa chị và thằng lớn ngày càng xa cách. Dù chị không nói ra nhưng với một đứa trẻ điểm tính, suy nghĩ sâu sắc như thằng lớn thì nó sẽ hiểu được mẹ mình thương ai nhiều hơn.

Thử nghĩ, nhà có hai cậu con trai mà khi đi chợ, chị lại chỉ hỏi thằng út thích ăn quà bánh gì; trong khi thằng lớn ngồi cạnh đấy mà chị không thèm hỏi qua ý con. Và tất nhiên, khi đi chợ về, chị mua quà mà thằng út thích, lại nhiều nữa cơ chứ; trong khi thằng lớn thường được những những thứ không mong muốn. Thằng lớn đạt học sinh giỏi, về nhà khoe với mẹ, chị chỉ ậm ừ cho qua; còn thằng út, chỉ được 10 điểm thôi, chị đã mừng như trúng số.

Chính vì sự yêu thương chênh lệch nên chẳng những tình mẫu tử mà cả tình anh em cũng dần dần rời rạc, không khăng khít như xưa. Biết mình được mẹ yêu thương nhiều hơn nên thằng út không tôn trọng anh mình. Cậu bé thường muốn qua mặt anh trai, cãi lời, giận hờn, dọa mách mẹ... Thậm chí có nhiều lần cậu út còn nói xấu cậu cả trước mặt mẹ. Một người mẹ thật sự, khi con cái tranh luận, cãi nhau, nói xấu về nhau thì cần khuyên nhủ, giảng hòa, tìm hiểu nguồn cơn. Đằng này chị đã vội tin con út mà la rầy con lớn. Dù chị chưa nạt nộ, đánh con; nhưng sự thể hiện thiên vị lộ liễu như thế vẫn khiến cậu cả bị tổn thương.

Chồng chị thấy thế nên khuyên *"Em hãy là người mẹ công bằng với các con chứ"*, nhưng chị vẫn cố thần nhiên nói: *"Đứa nào em chẳng thương! Anh nghĩ đi đâu vậy? Chẳng lẽ máu mủ do em rút ruột để ra mà lại ghét bỏ sao?"*. Chồng chị không nói suông. Anh đưa ra nhiều bằng chứng về cách đối xử giữa hai con để chị không cãi chầy cãi cối. Nhưng nào ngờ chị vẫn có cách biện minh: *"Nó là anh thì phải nhường em chứ! Gia đình nào mà không như vậy. Và lại thằng út thể chất yếu hơn anh mình, nên em quan tâm nó đặc biệt cũng là lẽ thường tình thôi"*.

Anh bó tay với cách nghĩ của vợ nên bỏ về phòng nằm. Dù vợ mình đối xử với thằng lớn không được tốt nhưng anh vẫn yêu thương con đồng đều, cố gắng dạy cho chúng hiểu giá trị của một gia đình hoàn hảo là thế nào. Trong đó tình anh em là tôn chỉ đặt lên hàng đầu. Nhưng khổ nỗi anh ít gần con. Những chuyến công tác xa nhà khiến sự giáo dục có phần lơ lửng. Anh chỉ biết dạy con qua điện thoại với các cuộc trò chuyện ngắn ngủi.

Rồi có một ngày chị cũng nhận ra chân lý của một người mẹ hoàn hảo là như thế nào. Dù là phụ nữ nhưng chị vẫn thích bóng đá, nhất là những giải mang tính quốc tế như World Cup, Euro.

Có lần chị đọc bản tin thể thao Euro 2016 trên báo mạng. Điều làm chị suy nghĩ rất lâu về dòng tin này là câu chuyện một người mẹ tên là Teresa đi cổ vũ cho hai cậu con trai mình đi đá bóng. Trớ trêu ở chỗ người em là Granit thi đấu cho đội tuyển Thụy Sĩ, trong khi anh



Ảnh minh họa. Nguồn: giadinh.net

trai mình là Taulant lại khoác áo cho đội tuyển quốc gia Albania ở bảng A. Tại sao có điều đặc biệt như thế ở Euro 2016? Vốn dĩ cả hai cùng sinh ra ở Thụy Sĩ nhưng có nguồn gốc gia đình là người Albania ở Kosovo. Vì vậy, cả hai anh em đều có đủ điều kiện để khoác áo đội tuyển cho cả Albania và Thụy Sĩ. Trong trường hợp này, các bà mẹ sẽ làm gì, cổ vũ cho người anh hay người em? Bà Teresa rất thông minh khi cổ vũ cho cả hai đội bóng. Nhưng trên hết, sự thông minh ấy cũng xuất phát từ tình yêu bao la, vĩ đại của một người mẹ thương con vô bờ bến, không thiên vị bất cứ đứa con nào. Và chiếc áo in hình nửa lá cờ Thụy Sĩ cùng với nửa lá cờ Albania trên người đã làm cho bà Teresa trở nên nổi bật trên khán đài qua ống kính của các phóng viên thể thao quốc tế.

Đọc hết bản tin, chị trầm ngâm suy nghĩ hồi lâu. Dường như có một luồng thôi miên nào đó vô hình tác động khiến chị phải suy nghĩ về 13 năm làm mẹ của mình. Suốt quãng thời gian ấy chị đã bỏ qua quá nhiều cơ hội để thể hiện mình là một bà mẹ tuyệt vời. Chị chưa làm tròn vai của mình khi chưa thương yêu con đầy đủ, đồng đều. Chị còn quá kém cỏi so với bà Teresa. Ít ra là ở cách thiên hạ nhìn vào mình như thế nào.

Khán giả coi bà Teresa là một người mẹ mẫu mực, chín chắn trong cách thể hiện tình yêu thương con của mình trước đám đông. Còn chị, hàng xóm đã nhiều lần bàn ra tán vào rằng chị phân biệt đối xử không tốt với đứa con lớn. Đó là chưa nói sự góp ý chân thành từ chồng chị.

Giờ thì chị nhận ra mình cần thay đổi trong cách dạy con, yêu thương con. Muốn cho những đứa trẻ trưởng thành trong sự yêu thương, đoàn kết, san sẻ với những người anh chị em của mình thì ba mẹ phải là nhân tố chính quyết định hình thành phong cách sống.

Chị tự nhủ: *"Bắt đầu kể từ ngày hôm nay, mình sẽ yêu thương hai đứa trẻ đồng đều"*.

Dù rằng thời gian sẽ trả lời câu nói đó nhưng chị ít chị đã nhận ra khuyết điểm của mình. ■



Giấc ngủ vô thường

HOÀNG TÁ THÍCH

Sáng nay tôi đi thăm đám một người bạn trẻ vừa qua đời. Anh ra đi một cách quá bất ngờ. Mà bất ngờ thật, vì anh ấy chỉ đang ở độ tuổi trung niên và chẳng phải vì đau yếu bệnh tật gì. Đối với tôi, trung niên vẫn là còn trẻ. Anh xuất thân con nhà thế gia vọng tộc, giàu có và sung sướng từ thuở bé. Anh thành công mọi mặt, được gia đình, bạn bè, mọi người yêu mến. Chẳng bao giờ nghe nói anh bệnh tật, cũng chẳng bao giờ bị căng thẳng vì công việc. Vậy mà hôm qua, sau một giấc ngủ, anh không bao giờ thức dậy nữa. Như thế thì chẳng biết còn ai không thấy được hai chữ vô thường nữa không.

Tin buồn đến với tôi quá bất ngờ đã làm tôi xúc động không ít, hay nói đúng hơn là tôi đã có phần bị xao động tận tâm can. Lúc ngồi bên cạnh mẹ tôi qua đời ở ngưỡng chín mươi, tôi đã cảm thấy bình yên trong lòng, nhất là bà ra đi một cách nhẹ nhàng. Dĩ nhiên là mất mẹ thì chẳng ai không buồn, nhưng bây giờ trước sự ra đi quá bất ngờ của anh bạn trẻ, tôi đã bị xúc động và không cảm thấy bình yên chút nào, dù anh cũng ra đi một cách nhẹ nhàng, quá nhẹ nhàng như thế. Chỉ là một giấc ngủ dài.

Cái xúc động của tôi không giống chút nào như nhiều người “rúng động” khi nghe tin một Michael Jackson chết, hay anh chàng tài tử nổi tiếng Anton Yelchin đóng phim *Star Trek* vừa rồi qua đời lúc chỉ mới 27. Báo chí viết là cái chết này đã làm rung động giới trẻ. Đối với những người nổi tiếng chẳng liên hệ đến tôi thì tin buồn đó chỉ là một sự cảm khái thường tình. Riêng hai chữ rung động với những cái chết cũng gọi là bất ngờ đó, theo tôi thì chỉ là những rung động “thời trang”, vì họ nổi tiếng quá mà thôi, và cái chết đó chẳng làm ảnh hưởng gì đến mình, ngoại trừ sự thương tiếc một người nổi tiếng. Tiếc nhiều hơn thương. Tiếc vì họ không còn trong làng giải trí cho mình thương thức tài nghệ nữa mà thôi.

Riêng cái chết của anh bạn trẻ của tôi thì quả là có chút rung động trong tôi thật, nhưng không phải cái gọi là rung động thời trang của thiên hạ. Vì thường gặp nhau nên trong lòng không những thương tiếc mà lại còn những cảm giác hoang mang lạ thường, vì dù biết cuộc đời vốn vô thường, nhưng không ngờ nó mỏng manh đến quá như thế. Ông anh rể tôi vừa qua tuổi cổ lai hy thì mất. Anh ấy có một đời sống rất chuẩn mực,

con cái toàn là bác sĩ nên anh vẫn thường kiểm tra sức khỏe. Vậy mà một hôm anh thấy ăn không ngon miệng và đi khám bệnh, nằm bệnh viện. Bác sĩ chưa chẩn đoán ra ở anh có nguyên nhân gì thì chỉ trong vòng một tuần lễ, anh đã qua đời. Cũng quá bất ngờ với mọi người, nhất là trong gia đình. Vô thường là thế. Nhưng dù sao anh cũng đã hơn bảy mươi rồi, chuyện cũng không có gì phải thắc mắc cho nhiều.

Một anh bạn khác cũng đang độ tuổi cổ lai hy. Buổi sáng đi bộ, tập thể dục ngoài công viên, bỗng nhiên ngã quỵ xuống và ra đi. Vô thường là thế, vì chẳng ai có thể ngờ trước, nhưng dù sao họ cũng đã lớn tuổi rồi, thế nào cũng có chút bệnh tật nào đó nên chuyện ra đi chỉ là nay mai thôi. Vô thường chỉ là một cách nói. Thương tiếc thì có thương tiếc, buồn thì quả là có buồn, nhưng rúng động thì không có gì đến phải như thế. Riêng anh bạn trẻ vừa qua đời hôm qua thì quả thật là có cái gì đó khó tin mà lại xảy ra, nên mới làm cho tôi xao động. Tương lai anh đang còn mở rộng và chắc chắn anh vẫn còn có nhiều dự định trong đầu, hay ngay cả những điều thầm kín riêng tư, có lẽ anh chưa hề thổ lộ cho một ai, vì anh chưa bao giờ nghĩ đến chuyện xa lìa mọi người. Thế mà anh lại ra đi. Ra đi một cách thật tình cờ.

Chết là chuyện quá bình thường. Sinh lão bệnh tử, có ai tránh khỏi đâu, ngay cả Đức Thế Tôn rồi cũng phải nhập diệt, nói chi người đời, nhưng cái chết khác nhau nhiều lắm.

Mấy năm trước, cũng vì muốn trốn khỏi sự kiểm soát tàn bạo của nhóm Hồi giáo cực đoan IS mà hàng ngàn người đã trốn khỏi Trung Đông bằng cách lên tàu chạy ra biển mong được vào bất cứ quốc gia nào ở Âu châu và hàng ngàn người cũng đã bỏ mạng ngoài biển cả, mãi cho đến khi một nhà báo nào đó đã trưng ra tấm hình một em bé nằm chết trên bờ Địa Trung Hải. Cái chết của em bé này đã làm rúng động cả thế giới và đã làm thay đổi chính sách nhập cư của Âu châu. Sự rúng động này thực ra cũng chỉ là một sự rúng động thời sự, rúng động chính trị, vì trên thế giới cũng đã từng có những cái chết như thế, chỉ không được trưng bày ra cho mọi người thấy mà thôi. Đối với những người bàng quan thì cũng chỉ là một sự rúng động nhân bản. Có người chỉ thấy một con tê giác bên Phi châu chết mà cũng còn xúc động nữa là.

Ở Việt Nam thì không những người chết quá nhiều mà còn chuyện cá chết hàng loạt khắp nơi, hàng triệu triệu con. Mạng cá làm sao bằng mạng người? Thế mà cá chết lại làm cho người ta rúng động, bởi vì mạng cá tuy không bằng mạng người nhưng cá lại là nguồn sống của người. Cá chết càng nhiều thì dân chúng càng khổ. Không những dân làm cá, mà người ăn cá cũng sợ cá bị nhiễm độc đem đông đá để bán cho người tiêu dùng. Hai cái rúng động khác nhau. Cái chết của cá không có gì phải “vô cùng thương tiếc”, cũng không “thành kính phân ưu” hay “thành thật chia buồn”, nhưng lại “vô cùng

cay đắng”, không dùng cho mọi người, mà chỉ dành cho ai có chút ưu tư vì sợ dân khổ.

Cái chết vừa qua của anh bạn trẻ của tôi cũng đã làm tâm can tôi có phần xao động, chỉ là quá bất ngờ và thương tiếc chứ không phải xao động vì mất mát như những người ruột thịt trong gia đình anh. Dù sao cũng chỉ là một người bạn thường, nhưng tôi bị xao động vì cái chết của anh đã làm tôi bất chợt nhận ra cái mong manh của đời sống. Hàng ngày có rất nhiều người chết vì đủ loại lý do, cũng chết một cách vô lý, chết một cách bất ngờ tức tưởi, nhưng dù sao cũng có nguyên nhân, đó là do tai nạn xe cộ, chết bệnh vì y tế còn chưa đủ khả năng và phương tiện hoàn hảo nên khi nghe nói đến những cái chết đó, người ta thường nghĩ đến và thậm chí trách những nguyên nhân gây ra. Dù sao thì ai cũng cảm thấy đau lòng cho những người bị chết một cách bất ngờ như thế. Riêng anh bạn trẻ của tôi thì chẳng có nguyên nhân gì cả, chỉ là cái chết như một tình cờ.

Nhưng ngược lại, trong cái ra đi bất ngờ của anh, tôi nghĩ là anh có một điều may mắn khác mà không một người nào có được. Ấy là anh không biết mình sẽ chết. Dù chỉ trong một giây phút ngắn ngủi biết mình sẽ phải rời xa mọi người, anh cũng phải mang theo trong lòng hình ảnh những khuôn mặt đau khổ của những người thân trong gia đình anh, của những bạn bè thân thuộc chẳng bao giờ muốn rời xa anh. Và như thế thì bây giờ dù thân xác đã nằm trong chiếc hòm gỗ, có lẽ thần thức anh cũng vẫn còn thấy được những khuôn mặt đó đang đầm đìa nước mắt đứng nhìn anh đang khuất dần dưới lòng đất lạnh.

Có những cái chết làm cho người ta thương tiếc. Có cái chết làm cho người ta ngậm ngùi. Có cái chết làm cho người ta đau đớn vì mất mát. Nhưng cái chết của anh bạn trẻ vừa rồi, không chỉ ngậm ngùi thương tiếc mà còn làm cho tôi phải giật mình chợt nhận ra đời người quá mỏng manh và mạng sống của mình có thể bị ông trời lấy đi lúc nào không hay mà chẳng cần cho biết một lý do nào cả.

Hy vọng những cái chết như thế sẽ làm cho con người thấy rõ hai chữ vô thường kia hơn để rồi có thể xa dần những tham sân si tục lụy trong cuộc sống ngắn ngủi này. ■



Phước

TƯỜNG VÂN

Muốn có phước thì tự mình phải tạo
 Từ việc làm đến lời nói hiền lương
 Trong thâm tâm không thù đoạn so lường
 Mỗi hành động phải chánh chơn ngay thẳng

Trong cuộc sống không có gì chắc chắn
 Đời vô thường có gì mãi của ta?
 Ai cần gì thì cứ mãi cho ra
 Đừng sợ hết những thứ đồ giả tạm

Nếu có sợ nên sợ không chắc chắn
 Không nghĩa nhân không đạo đức tình người
 Thiếu lương tâm làm thiên hạ chê cười
 Đó mới đáng là điều cần phải sợ

Nếu ai hiểu cuộc đời là tạm bợ
 Chết mang theo chỉ có tội phước thôi
 Ngay bây giờ đừng ảo tưởng xa xôi
 Lo làm phước để yên vui hiện tại

Phước dư lại nó sẽ theo ta mãi
 Không một ai có thể cướp của mình
 Phải siêng năng làm cho phước phát sinh
 Đừng sống ác đừng tự làm tổn phước!

Người có phước mọi ước mơ đều được
 Giữa cuộc đời dễ thành tựu công danh
 Vừa giàu sang vừa xuất chúng thanh hành
 Nếu có đức lại càng thêm hạnh phúc

Đủ phước đức mọi người luôn kính phục
 Từ gia đình đến xã hội ấm êm
 Sống hiền từ gieo tạo phước nhiều thêm
 Thì sẽ được an lành trong mỗi lúc.

Tóc mẹ tháng Tư

KAI HOÀNG

Tháng Tư hong tóc mẹ qua kẻ lá
 giọt mùa hè chảy đỏ nhánh phượng gầy
 tôi quây tiếng ve về ru tuổi cạn
 dệt chuỗi ngày thành những giấc ngủ say

giữa lòng phố tôi mơ mùa ướm đắm
 cơn mưa rào thả rơi sợi ấu thơ
 qua kí ức tôi trở thành đứa trẻ
 và mùa hè là tay mẹ ẵm chờ

trên mạch đời những bàn chân lạc quần
 tôi ngồi nghe nỗi nhớ kéo tuần hoàn
 thềm tiếng ru trên môi khô nứt nẻ
 cơn đêm nào đổ bóng mẹ còn loang

vịn tháng năm về ươm xanh tóc rối
 khi thời gian đã ghim những màu buồn
 mẹ khẽ hát bài ca dao năm cũ
 những cơn buồn trong mạch phố lặng buông.

Nhìn đời

HOÀNG TÁ THÍCH

Hôm nay uể oải trong người
 Bỗng dưng cảm thấy cuộc đời buồn hiu
 Nhìn ra cảnh vật tiêu điều
 Bình minh mà tưởng nắng chiều cuối thu
 Hôm nay trời đất âm u
 Nhưng sao thấy khoẻ như từ đôi mươi
 Lang thang trong phố vắng người
 Thế mà cảm thấy cuộc đời đông vui.
 Tâm mình thay đổi từng hồi
 Vui chốc lát đó để rồi buồn theo.



Từ khi em đi từ thiện

TRƯỜNG KHÁNH

Từ khi em đi từ thiện,
Đòi cho em biết khổ đau,
Đã sinh ra làm kiếp người,
Khổ đau - đau khổ muôn màu.

Từ khi em đi từ thiện,
Mỗi sáng chưa tỏ bình minh,
Bàn chân em cùng lướt nhẹ,
Mang theo biết bao tâm tình.

Từ khi em đi từ thiện,
Mẹ cho em trái tim thương,
Từ khi em đi vào đạo,
Đạo cho em nghĩa vô thường.

Từ khi em đi từ thiện,
Bệnh viện lớn nhỏ không nề,
Bát cháo của người từ thiện,
Bệnh nhân vui bớt nỗi nề.

Từ khi em đi từ thiện,
Hè, thu, xuân đến sang đông,
Bàn chân em không mỏi mệt,
Vì em thương vạn tấm lòng.

Từ khi em đi từ thiện,
Sẻ san bát cháo miếng cơm,
Ấm lòng cho người tật bệnh
Sớt chia bao nỗi tủi hờn.

Nếu đã biết

TÁNH THIỆN

Nếu đã biết cuộc đời là mộng ảo
Dù có buồn có khổ cũng không đau
Trăm con sông còn có một nhịp cầu
Nhìn mây trắng mà vui đi sâu muộn

Nếu đã biết đời ta dù sớm muộn
Rồi có ngày đến lúc cũng ra đi
Bao năm qua ta còn lại những gì
Mà lời Phật thì xa vời trong nhớ tưởng

Nếu đã biết tâm ta đầy vọng tưởng
Thì xin đừng tạo tác nữa làm chi
Nương theo lời Phật dạy sống từ bi
Mang trí tuệ soi đường vào lẽ sống.

Giọt sữa quê hương

TRÀ KIM LONG

Nắng ôm siết xuống mặt đường
Vốc hơi nóng ngược lên phương trời này
Giọt mồ hôi nhều mắt cay
Người đi công nặng thảng ngày trên lưng.

Nghiêng thân bóng đổ chập chùng
Bóng xe và bóng người trùng lên nhau
Cây già trái chín vùng sâu
Mang hương về phở chia nhau chút tình.

Thoảng nghe màu đất quê mình
Vừa qua mấy cuộc hành trình phương xa
Khơi nguồn mạch sống nở hoa
Hạt gieo lòng đất người hòa nắng sương.

Chắt chiu giọt muối giọt đường
Làm nên giọt sữa quê hương ngọt ngào
Trên đầu nắng đội trời cao
Người mang nghĩa sống đi vào nhân gian.



Hư không

TỊNH BÌNH

Một ngày rồi lại một ngày...
Thuyền ta lạc bến loay hoay tìm bờ
Mưa dài rớt hạt vu vơ
Hôm nay nào biết chữ ngờ hôm mai
Nửa ta nhân nhật mơ say
Nửa ta trĩu nặng thảng ngày nhiều khê
Chốn xưa ai biết lối về
Ta đi... đi mãi... bộn bề nắng mưa
Trăm năm biết sống sao vừa
Hư không một sớm như chưa khóc cười...

Ngon nên không tat

NGUYỄN VĂN ĐÔN

Ở tuổi bốn mươi bảy, đương chức Phó ty Giao thông của một tỉnh miền Trung khi đó, ông đột ngột làm đơn xin nghỉ chế độ sớm.

Trước sự ngạc nhiên xen lẫn tiếc nuối của đồng nghiệp và thuộc cấp, ông chỉ cười rồi giải thích: “Mình vốn xuất thân nông dân, may mắn có chút ít chữ nghĩa nên khi xã hội cần thì ra phục vụ. Giờ cảm thấy không còn đóng góp được gì thêm nữa thì về lại nơi mình đã ra đi. Thế thôi”.

Và “thế thôi”, ông về với ruộng vườn không chút vướng bận.

Ông về năm trước thì năm sau cậu con trai đầu cưới vợ. Thay vì cho vợ chồng con ra ở riêng thì ông lại quyết định làm một việc ngược đời khác. Ông xin chính quyền địa phương cấp cho mình một mảnh ruộng trũng, bị nhiễm phèn nặng gần như đã bị bỏ hoang cặp bờ sông nơi bìa làng. Ông cất tạm lên đó một cái chòi lá nho nhỏ rồi hai ông bà cùng cậu con trai út khăn gói ra đó “ở riêng”, nhường lại căn nhà ngói ba gian hương hỏa cho đôi vợ chồng son.

Do mảnh đất mới là đất trũng và bị nhiễm phèn nặng nên ban đầu chẳng canh tác được gì; thế là ông bắt tay vào việc cải tạo nó. Ông để ý thấy những mảnh ruộng quanh cái cồn Mãn Oài gần đó có thân đất rất cao nên việc tưới tiêu cho lúa và hoa màu gặp rất nhiều khó khăn. Ông đã tìm gặp và đề nghị với những chủ ruộng ở đó, rằng ông sẽ giúp họ “hạ nền” ruộng. Đổi lại, họ cho ông số đất đã “hạ nền” đó để ông gánh về tôn cao thân đất nhà mình. Một thỏa thuận đôi bên đều có lợi nên ai cũng đồng ý liền mà không chút đắn đo.

Từ đó, sau khi đã xong công việc đồng áng buổi ngày; ông lại một mình thấp đèn, quảy gánh và mang cuốc vào đêm. Ông làm việc một cách cần mẫn đêm này qua đêm khác, tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác. Không biết ông đã bỏ bao nhiêu nhát cuốc, gánh bao nhiêu gánh đất để giờ đây mảnh đất của ông đã trở nên cao ráo; trồng rau quả gì cũng tươi tốt và bội thu.

Ngày đó, người dân chỉ tập trung sống co cụm trong làng; họ sợ và đồn thổi với nhau nhiều chuyện ghê rợn về những hồn ma vất vưởng nơi cồn Mãn Oài. Ban đầu vợ con ông cũng hoang mang lắm nhưng ông chỉ cười. Cái “cười” của ông bao giờ cũng là chỗ dựa tinh thần

vững chãi cho vợ con mình. Hai ông bà và cậu con trai út đã tạo nên một tiền lệ, là những cư dân đầu tiên của cái “xóm bờ sông” đông đúc bây giờ.

Nhớ có lần vào một đêm mưa phùn lất phất, khi ông gánh đất vừa về đến nhà thì vợ con ông đã được một phen hốt hoảng, la lên oai oái: “Ma trời, ma trời kia!”.

Ông quay lại, một vốc lửa “ma trời” xanh lè đang cháy lơ lửng sau lưng mình. Thì ra khu vực cồn Mãn Oài khi đó vốn có rất nhiều những nắm mồ vô chủ, chôn cất không biết từ bao đời nên lượng khí phốt-pho trong xương người khuếch tán lên nhiều và gặp không khí ẩm thì bốc cháy tạo ra những vốc lửa “ma trời” đó.

Hôm ấy do ông “gánh đất chạy mưa” nên đã vô tình tạo ra một luồng khí chuyển động sau lưng và đã vô tình hút nó theo về nhà.

Năm cậu con trai út của ông thi đại học, do đạt số điểm rất cao nên được nhà nước cho đi du học bên Hungari, ông đón đứa cháu nội “đích tôn” vừa bước vào thời kỳ “cai sữa mẹ” về ở cùng; vừa để đỡ phần vất vả cho vợ chồng người con trai đầu, vừa để vui cảnh về già. Ông chăm bẵm đứa cháu từng miếng ăn giấc ngủ và nó cũng quấn lấy ông như sam. Nó không chỉ là cháu nội nữa mà đã như một đứa “con mọn” của ông bà mất rồi. Thấm thoát vậy mà đã hơn ba mươi năm trôi qua, thời gian đúng như “vó câu qua cửa sổ”.

Đứa “con mọn” của ông là một đứa trẻ thông minh, tinh nghịch nhưng trên hết; ông phát hiện ra ở nơi nó một trái tim đa cảm và rất dễ nhân từ. Nhớ có lần bà nó bắt đầu được ngoài đồng về một con chim cuốc, định sẽ nấu cháo cho nó ăn; vậy mà nửa đêm nó len len thả mắt. Rồi ngay ngày mừng một Tết, nó sẵn sàng hy sinh cả bộ quần áo mới, bơi xuống sông, len lỏi vào giữa bụi tre gai để cứu một con chim bói cá vô tình mắc phải tấm lưới rách ai đó bỏ đi. Ông biết vì sự đa cảm và nhân từ đó, cuộc đời nó sẽ gặp nhiều trắc trở về sau; và sự thực đúng là như vậy.

Khi nó quyết định vào Sài Gòn thi đại học, gia đình không ai đồng ý ngoài ông. Mọi người chỉ muốn nó học đại học rồi lấy vợ sinh con ở quê vì nhà ông vốn neo người. Nhưng ông thì không cần, ông muốn để nó tự quyết định lấy cuộc đời của mình. Con chim non đủ lông đủ cánh thì phải rời xa tổ và con người cũng vậy mà thôi.



Nó nhập học được hai năm thì gia đình nhận được thông báo đình chỉ học của nhà trường gửi về, và nó cũng biệt tăm biệt tích từ đó. Bà và mẹ nó khóc hết nước mắt vì lo lắng suốt mấy năm nay nhưng ông thì vẫn đặt niềm tin nơi nó vì không ai hiểu cháu mình hơn ông. Ông tin mỗi vấp ngã sẽ làm cho nó cứng cáp hơn, hoàn thiện mình hơn và sẽ nhận ra ý nghĩa đích thực của cuộc sống. Và nó đã không phụ niềm tin của ông.

Sáng nay, khi ông bà đang ngồi uống trà nơi phòng khách thì nó khoác ba-lô đột ngột trở về.

Bà nó sau một thoáng sửng sốt liền chạy lại ôm chầm lấy nó mà khóc, mà dấm thùm thụp vào ngực nó: “Tiên sư cái thằng bất hiếu này! Mà đi đâu suốt mấy năm nay mà không chịu về nhà. Mà muốn bà chết vì lo lắng mới chịu hay sao?”

Nó cũng nghẹn ngào: “Ông bà già đi nhiều quá! Cháu bất hiếu, mong ông bà tha tội!”

Ông lặng lẽ quan sát cháu mình. Nó gầy, làn da sạm nắng nhưng trông chừng chặc và rắn rỏi hơn trước rất nhiều. Đợi bà mình lắng lại cảm xúc, nó xin phép đi tắm rửa rồi sẽ lên thưa chuyện với ông bà sau.

Nó ngồi đối diện với ông nơi bàn trà phòng khách, còn bà nó lúi húi làm cơm dưới bếp.

“Thưa ông, cuộc sống nơi phố hoa đô hội thật khác với sự yên ả của quê mình. Nó nhiều cám dỗ và cháu đã sa ngã. Cháu xấu hổ và mặc cảm không dám về nhà nhưng mấy năm qua cháu luôn nhớ những lời ông dạy và đã cố gắng làm lại cuộc đời. Hôm nay cháu về để xin được tạ tội với ông bà đây”. Nó hơi cúi đầu, hai tay đan vào nhau khi thưa chuyện với ông.

“Ông biết” - Ông đáp lời nó rồi đứng lên đi lại nơi cái bàn học của nó ngày trước, rồi xách cây đèn măng-xông cũ đặt lên bàn trà.

“Cháu nhớ cây đèn này không?”, ông hỏi.

“Dạ nhớ. Đây là cây đèn bão mà ông vẫn thắp cho cháu học bài khi quê mình chưa có điện. Và trong một đêm mưa gió của cơn bão số sáu năm nào, cháu đã bắt cần đồ nhảm nhựa vá xe thay vì dầu hỏa vào nên đã làm hỏng nó”. Nó đáp.

“Đúng rồi. Nó là loại đèn măng-xông có thể chịu được cả thời tiết gió bão nên người ta thường gọi nôm na là đèn bão. Nhưng nó không hỏng như cháu nghĩ. Nó vẫn sáng bằng một thứ ánh sáng đặc biệt”.

“Cháu chưa thật hiểu ý của ông”.

“Cháu nhìn kỹ đi, xem có nhận ra điều gì đặc biệt không?”.

Nó quan sát giấy lát rồi bất chợt ồ lên: “Tượng Phật tọa thiền, thưa ông!”.

“Cháu thật tinh mắt! Cháu hẳn cũng biết, đã từng có thời gian con người ta phải giấu đi cả tín ngưỡng của mình. Ông đã tự tay chế tác cây đèn măng-xông đặc biệt này từ gỗ lim; chụp đèn thì tắt nhiên bằng thủy tinh và vốn là của một cây đèn khác. Này nhé. Đế đèn, nơi chứa dầu chính là hai chân Phật xếp lại. Hai cánh tay ngài chính là khung đèn và hai bàn tay để ngửa đặt lên nhau tại đây như đang nâng đỡ cái nút vặn bắc để chỉnh độ sáng. Đỉnh đèn chính là đầu Phật nơi có “vô kiến đẳng tướng” và ánh sáng phát ra từ đây, nơi ngực. Cháu hiểu không?”.

“Dạ, cháu hiểu, thưa ông”.

“Cây đèn đặc biệt này luôn là vật bất ly thân của ông từ khi ông còn công tác cho đến khi về với ruộng vườn. Trước những sự cảm dỗ của danh lợi cũng như những

khó khăn, trắc trở của cuộc sống, khi đối diện với cây đèn trong tĩnh lặng, ông luôn tìm được sự sáng suốt, an nhiên và vững tâm hơn cháu ạ. Cha của cháu, chú của cháu và cả cháu nữa đều có được chữ nghĩa dưới ánh sáng của cây đèn này”.

“Thưa ông! Giờ thì cháu đã hiểu tại sao lúc cháu mới năm tuổi, ông lại gửi cháu lên chùa để học chữ thay vì đến lớp mẫu giáo như những đứa trẻ khác. Cháu đã hiểu tại sao ông luôn điềm nhiên, vững chãi trước mọi khó khăn của cuộc sống. Cháu đã hiểu tại sao ông chỉ cần đặt lưng xuống là ngay lập tức tìm được giấc ngủ và muốn thức dậy giờ nào là dậy đúng giờ đó mà không cần đồng hồ báo thức. Và cháu cũng đã hiểu tại sao ông có thể buông xả được những bất công mà gia đình mình đã gánh chịu sau cải cách ruộng đất, điều này cháu tự tìm hiểu nên biết. Sao từ trước tới giờ ông không khi nào cho cháu biết hết vậy?”.

“Mọi chuyện phải đủ duyên. Hôm nay sở dĩ ông tiết lộ với cháu là vì ông có đọc được một vài bài viết trên các tạp chí Phật giáo của cháu. Ông nhận ra tác giả là cháu bởi có những kỷ niệm chỉ ông cháu mình mới biết với nhau thôi”. Ông nháy mắt với nó.

“Ông có buồn không khi cháu giờ chỉ là một công nhân cạo mũ cao su bình thường và còn tìm đến thơ văn?”.

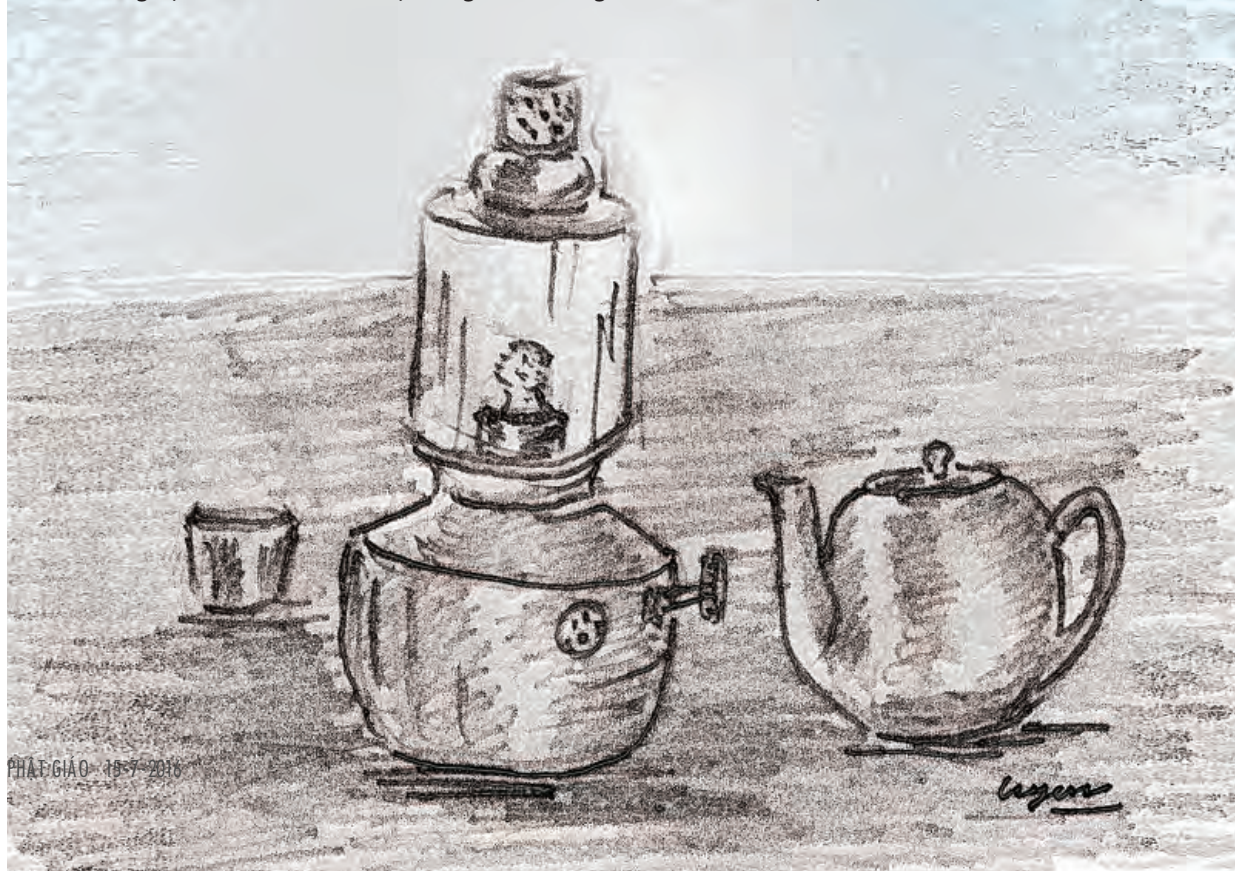
“Cứ làm những gì cháu cảm thấy vui và có ý nghĩa. Thế thôi!”.

“Ông tặng cháu cây đèn này nhé?”.

“Nó hỏng rồi mà?”.

“Không. Nó vẫn sáng bằng một thứ ánh sáng đặc biệt. Thưa ông!”.

Hai ông cháu ông nhìn nhau mỉm cười trong khi ngoài sân đã có tiếng mẹ nó vang lên rồi rít: “Thằng Đ... về rồi hả mẹ? Cháu nó đâu rồi, đâu rồi mẹ ơi?”. ■



Ghi chép của Giun đất Tuệ Tuệ

Hạt Mầm

TUỆ ĐỊNH

- Hạt Mầm ơi!
- Dạ!
- Sao con không thức dậy vậy? Các bạn con đã vươn mầm hết rồi, con vẫn im lặng. Con có chuyện gì à?
- Mẹ Đất ơi! Con lo lắm. Con nghe các anh chị cây bảo bên ngoài rất đáng sợ. Mùa xuân sâu đầy lá, mùa hè nắng oi ả, mùa thu mưa dầm dề, mùa đông lạnh rét buốt, lại còn có biết bao nguy hiểm khác nữa. Con sợ mình chưa kịp lớn đã bị sâu ăn hết rồi.
- Con xem, như con nói thì những cây đang sống từ đâu ra? Có thử thách mới chúng tỏ được năng lực, có gian nan mới thấy sức mạnh mình đến đâu. Hạt Mầm, con phải tự tin lên.
- Nhưng Mẹ Đất à, con nghĩ mình không chống chọi nổi bão táp mưa sa, con vẫn nên ở với Mẹ thôi.
- Hạt Mầm, con sợ cái gì? Những điều các cây nói con đã thử nghiệm rồi hả? Con đã biết mình thừa nhận được bao nhiêu rồi sao? Bên ngoài rất đẹp, có ánh nắng, có gió, có suối, có thú vật chạy nhảy, có sự sống bùng bùng. Hạt Mầm, Mẹ không thể cho con cuộc sống đầy đủ, trong đất tối tăm, một màu. Con phải mở mắt nhìn thế giới mới không uổng một đời sống. Đừng nhắm chặt đôi mắt mình lại, đóng kín tâm mình.
- Mẹ Đất! Hạt Mầm khóc. Mẹ không thương con nữa à?
- Mẹ vẫn thương con nhưng làm cha mẹ mong muốn lớn nhất là thấy con trưởng thành, mạnh mẽ, chứ không phải là mãi nằm trong vòng bao bọc. Cha mẹ không thể theo con suốt cả cuộc đời nên con phải tự mình cố gắng. Bây giờ con còn nhỏ, mẹ chăm sóc cho con. Nhưng một thời gian sau, con phải chứng minh năng lực của mình mới không bị cuộc sống đào thải. Con xem, có biết bao hạt mầm giống như con, không chịu lớn lên, vậy là chết âm thầm trong đất không ai hay biết. Mẹ chỉ cho con một cơ hội sống, còn sống ra sao là chuyện con cần suy nghĩ. Hạt Mầm, con đừng ích kỷ, chỉ nhận mà không cho.
- Hạt Mầm im lặng.
- Hạt Mầm, con dù đi đâu vẫn là con của Mẹ, chỉ cần rễ của con còn bám vào đất, Mẹ vẫn bên con, quan tâm chăm sóc cung cấp dinh dưỡng cho con. Dù là cây non hay cổ thụ, Mẹ vẫn không ngừng yêu con. Dẫu cho con có nhớ Mẹ hay không, chỉ cần con còn sống là Mẹ yên tâm rồi.
- Con có lẽ không mọc hoa đẹp như chị Hoa Hồng, kết trái không ngon như anh Thanh Trà, thân mình không khỏe như chú Lim Sến, Mẹ sẽ không thất vọng về con chứ?



- Ai sống trên đời chẳng có điều hay-dở? Có thể con không tốt ở mặt này nhưng có ích ở mặt khác. Mẹ không cần con nổi tiếng, Mẹ chỉ mong con làm hết sức mình, vượt qua giới hạn bản thân là Mẹ đã hạnh diện về con rồi. Thà con không giỏi giang, xinh đẹp nhưng không ngừng phấn đấu, còn hơn thông minh mà lười nhác, ngạo mạn.
- Con không biết mình có thể làm được gì! Hạt Mầm than thở.
- Con cứ hòa nhập vào cuộc sống, hội nhập với cuộc đời, con mới biết mình có khả năng gì. Đứng bên ngoài guồng quay cuộc sống, con dù có chuẩn bị tốt đến đâu cũng vô dụng. Mẹ cho con sinh mạng, chỉ mong con tiếp tục mạch sống và sống cho thật tốt. Đừng hoang phí tuổi trẻ vào những điều vô bổ, cảm dỗ là được.
- Ngoài kia đẹp lắm hả Mẹ? Hạt Mầm ầm ầm hy vọng, chờ mong.
- Rất đẹp, rất vui. Hạt Mầm à, sau này, có lúc con bị vấp ngã, thất bại, đau khổ, con cũng đừng mất niềm tin. Con nên nhớ rằng dù như thế nào Mẹ vẫn luôn đứng về phía con. Cuộc sống luôn vì con rộng mở, con có tự mình cố gắng tìm thấy hạnh phúc của mình hay không là do con quyết định. Hãy dùng tất cả nhiệt tình mà xông pha vào đời đi Hạt Mầm.
- Vậy con nảy mầm Mẹ nhé?
- Ừm, con lớn lên đi, trưởng thành lên đi. Đừng ngại mưa gió bão bùng. Tuổi trẻ cho con sức khỏe, nhiệt huyết, sức sống tràn đầy để xây dựng nên thế giới cho riêng mình. Không ngại gian khó chỉ ngại tuổi già hối hận thôi. Những dấu vết thời gian khắc lên thân con là hồi báo tốt nhất con dành cho Mẹ. Mẹ mong con thành người có ích cho cuộc đời.
- Dạ, con đi đây, tạm biệt Mẹ!
- Con đi đi, khi nào mỏi mệt, muốn nghỉ ngơi, hãy quay về. Mẹ luôn chuẩn bị cho con một cái ôm ấm áp.
- Vâng. Mẹ Đất ơi! Con yêu Mẹ.
- Mẹ cũng yêu con, Hạt Mầm của Mẹ. Chúc con lên đường bình an. ■



Mười hai món thuốc Nam

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Sáng ngày mồng tám, tôi đi thăm thầy Nhật Quang vừa xuất viện sau khi mổ ruột thừa. Trước khi đi, tôi mua vài món quà và vào quán cơm chay ăn điểm tâm. Đang ăn, tôi thấy Phán bước vào quán ngó dáo dác như tìm kiếm ai đó. Không biết anh ấy có ăn chay hay không nhưng tôi vẫn mời đến ngồi chung bàn ăn cho vui. Phán không khách sáo. Chúng tôi vừa ăn vừa trò chuyện. Sau khi biết tôi sắp đi thăm thầy Nhật Quang, Phán có vẻ buồn, tự trách mình vô tình, vì miếng cơm manh áo nên lâu lắm rồi không đi thăm Thầy và nhờ tôi chuyển lời xin lỗi.

Tôi cùng Phán và thầy Nhật Quang (tên tục Lê Thành Vinh) suýt soát tuổi nhau, bạn học cùng lớp từ đệ Thất đến đệ Nhị (lớp 6 đến lớp 11). Ba chúng tôi chơi thân với nhau, hiểu biết nhau như *“Ba chàng ngự lâm pháo thủ”* (Les trois mousquetaires) của Alexandre Dumas. Tôi và Phán đậu Tú tài 1, Vinh trượt vô chuỗi. *“Rớt tú tài anh đi trung sĩ”* nhưng Vinh không đi lính mà trốn lính bằng cách ẩn dương nương Phật với pháp danh Nhật Quang. Sau ngày 30/4/1975, rất nhiều người như Vinh hoàn tục, anh thì không, vẫn tiếp tục tu hành. Có lần tôi và Phán cố động viên thuyết phục Vinh hoàn tục, anh từ chối nhẹ nhàng, dứt khoát: *“Dù tôi đi tu để trốn quân dịch nhưng sau khi tiếp xúc với giáo lý Phật giáo tôi thấy đó là con đường của trái tim nên quyết định chọn nó cho cuộc đời mình”*. Sau này nghĩ lại tôi mới thấy mình sai lầm và có lỗi với Vinh. Chín người mười ý nhưng khi nhận định một vấn đề nào đó thì chỉ có hai cách, suy luận và trực giác. Tôi chọn suy luận, Vinh chọn trực giác nên cái thấy của tôi là cái thấy tương đối, còn cái thấy của Vinh là cái thấy tuyệt đối, cao hơn tôi một cái đầu. Tôi ngỏ lời xin lỗi, Vinh cười xòa bảo người tu hành đã phá chấp, đâu có lỗi phải gì.

Vinh rất có chí, vừa tu vừa học Hán văn và đồ Cử nhân Hán học, hiện làm trụ trì một ngôi chùa khá nổi tiếng ở quê tôi. Cuộc sống khá giản dị, không kiểu cách cầu kỳ trong sinh hoạt và ăn uống. Ngoài việc tu hành, Vinh còn tham gia dịch thuật, giảng giải kinh luận từ chữ Hán sang chữ Việt, học thêm nghề y học dân tộc rồi dạy lại đệ tử, cùng nhau mở phòng khám từ thiện, coi mạch hốt thuốc, châm cứu cho nhân dân. Theo quan sát của tôi, Vinh không theo môn phái nào hết mà là sự kết hợp hài hòa giữa các tông phái nhưng nhìn kỹ thì có hơi hướng về giáo lý ban đầu của Phật Thích-ca. Mặc dù đường Đời và đường Đạo song song, có khoảng cách nhưng tình bạn của chúng tôi thì không,

vẫn tồn tại gắn bó như cũ, chỉ có Phán gián đoạn một thời gian khá lâu do nhiều lý do bất khả kháng.

Chuyện trò một hồi Phán than với tôi rằng hiện nay anh mắc rất nhiều chứng bệnh mà trị hoài không hết. Thường xuyên bị ù tai hoa mắt. Sổ mũi hắt hơi. Lưỡi đắng miệng khô. Da bong tróc mẩn ngứa. Đầu óc bất thường, lúc nhớ lúc quên. Tính tình cũng vậy, hay buồn vui, giận hờn vô cớ. Tôi hỏi Phán trị bệnh bằng Tây y, Đông y hay y học dân tộc và có siêu âm, chụp X quang, xét nghiệm máu chưa? Phán nói chỉ dùng thuốc Tây và đã làm đủ cả. Tôi đề nghị anh ấy đến phòng thuốc Nam của thầy Nhật Quang chữa trị xem sao, biết đâu *“phước chủ may thấy”*? Thầy lại được rất nhiều bệnh nhân khen có tay *“phục dược”* đã trị hết bệnh nhiều người, trong đó có vài người bác sĩ “chạy”. Lúc đầu Phán có vẻ hoài nghi, không tin tưởng lắm nhưng sau cũng đồng ý.

Phán cao lớn điển trai, hào hoa phong nhã như tài tử xi-nê Jean Paul Belmondo. Hồi còn đi học, anh đã làm rung động nhiều trái tim nữ sinh khiến tôi và Vinh phải phát ghen. Sau khi trở thành sĩ quan quân đội, đường tình của Phán lại như con suối mộng, đưa chàng Từ Thức thời đại vào động Đào nguyên. Ngoài ba mươi tuổi anh mới lập gia đình, bỏ lại sau lưng những cuộc tình lãng mạn, những cuộc hoan lạc loạn cuồng để bắt đầu cuộc hành trình mới cũng đầy ắp hi-nộ-ái-ố-ai-dục-bi. Bước ngoặt lớn nhất trong cuộc đời Phán là sau khi vượt biên không thành, phải làm lại từ đầu với hai bàn tay trắng. Ước mơ không biến thành hiện thực là chuyện bình thường đối với ước mơ bình thường. Còn Phán vô cùng đau đớn, khổ sở như người bị té từ trên cao, chứng tỏ anh ấy đặt hết niềm tin và hy vọng vào ước mơ của mình nên hụt hẫng suy sụp cả vật chất lẫn tinh thần một thời gian dài thành ra bơ phờ hốc hác, già trước tuổi và mang nhiều bệnh tật. Có lẽ đây cũng là dấu chấm hết cái nghiệp lành mà anh đã tạo được từ kiếp trước, tôi nghĩ.

Tôi cùng Phán đến phòng thuốc của thầy Nhật Quang khám bệnh. Lần đầu tiên gặp lại sau nhiều năm xa cách, Phán lại thay đổi quá nhiều khiến thầy ngỡ ngờ, tôi phải giới thiệu thầy mới nhận ra. Phòng thuốc khá đông khách nên tôi đề nghị hai người đợi hết khách mới có thì giờ vừa khám bệnh vừa chuyện trò. Không biết có phải bất ngờ gặp lại Phán hay vì thấy anh ấy tiểu tụy mà thầy Nhật Quang có vẻ xúc động, cứ nhìn anh ấy chăm chăm, lắng nghe lời anh ấy nói, đặt nhiều câu hỏi có liên quan đến bệnh tật của anh ấy.

Hàn huyền tâm sự một hồi, thầy Nhật Quang mới bắt mạch cho Phán, bắt cả tay mặt và tay trái khá lâu. Trong khi bắt mạch, thầy im lặng, mặt trầm tư, dồn hết tâm trí vào việc làm để lắng nghe những chuyển biến trong cơ thể Phán. Bắt mạch xong thầy thở nhẹ, Phán hỏi:

- Tôi bệnh gì vậy thầy, nặng lắm không?

Thầy Nhật Quang nhìn Phán với ánh mắt triu mến, nói nhỏ nhẹ:

- Anh bị viêm cả hô hấp trên lẫn hô hấp dưới. Nóng gan, suy thận. Không sao hết, trước tiên tôi sẽ giải nhiệt cho anh sau đó mới trị các bệnh khác. Anh có uống rượu bia và hút thuốc lá không?

Phán gật đầu nói có. Thầy khuyên:

- Bỏ hết đi! Còn bệnh ngoài da tôi sẽ cho anh dầu phong, thoa vài lần sẽ hết bong tróc, mẩn ngứa. Anh cũng cần biết thêm điều này, thuốc nam không mạnh, không tác dụng nhanh như thuốc bắc, thuốc tây nên phải kiên nhẫn, siêng năng chữa trị bệnh mới hết được.

- Cám ơn thầy. Phán chân thành.

Thầy Nhật Quang nhìn Phán, nói vui:

- Ngoài các bệnh trên anh còn mắc một bệnh khác nữa, đó là tâm bệnh.

Cả ba cùng cười. Cuộc trò chuyện trở nên thân mật, hào hứng. Tôi hỏi:

- Tâm bệnh phải trị bằng tâm được? Thầy có thuốc không?

- Có chứ. Làm nghề nầy mà không có thuốc chữa trị cho bệnh nhân thì là lang băm chứ đâu phải lương y? Nếu anh Phán và anh muốn điều trị tôi sẽ cho toa? Thầy đưa.

- Khoan! Tôi nói. Trước khi cho toa, tôi yêu cầu Thầy nói rõ tâm bệnh là gì và nguyên nhân gây ra bệnh?

Thầy hợp ngậm trà rồi nói chậm rãi:

- Đó là loại bệnh phát sinh từ tâm lý, rất phổ biến, ai cũng mắc chứ không riêng anh Phán, chỉ khác nhau ở chỗ nặng hay nhẹ. Người đời thường nói "*bệnh vào từ miệng*" nhưng nó còn đến với ta thông qua năm giác quan mà nhà Phật gọi là năm căn. Hàng ngày mắt ta nhìn khoảng hai mươi lăm loại hình ảnh, tai nghe mười hai loại âm thanh, mũi ngửi sáu loại mùi, lưỡi nếm mười hai loại vị, thân tiếp xúc với hai mươi sáu loại tính chất và trạng thái của sự vật. Tất cả những trần cảnh đó sẽ lọt lại cái bóng trong pháp trần và được ý thức nhận diện, phân tích, so sánh, đánh giá rồi báo cho ta biết chúng xấu tốt, hay dở, lành dữ... để ta lựa chọn, yêu hay ghét, thích hay không, lấy hay bỏ... Hai anh nghĩ thử coi, một ngày phải tiêu tốn rất nhiều năng lượng, chất xám để lao động kiếm miếng cơm manh áo mà còn phải xử lý, tiêu hóa hết những thứ do năm căn mang lại thì một năm, mười năm rồi một đời người tiêu tốn hết bao nhiêu? Chắc

chấn con số không hề nhỏ; bảo sao không hao mòn thân thể, không suy nhược tinh thần, không bệnh tật khổ đau cho được?

- Toa thuốc đó như thế nào, công dụng ra sao? Tôi hỏi.

Thầy nhìn tôi mỉm cười, hỏi tôi và nói y như thật:

- Bộ anh cũng bệnh nữa sao mà gấp vậy? Thang thuốc có mười hai món gồm bốn món căn bản và tám món hỗ trợ. Bốn món căn bản được tính rất cao, có chức năng tìm kiếm phát hiện những nguyên nhân gây bệnh và lần lượt tiêu diệt chúng. Tám món hỗ trợ sẽ khai thông kinh mạch, điều hòa hơi thở, ổn định nhịp tim làm cho khí huyết vận hành suôn sẻ, lưu thông thông suốt, chuyển hóa đờn đau. Mười hai món thuốc này sẽ diệt trừ tận gốc các loại bệnh xuất phát từ lao lực lao tâm, không sợ tái đi tái lại mà người đời gọi là "trừ căn".

- Mười hai món đó ở đâu có? Dễ kiếm không? Tôi hỏi.

- Thuốc nầy ngoài đời không có, chỉ có trong đạo Phật. Đó là giáo lý Tứ diệu đế và Bát chánh đạo. Thầy đáp.

Lời tục hay nói "*thuốc ba thang, cờ ba ván*" nghĩa là thuốc uống ba thang mới biết hiệu nghiệm hay không, đánh cờ ba ván mới biết ai thua ai thắng. Tuy nhiên, thuốc nam công hiệu khá chậm thì chỉ ba thang làm sao khống chế được bệnh? Nó đòi hỏi phải chữa trị liên tục trong một thời gian dài mới có kết quả và Phán đã làm được điều đó. Khoảng nửa năm sau, Phán vui vẻ khoe với tôi bệnh tình có hướng thuyên giảm khả quan nhờ vừa uống thuốc đời vừa "uống thuốc đạo" và hỗ trợ bằng Thiền số tức theo hướng dẫn của thầy Nhật Quang. Tôi cũng "uống thuốc đạo" và đã tìm lại được chính mình. Một hôm, Phán hẹn tôi một ngày đẹp trời cùng đi thăm và mua quà "đền ơn" Thầy nhưng tôi không cho. Thăm thì được chứ mua quà "đền ơn" thì lòng từ bi của người tu hành và lương tâm của người thầy thuốc không cho phép Thầy chấp nhận chuyện đó. ■



Một chuyến du lịch trên đất Thái



Đoàn chiêm bái Núi Phật Vàng

Bài và ảnh: NGUYỄN BÔNG

Chúng tôi có duyên tham gia đoàn du lịch Bangkok - Pattaya do Viettourist tổ chức với thời gian 5 ngày 4 đêm (được biết Công ty DL Cánh chim Việt cũng có tour tương tự), do 2 hướng dẫn viên (HDV) du lịch Thanh Phương (Việt) và Mác-cô (Thái); các anh rất dễ mến, am tường địa danh và chăm lo chu đáo cho đoàn trong suốt quá trình tour.

Máy bay đến Phi trường quốc tế Bangkok lúc 13g30' ngày 22/6/2016, chỉ mất 1 giờ 10' bay. HDV đưa đoàn đến nhà hàng của sân bay dùng món ăn Thái tự chọn. Xe đưa đoàn có máy lạnh đời mới, ghế nệm khá êm. Sau đoạn đường khá xa, đoàn đến nhà hàng dùng lẩu Suki và sang nhà hát xem chương trình biểu diễn văn nghệ của các vũ công chuyển giới với các tiết mục ca vũ nhạc bằng nhiều thứ tiếng như: Thái, Việt, Trung Quốc... Sau khi đến Khách sạn Petra, mọi người đều thấm mệt, nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, đoàn tiếp tục cuộc hành trình dài đi về thành phố nghỉ mát Pattaya. Trên đường đi, đoàn được tham quan, mua sắm ở *Trung tâm vàng bạc đá quý lớn nhất tại Thái* thuộc Hoàng gia cai quản. Nơi đây có rất nhiều vàng bạc và loại đá quý tạo hình những con sư tử, công và rồng (đã có 2 đại gia Việt mua rống), các bức tranh cẩn đá quý như hồng bảo ngọc, ngọc bích, v.v... cùng với đồ nữ trang tuyệt đẹp. Chúng tôi được nhìn ngắm thỏa thích... Đến Khách sạn 5 sao Jomtien Palm Beach, TP.Pattaya trời đã chạng vạng, nên đoàn chỉ tắm được ở hồ bơi và đi dạo bờ biển.

Trong ngày thứ 2 đến thứ 3, đoàn lần lượt đến các nơi như:

- Viếng thăm cố đô Ayutthaya

Năm 1767, Thái Lan bị ngoại bang xâm lược, nên nhiều đền đài bị tàn phá, các tượng Phật nhỏ dưới 1m phần lớn bị giặc lấy mất đầu vì chúng nghĩ có vàng trong đó; nhìn cảnh tượng Phật không đầu mà lòng chúng tôi thấy xót xa, thương cảm... Theo sử sách ghi lại: từ năm 1350, Ayutthaya vô cùng hoành tráng với quần thể 11 đền đài nay chỉ còn là phế tích. Chúng tôi lần lượt chiêm bái trong đền Wat Mahathat có một đầu tượng Phật nằm trong chùm rễ cây bồ đề với khuôn mặt đẹp, thanh thoát mang lại cảm giác bình an cho mọi người; ngôi chùa Phra Mong Khon Bo Phit nay chỉ còn nguyên vẹn tôn tượng Đức Phật tọa thiền, cao 12m, ngang hơn 9m, được tôn tạo trong giai đoạn 1448-1602; đền Wat Lokaya Sutha còn tôn

tượng Phật nhập Niết-bàn; đền Wat Phra Sisanpeth còn ba ngôi mộ cổ tháp kiểu Ceylonese (Sri Lanka) cao sừng sững bên nhau là nơi cất giữ tro cốt của ba vị vua trị vì trong thời kỳ Ayutthaya...

- Tham quan, chiêm bái đền Wat Saman Rattanaram

Đây là một kiến trúc đặc biệt chỉ có ở đất Thái, nơi đây thờ theo tín ngưỡng của Phật giáo, Ấn giáo, Đạo giáo. Chánh điện có tôn tượng Đức Phật, phía trước có một bình bát khá to, du khách đến lễ bái, nếu muốn cầu sự may mắn thì đến quấy thỉnh 10 đồng tiền xu (đổi từ 20 baht) và đứng ở khoảng cách nhất định, thành kính thả vào bình bát; đến lễ bái tôn tượng Đức Quan Thế Âm lộ thiên và tôn tượng ngài Tam Tạng pháp sư cùng 9 vị cao tăng bậc nhất của Thái; vào sâu du khách tham quan tượng Thần voi khổng lồ, cao 16m, dài 22m thuộc Ấn giáo; tham quan các công trình của Đạo giáo...

- Chiêm bái chùa Yai Chaimongkhon

Đoàn được chiêm bái một trong Tứ động tâm là đền thờ tôn tượng Đức Phật nhập Niết-bàn, mọi người thỉnh vàng mỏng để dát vàng lên tôn tượng, cung kính dâng lễ; kế đến lễ bái ở chánh điện (tạm), dâng hoa lên Phật và góp phần công đức trùng tu chánh điện; tiếp đi đến ngọn tháp cao 60m, được xây trên một nền cao với hai ngọn tháp nhỏ hai bên cùng được tôn trí hai tôn tượng Đức Phật lộ thiên. Sau khi ra về dưới những tán cây râm mát, lòng ai cũng cảm thấy nhẹ tênh, lâng lâng...

- Tham bái Trăn Bảo Phật Sơn - Núi Phật Vàng

Từ TP.Pattaya, xe chạy khoảng 15km là đến chùa Núi Phật. Ban sơ đây là ngọn núi hùng vĩ, công trình được khởi công rất khó khăn trong việc xê núi nhằm tạo sự bằng phẳng để chiếu bằng tia laser khắc tượng lên vách núi tạo tôn tượng Đức Phật bằng vàng ròng, cao 130m, rộng hơn 70m, công trình được hoàn thành vào năm 1996; nhằm đón mừng lễ Đức vua Rama IX trị vì Vương quốc Thái Lan được 50 năm. Nếu chú ý, bạn sẽ thấy một sợi dây từ chánh điện ở mặt đất chạy thẳng lên núi, đó là sự truyền luồng cảm ứng của các bậc cao tăng, liên tục cầu nguyện từ khi khởi công cho đến khi tôn tượng hoàn thành viên mãn.

- Tham quan Đồi vọng cảnh

Đây là đỉnh của ngọn núi cao nhất Pattaya. Đường đi lên đồi mỗi lúc mỗi dốc. Tôi vừa đi vừa niệm Phật để không quan tâm đến

độ cao, thế là đến đỉnh mà không thấy mệt. Nơi đây, được dựng bức tượng ngài Đô đốc Hải quân nhìn ra biển rất là uy dũng. Tôi phóng tầm mắt bao quát thành phố Pattaya và ngắm cảnh trời biển bao la tuyệt đẹp.

- Tham quan Trung tâm Yến huyết và cửa hàng đặc sản của địa phương

Chúng tôi được nghe giới thiệu về truyền thống làng nghề khai thác yến huyết, các mô hình và hoạt cảnh của đời sống, những chứng trở ngại gian truân khó nhọc của người khai thác yến ở trên những vách đá cheo leo... Kể đó, nghe thuyết minh về phương pháp khai thác và tinh chế yến huyết, mật hoa, mật ong chúa (nguồn nguyên liệu ở vùng Tam Giác Vàng), cao hổ. Mọi người được mời nếm thử mật ong, cảm giác ngọt dịu, thanh tao.

- Tham quan Viện Nghiên cứu rắn Hoàng gia (Snake Farm)

Nếu bạn sợ rắn có lẽ không nên đến nơi này. Vì chỉ cách 1 tấm gương là có rất nhiều loại rắn cực độc còn sống, nhưng chúng trông lơ đãng. Đoàn được mời dự thuyết trình bằng tiếng Việt về một số thuốc chữa bệnh từ nguyên liệu rắn như mật, nọc rắn. Sau đó, được xem biểu diễn với nhiều tiết mục: rắn múa, người và rắn hôn nhau...

- Tham quan chợ nổi Ayutthaya

Đoàn được dạo thuyền bằng động cơ chuyển nước từ ống phun ra phía sau, tạo nên lực đẩy. Rời thuyền, đoàn lên chợ nổi mua sắm và ăn trưa. Mang tiếng là chợ nổi nhưng chợ được xây nhà sàn liền kề trên sông nước. Trước khi già từ chợ nổi, đoàn còn bị cuốn hút bởi cảnh cho cá diêu hồng bú, du khách mua 20 baht là có 1 chai sữa cho cá bú, con nào ngậm được bình rồi thì cứ thế mà nút. Ban đêm có chương trình biểu diễn sex, giá về 3.000 baht hoặc đi massage thư giãn.

Ngày thứ 4, đoàn được sinh hoạt tự do ở thủ đô Bangkok. Để trải nghiệm, chúng tôi mua tấm bản đồ đi lại trong thủ đô Bangkok và bắt đầu đi bộ đến trạm mê-trở (tàu điện ngầm) giá 20 baht, để đến giao điểm có tàu sky-train, chúng tôi lên mặt đất đón tàu sky-train chạy đến điểm gần chợ trung tâm, giá vé 40 baht, so với tàu điện ngầm ở New York thì nó chạy khá êm. Rời tàu điện, chúng tôi đến tham bãi *đền thờ Phật tử điện* (nổi tiếng linh thiêng); tiếp theo, đi bộ đến *chợ trung tâm*, nơi đây mua bán khá rộn rịp như chợ Bến Thành (TP.HCM). Gần đến trưa, chúng tôi di chuyển đến *Trung tâm Thương mại* để mua đi cái nóng oi ả buổi trưa, nơi đây khá rộng rãi đi tham quan mãi không chán...

Ngày cuối, đoàn đến chiêm bái *chùa Phật Vàng* (Wat Traimit). Đoàn được HDV đưa đến căn phòng để gặp vị sư người Thái đọc bài kinh ngắn và vẩy nước chúc phúc; di chuyển sang chiêm bái chánh điện có thờ tôn tượng Đức Phật tọa thiền bằng vàng khối, cao 3m, nặng 5,5 tấn với nét đẹp tỏa sáng ánh từ quang. Tôn tượng được đúc vào thời hoàng kim của Ayutthaya, trong thời đại Sukhothai (khoảng thế kỷ XIII-XV) là giai đoạn phát triển và nổi tiếng của nghệ thuật kiến trúc Phật giáo của Thái Lan. Tương truyền, quân xâm lược cướp phá cố đô, nhà vua phải rút lui, sợ tượng vàng sa vào tay giặc, ngài lệnh cho quân lính phủ lên tôn tượng một lớp bê-tông và nhằm giữ tuyệt đối bí mật này những người tham gia phải tự sát. Sau này tôn tượng được đặt tại chánh điện chùa Choti-Naram dưới thời vua Rama III (1824-1851). Năm 1931, ngôi chùa này bị bỏ hoang. Vào năm 1950, sư trụ trì được báo mộng mới đi tìm được tôn tượng. Qua một vết nứt, sư trụ trì nhìn thấy một tia sáng màu vàng lóe lên và tôn tượng từ đó được cởi bỏ lớp bê-tông để trở về nguyên vị tôn tượng Phật Vàng. Tôn tượng nặng 5 tấn vàng khối, sau đó được Hoàng gia và dân chúng cùng tạo lập thêm tòa sen cho Phật ngự nặng 500kg vàng.

Tiếp theo, đoàn đi dạo thuyền trên sông Chao Phraya, cho ta cảm nhận sự thay da đổi thịt và phát triển của thủ đô Bangkok. Nhìn bên tả chỉ có một ngôi chùa tháp đang được trùng tu, còn tất cả vẫn giữ nguyên. Còn bên hữu là những công trình lớn đồ sộ đang mọc lên như nấm...

Đoàn rời thủ đô Bangkok, chia tay những con người dễ mến, hiền hòa, hiếu sinh với muôn loài trên đất Thái đã để lại cho đoàn nhiều ấn tượng tốt, mến thương; chia tay anh Mác-cô và anh Thanh Phương với bao lời cảm ơn đã dành cho đoàn được đến nhiều nơi để cảm nhận tình yêu quê hương, dân tộc của đất nước bạn rồi ngắm lại mình, những di sản quý báu cần phải được trân trọng giữ gìn mà đôi lúc chúng ta lại coi thường và lãng quên...



Chánh điện chùa Phật Vàng



Tôn tượng Phật tử điện



Trước chánh điện chùa Phật Vàng




Điều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**
 45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM
08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666
 WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com



Việt An

Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhả và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống

○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

Hoa tươi hương sắc Thân tâm an lạc




Nước Cẩm Hoa

ASA



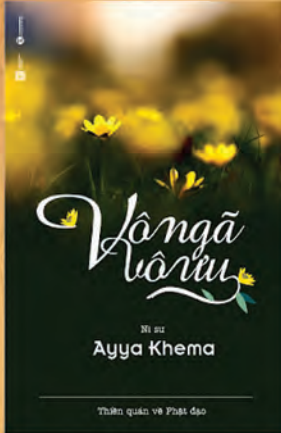
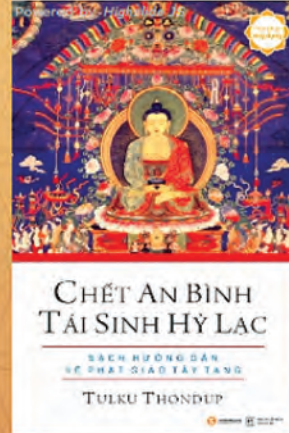
Tiết kiệm 50% chi phí mua hoa do thời gian hoa tươi lâu gấp 2 lần.



CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH
 Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn
www.facebook.com/ASAhoamypham



THÁI HÀ BOOKS SÁCH HAY THÁNG 7

THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

Tại Hà Nội: 53 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội - 043 7930480
 Tại TP HCM: 533/9 Huỳnh Văn Bánh, P. 14, Q.Phú Nhuận, TP HCM - 08 3991 3276

Nhà sách Thái Hà:
 Tại Hà Nội: 119C5 Tô Hiệu, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
 Tại TP HCM: Đường sách Nguyễn Văn Bình, Bến Nghé, Q.1, TP HCM
www.thaihabooks.com/nhasachthaiha.vn

KÍNH MỜI THAM GIA ĐĂNG QUẢNG CÁO & MUA BÁO

Số báo đặc biệt Vu lan - PL.2560

Số báo đặc biệt Vu lan - PL.2560 của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dự kiến phát hành ngày 15/8/2016 (nhằm ngày 13/7 Bính Thân), với nội dung phong phú, trình bày trang nhã, in 4 màu toàn bộ trên giấy Couche; là món quà mang đậm nét văn hóa để tặng cho đồng đạo, bạn hữu nhân mùa Vu lan.

Trân trọng kính mời chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử, quý vị doanh nhân và quý khách hàng gần xa tham gia đăng báo giới thiệu về hoạt động từ thiện, quảng cáo sản phẩm của doanh nghiệp và quảng bá hoạt động nhà hàng chay và cửa hàng văn hóa phẩm, v.v...

Giá bán : 22.000đ/cuốn

Giá đăng quảng cáo:

- Bìa 2 & 4 đã có khách đăng ký.

- Bìa 3: 8.000.000đ

- Các trang ruột:

1 trang	: 5.000.000đ
1/2tr	: 2.500.000đ
1/4tr	: 1.500.000đ
1/8 tr	: 500.000đ

- Hạn chót nhận file quảng cáo hoàn chỉnh & đăng ký báo (số lượng từ 50 cuốn trở lên - có giá ưu đãi) là ngày 8/8/2016.

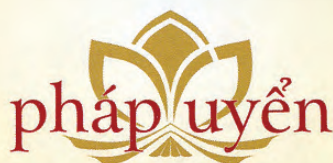
Vui lòng liên hệ:

- **Đăng quảng cáo:** Pháp Tuệ, ĐT: 0913 810082

Email: bongnguyen.vhpg@gmail.com

- **Đăng ký báo:** Ban Phát hành,

ĐT: (84-8) 3848 4335



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 – 08. 36 026 818 – 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NIÊN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh

☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trầm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Tại TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà Sách Văn Hiến ☎ 0903.806.155
411 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3

Siêu thị Satra ☎ 0903.806.155
C6/27 Phạm Hùng, P.10, Q.8

Nhà Gốm Xuân Thảo ☎ 0934.569.777
401 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8

Nhà Gốm Hà Đông

ĐC: A6 - Khu tập thể nhà văn hóa trung tâm
P. Văn Quán - Q. Hà Đông - Tp. Hà Nội
ĐT: 0913.566.408 - 0947.532.446

Tại Hà Nội

Nhà Gốm Nghi Tâm: ☎ 0912.66.1973
169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội

Nhà Gốm Pure Minimart ☎ 0913.55.47.22
Số 1 - Ngách 4/21 Ngõ Phương Mai - Q. Đống Đa - Hà Nội

Nhà Gốm Gạo ☎ 0988.888.966
41 Ngõ Thanh Miến - Văn Miếu - Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"





DIÊU TƯỚNG AM NAM KỲ
382B NAM KỲ KHỎI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663



DIÊU TƯỚNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363



DIÊU TƯỚNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỲ KHỎI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



Hoa Tiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin



CÔNG TY TNHH ĐIỀU KHẮC ĐÁ

MỸ HẢO

Nghệ nhân **NGUYỄN ĐỨC THÌN**

Giám đốc

ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979

Chuyên thiết kế & Thi công

- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết - Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP.Biên Hòa - Đồng Nai
(gần Khu công nghiệp Tam Phước)

Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com



PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.

□ Đ/C: cuối hẻm 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM □ ĐT: (08) 22477809

□ Di động: 0902 40 47 48 - 0972 898 818 □ Email: hoinguyen.kt@gmail.com

□ STK: 76935619 NH ACB chi nhánh Bình Thạnh, CTK: Ngô Phương Đức

□ STK: 1920206053273 NH Agribank, chi nhánh Bến Thành, CTK: Nguyễn Thị Hò



CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 254

Phát hành ngày 1 - 8 - 2016

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH: HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm - Giác mơ nhỏ
9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh
Anh Bùi Quý Dương
Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu
Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội
ĐT: 0938071188 - 0904990666
01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP.Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành
Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiền Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8
Phan Rang, Ninh Thuận
ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu
TP.Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu
Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiện
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa - Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình
TP.Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG